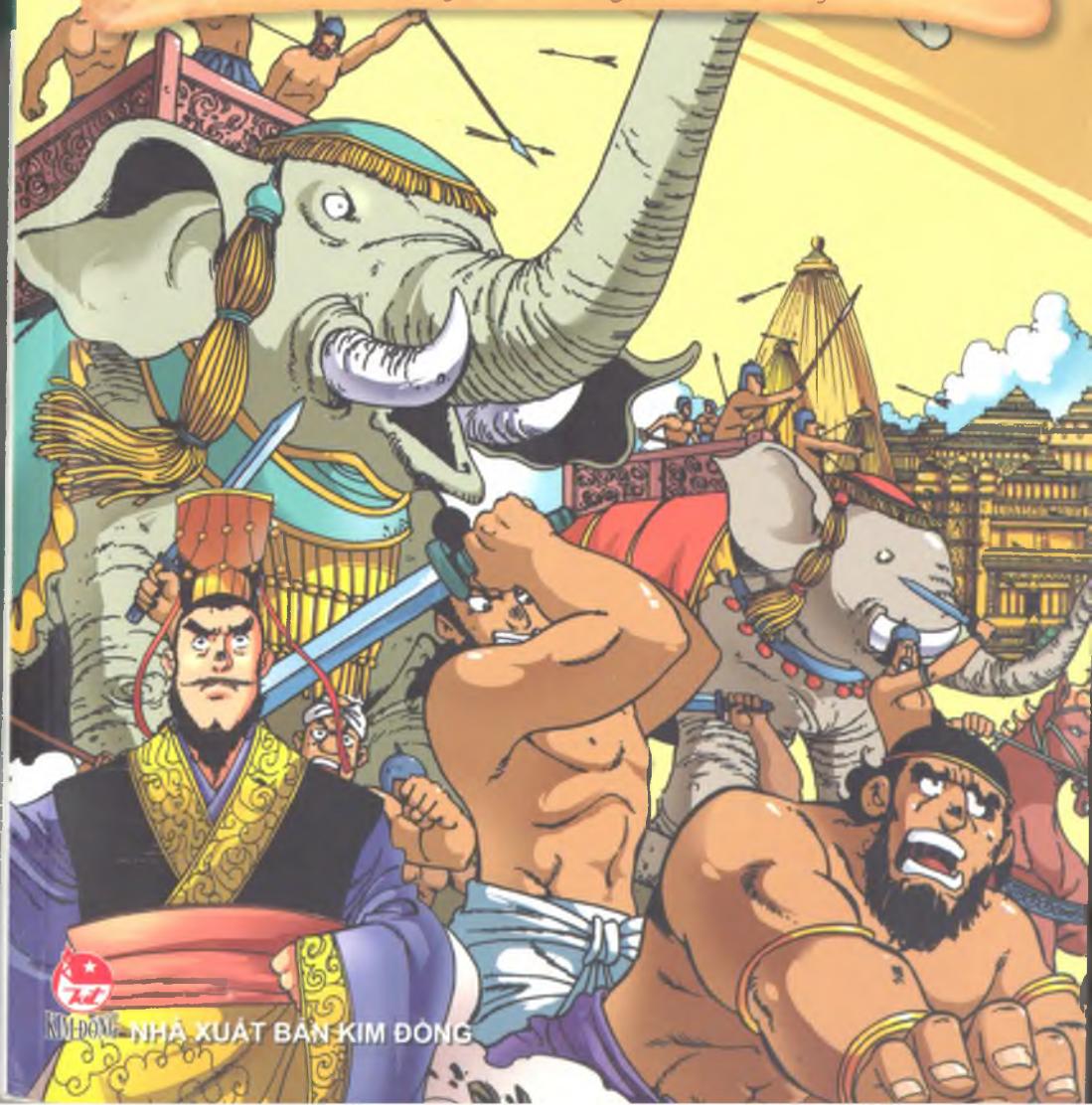


Lược sử thế giới bằng tranh

ẤN ĐỘ VÀ TRUNG HOA CỔ ĐẠI

Chủ biên: Zhang Wu Shun Người dịch: Thanh Uyên



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Lược sử thế giới bằng tranh

ẤN ĐỘ VÀ TRUNG HÓA CỔ ĐẠI

Chủ biên: Zhang Wu Shun

Người dịch: Thanh Uyên



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Trang 1:

Chương 1: Ấn Độ cổ đại và Phật giáo

Năm 3000 TCN

Nền văn minh nông nghiệp xuất hiện tại lưu vực sông Hoàng Hà.

Năm 2500 TCN

Văn minh Ấn Độ xuất hiện.



Nhà Tần thống nhất Trung Hoa.
Doanh Chính xưng đế.



Trang 187:

Niên biểu
sự kiện lịch sử

Trang 110: Hán Sở tranh hùng

Trang 141: Uy phong của Tây Hán

Trang 2: Xã hội Ấn Độ cổ đại

Trang 11: Sự ra đời của Phật giáo

Trang 31: Hoàng đế Asoka thúc đẩy Phật giáo

Năm 2000 TCN

Nền văn minh sông Ấn cực thịnh.



Năm 372 TCN

Triều đại Nanda
của Magadha
thống nhất Bắc
Ấn Độ.

Trang 109:

Chương 3: Triều Đại Nán
siêng sục ở Đông Á

Năm 1000 TCN

Người Aryan xây dựng quốc gia tại lưu vực sông Hằng, bắt đầu sử dụng đồ sắt.

Năm 770 TCN

Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp, sử gọi là Đông Chu, thời đại Xuân Thu bắt đầu.

Năm 600 TCN

Bắc Ấn Độ bước vào thời đại liệt quốc (các nước phàn tranh).

Năm 480 TCN

Phật tổ Siddhartha Gautama (Thích-ca Mâu-ni) ra đời.

Trang 45:

Chương 2:
Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa

Trang 45:
Thương Chu dien nghĩa

Trang 57:
Chiến Quốc tranh bá

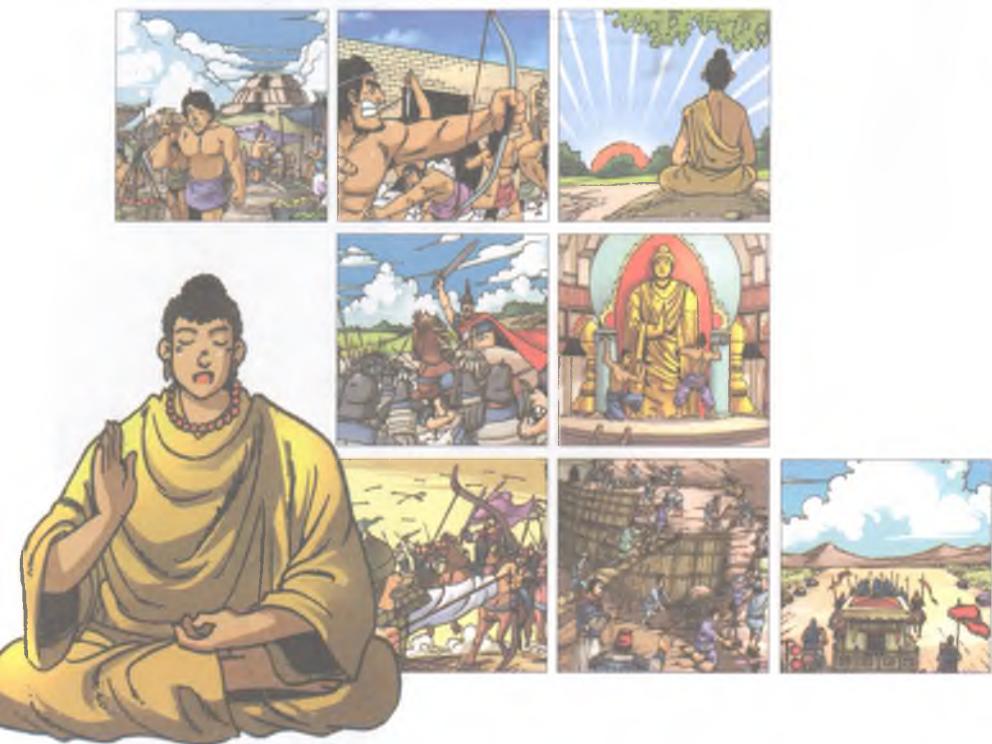
Trang 79:
Thành lập triều đại nhà Tần



Lời mở đầu

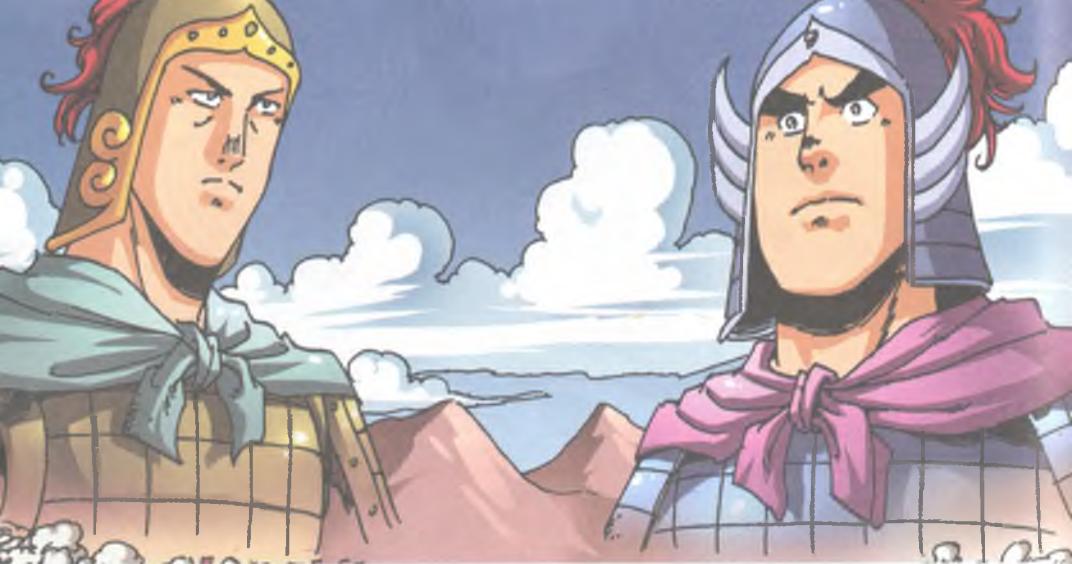
Trong cuốn sách này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa. Hai nền văn minh này xuất hiện muộn hơn văn minh Ai Cập và văn minh Lưỡng Hà.

Phạm vi địa lý của văn minh Ấn Độ tương đương với tiểu lục địa Ấn Độ ngày nay. Dãy núi và cao nguyên phía Bắc cách li hoàn toàn khu vực này với lục địa Âu Á. Những hóa thạch người vượn cổ được phát hiện đã chứng minh hàng triệu năm trước người cổ đại từng sinh sống ở đây. Những cư dân đầu tiên của Ấn Độ là người Dravidian. Họ đã sáng tạo ra văn minh cổ xưa nhất của Ấn Độ - văn minh sông Ấn. Sau đó, các dân tộc khác từ dãy núi phía Tây Bắc như người Aryan, người Ba Tư, người Hy Lạp, người Nguyệt Chi, người Hung Nô, người Ả Rập, người Mông Cổ, lũ lượt kéo tới xâm lược Ấn Độ.





Các dân tộc này không hề bị văn hóa Ấn Độ đồng hóa, mà trái lại còn mang theo những tập quán sinh hoạt, tôn giáo và nền văn hóa mới mẻ đến vùng đất này. Tại Ấn Độ đã hình thành rất nhiều dân tộc mới, song những nền văn hóa này lại không hề hòa trộn vào nhau. Sự khác biệt về văn hóa đã gây chia rẽ trong dân tộc Ấn Độ, chẳng hạn: Sự xâm nhập của người Aryan dẫn đến sự phân chia 4 đẳng cấp: Bà La Môn (tăng lữ), Kshastriya (quý tộc và võ sĩ), Vaisya (nông dân và thương nhân), Soudra (nô lệ). Chính sự chia rẽ này làm nảy sinh những ảnh hưởng tiêu cực trong lịch sử Ấn Độ và vẫn còn kéo dài đến tận ngày nay.



Vì thế, văn hóa Ấn Độ tồn tại rất nhiều yếu tố ngoại lai, hơn nữa trong suốt quá trình lịch sử, Ấn Độ chưa từng thống nhất về chính trị.

Nếu văn minh Ấn Độ là sự chia rẽ và gián đoạn thì văn minh Trung Hoa là sự thống nhất và liên tục. Trong lịch sử, có rất nhiều dân tộc du mục từng xâm lược khu vực Trung Hoa, thậm chí còn lập nên vài triều đại, nhưng không phải là người Trung Nguyên* buộc phải chấp nhận ngôn ngữ và văn hóa của kẻ xâm lược, mà là những kẻ xâm lược luôn bị nền văn hóa của Trung Nguyên đồng hóa nhanh chóng. Các dân tộc ngoại lai không gây chia rẽ trong dân tộc Trung Hoa như ở Ấn Độ, mà là hòa hợp hoàn toàn với người Trung Nguyên gốc. Người Trung Nguyên chính là chủng tộc da vàng, các dân tộc bị người Trung Nguyên chinh phục và các dân tộc chinh phục người Trung Nguyên cũng đều là chủng tộc da vàng. Vì thế trên cả dòng sông dài lịch sử, người Trung Nguyên từ đầu đến cuối đều thuộc cùng một chủng tộc, cùng một nền văn hóa, đồng thời chính trị cũng luôn duy trì được sự thống nhất.

* Ý chỉ khu vực trung và hạ lưu Hoàng Hà, là nơi phát nguyên của nền văn minh Trung Hoa.

Chương 1: Ấn Độ cổ đại và Phật giáo

Nội dung chính:

Xã hội Ấn Độ cổ đại

Sông Ấn và các đô thị cổ là bằng chứng lịch sử của nền văn minh Ấn Độ cổ đại. Các công trình kiến trúc trong những đô thị thời đó đều rất quy củ, ngăn nắp.

Sự ra đời của Phật giáo

Phật giáo cho rằng, nguồn gốc mọi đau khổ của con người là mong muốn có được những thứ không thể đạt đến. Trong vô số ham muốn của con người thì ham muốn tự lợi là lớn nhất.

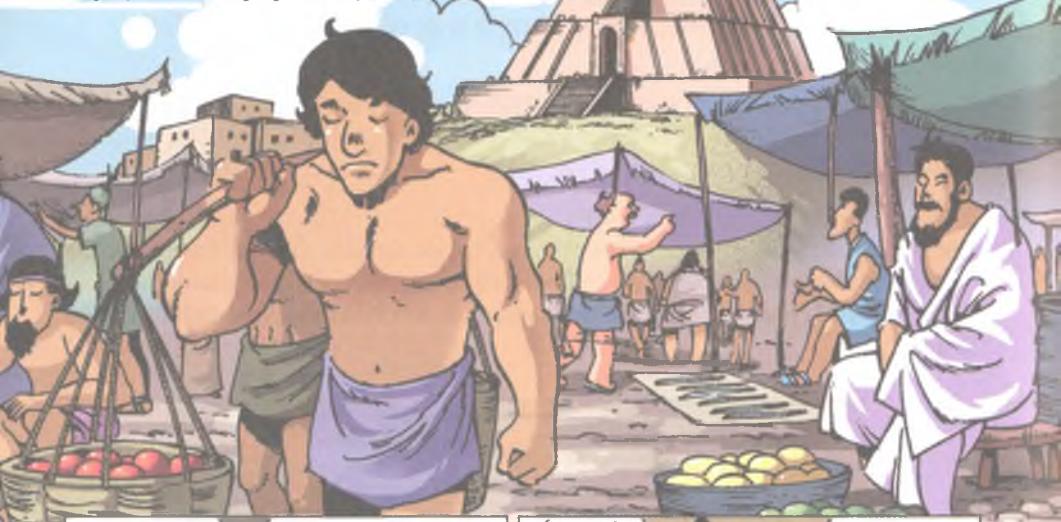
Hoàng đế Asoka thúc đẩy Phật giáo

Khi Hoàng đế Asoka đang chinh phạt Magadha, do tận mắt chứng kiến nhiều cảnh tượng giết chóc, ông đã tỉnh ngộ. Vì thế ông ngừng việc mở mang lãnh thổ bằng vũ lực, lấy Phật pháp hóa để chinh phục các nơi, đồng thời quy định Phật giáo là quốc giáo.



Xã hội Ấn Độ cổ đại

Khoảng 4.000 năm trước, tại một khu chợ trên đồng bằng do hai con sông Euphrates và sông Tigris bồi đắp...



CHIẾC BÌNH
NÀY THẬT
TINH XÁO!

NHỮNG THƯƠNG
NhÂN TỪ ĐẤT NƯỚC
PHƯƠNG ĐÔNG XA
XỐI MANG TỚI
ĐÂY!

ĐẤT NƯỚC
PHƯƠNG
ĐÔNG XA
XỐI Ủ?

HỌ LÀ
AI VẬY?

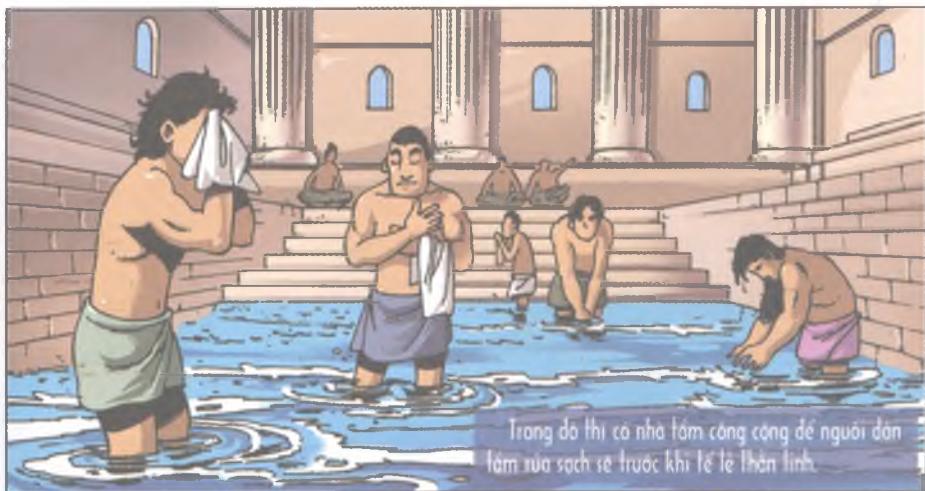
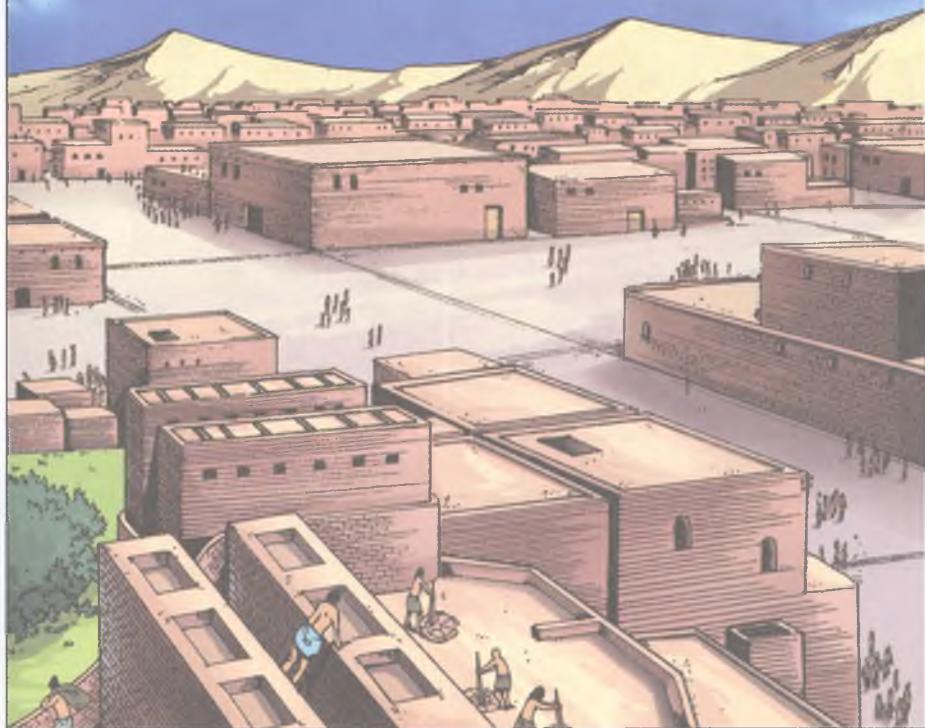


TÔI CŨNG
KHÔNG RÔ
LÂM.

CHỈ
NGHE
HỌ NÓI
LÀ...

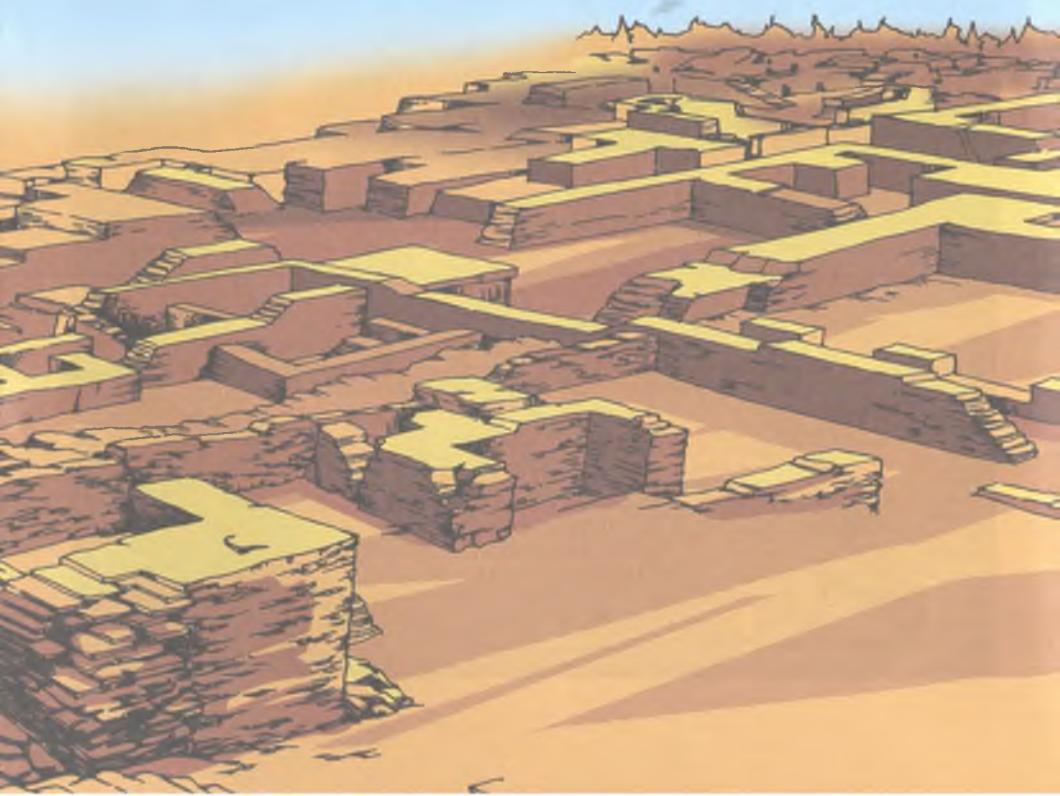


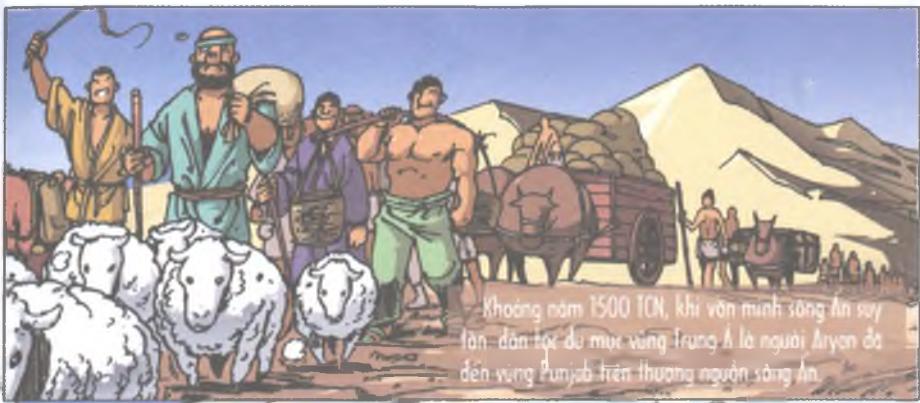
Nơi đó đường phố không chỉ rộng rãi, quy củ, toàn là những ngôi nhà hai tầng được xây bằng gạch, mà còn lắp đặt cả đường ống nước nổi và đường ống nước ngầm.





Nền văn minh của đất nước xa xôi đó chính là nền văn minh do sông Ấn chảy qua Pakistan nuôi dưỡng. Thế nhưng nền văn minh từng huy hoàng một thời này lại suy tàn vào khoảng năm 1800 TCN, có lẽ là do các nguyên nhân như: xảy ra trận động đất lớn, lũ lụt, dòng sông đổi dòng, rừng bị chặt phá bừa bãi hay việc buôn bán bị cắt đứt...



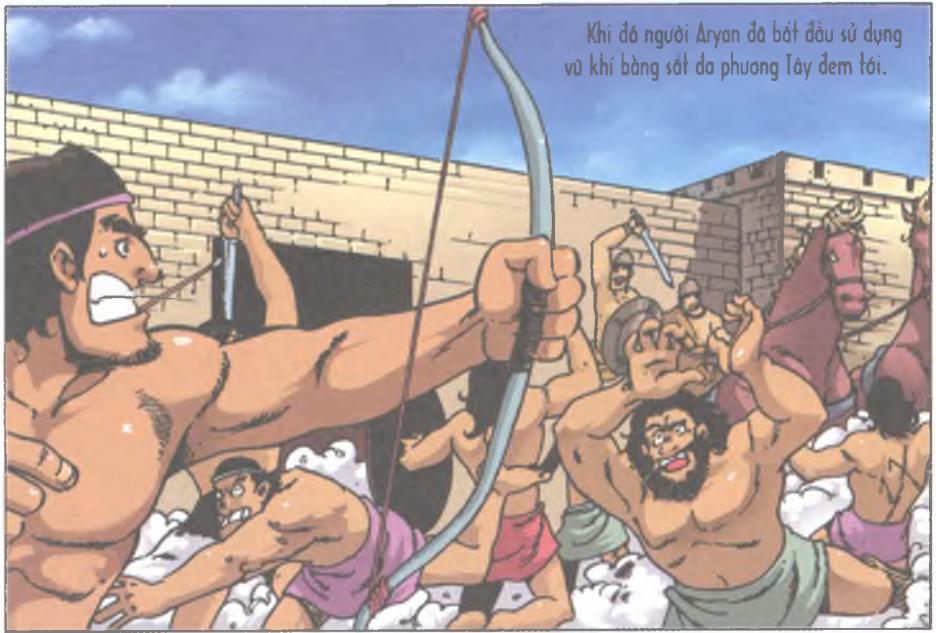


Khoảng năm 1500 TCN, khi ván mìn sông Ấn suy tàn, dân tộc du mục vùng Trung Á là người Aryan đã đến vùng Punjab trên thương nguồn sông Ấn.

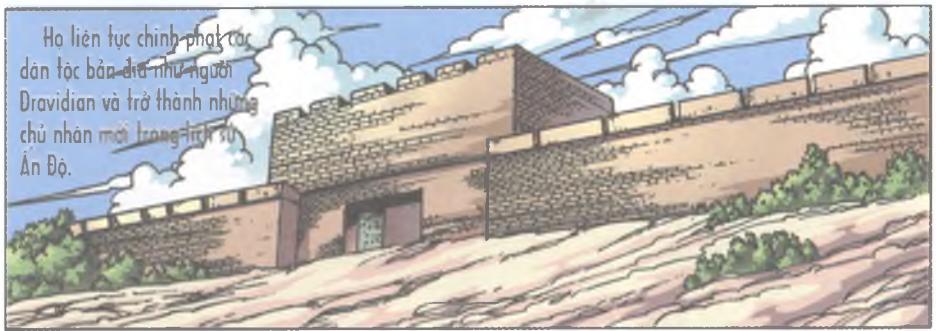
Bé tìm kiếm nơi cư trú vừa ý,
người Aryan đã tiến hành cuộc di cư, một tớp trong số đó đã đến
thương nguồn sông Ấn.







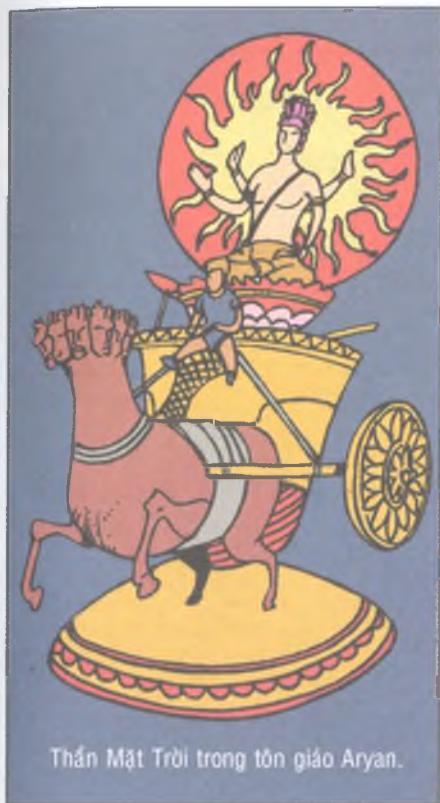
Khi đó người Aryan đã bắt đầu sử dụng vũ khí bàng sát do phương Tây đem tới.



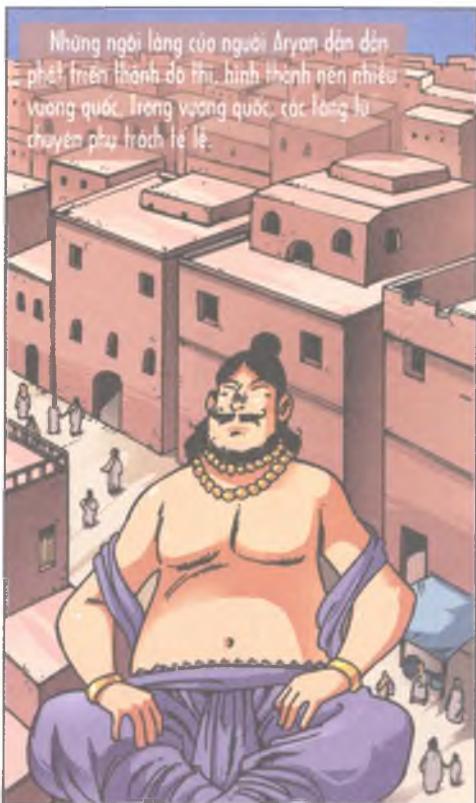
Họ liên tục chinh phạt các dân tộc bản địa như người Dravidian và trở thành những chủ nhân mới trong lịch sử Ấn Độ.



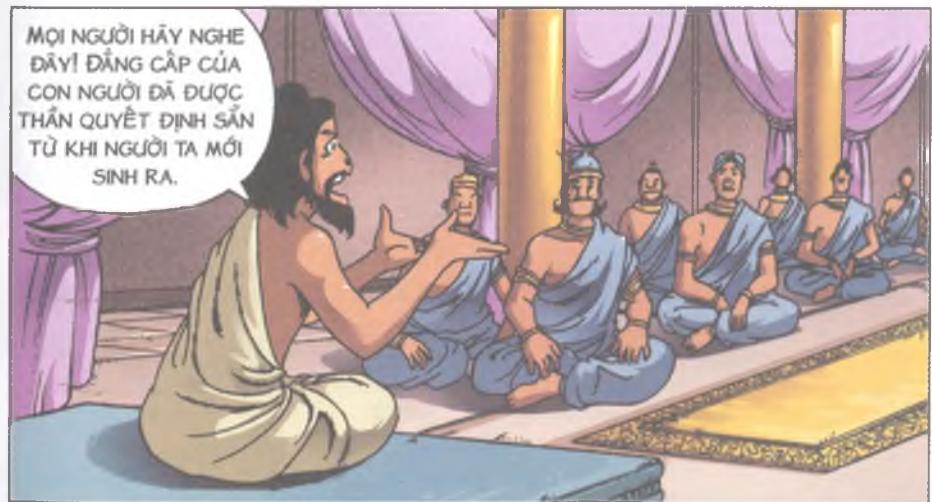
Khi di cư đến vùng Punjab đất đai phì nhiêu, không lâu sau người Aryan bắt đầu trống trọt. Hàng trăm năm sau đó, họ cũng nhiều lần cát quan xâm lược lưu vực sông Hằng.



Thần Mặt Trời trong tôn giáo Aryan.



Những ngôi làng của người Aryan dần dần phát triển thành đô thị, hình thành nên nhiều vương quốc. Trong vương quốc, các lăng lù chuyên phụ trách tết lễ.



MỌI NGƯỜI HÃY NGHE
ĐÂY! ĐẲNG CẤP CỦA
CON NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC
THẦN QUYẾT ĐỊNH SẴN
TỪ KHI NGƯỜI TA MỚI
SINH RA.

Con người được chia thành 4 đẳng cấp, đẳng cấp thứ nhất có quyền lực nhất là Bà La Môn gồm các tăng lù.



Đẳng cấp thứ 2 là Kshatriya, bao gồm quốc vương, quý tộc và võ sĩ.



Đẳng cấp thứ 3 là Vaisya, bao gồm nông dân và thương nhân.



Đẳng cấp thấp nhất chính là Soudra gồm các nô lệ.

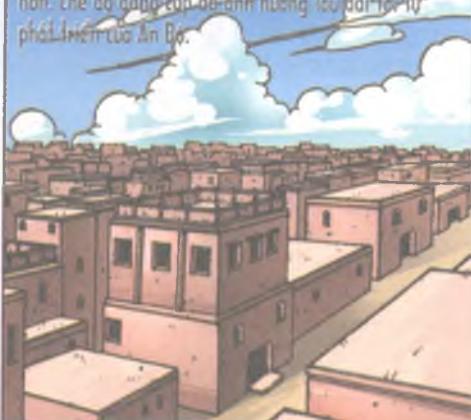


CHẾ ĐỘ ĐẲNG CẤP NÀY ĐƯỢC TRUYỀN TỪ ĐỜI NÀY SANG ĐỜI KHÁC, ĐẾN ĐỜI CHÁU CHẮT CŨNG KHÔNG THAY ĐỔI ĐÂU.

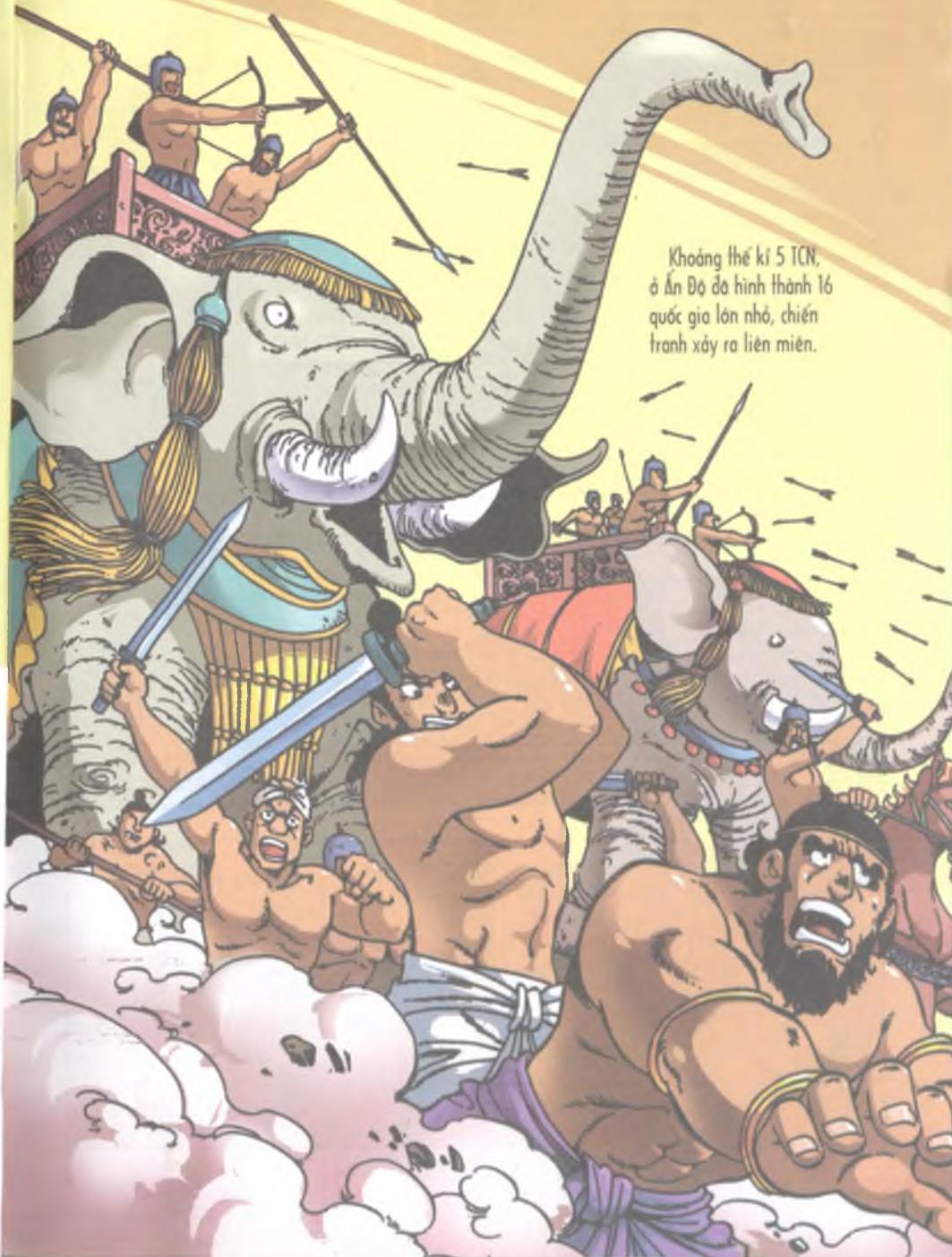
HƠN NỮA, NHỮNG NGƯỜI KHÔNG THUỘC CÙNG MỘT ĐẲNG CẤP THÌ KHÔNG THỂ KẾT HÔN VỚI NHAU, NGAY CÁ CÙNG NGỒI ĂN VỚI NHAU CŨNG KHÔNG ĐƯỢC.



Chế độ đẳng cấp chia biệt địa vị cho những người Arya khung lệc da trắng với những người da-ban da da đen, vì thế ban đầu gọi là đẳng cấp theo màu da (chế độ Varna), sau này nó lại phát triển phức tạp hơn. Chế độ đẳng cấp đã ảnh hưởng lâu dài tới sự phát triển của Ấn Độ.



Sự ra đời của Phật giáo



Khoảng thế kỷ 5 TCN,
ở Ấn Độ đã hình thành 16
quốc gia lớn nhỏ, chiến
tranh xảy ra liên miên.

Dân tộc Sakya (Thích-ca) -
Thành Kapilavastu



NƯỚC TA LÀ
MỘT NƯỚC NHỎ
LUÔN CHIẾU SỰ
THỐNG TRỊ CỦA
KOSALA.



SIDDHARTH, KHI
TRỞ THÀNH QUỐC
VƯƠNG, CON NHẤT
ĐỊNH PHẢI LÀM ĐẤT
NƯỚC LỚN MẠNH
HƠN.

BIẾT
KHÔNG
HÀ?

CON
BIẾT
RỒI A.

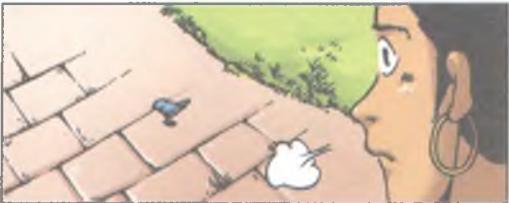
Siddhartha
Gautama
(Tất Đạt Đà
còn Đàm)

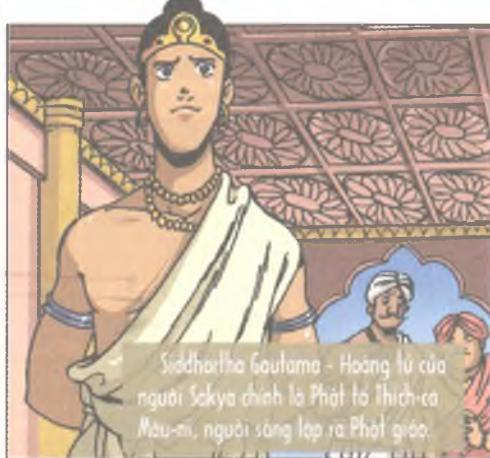


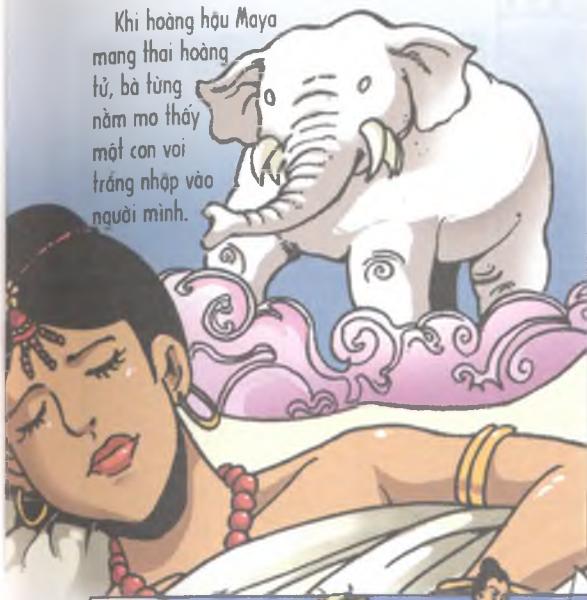
THỬA PHỤ
VƯƠNG, HOÀNG
NHI THẦY HƠI
MỆT, MUỐN VỀ
PHÒNG NGHỈ
NGƠI A.



Ừ, THỜI
ĐƯỢC!







Khi hoàng hậu Maya
mang thai hoàng
tử, bà từng
nằm mơ thấy
một con voi
trắng nhập vào
người mình.



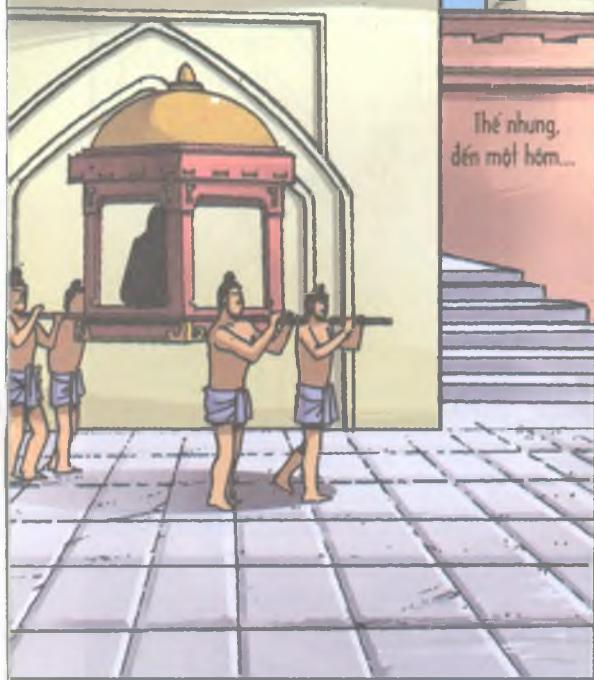
Vừa mới chào đời, hoàng tử đã đi về
phía Đông 7 bước và cất tiếng nói.



Mới họ sinh hoàng tử được 7 ngày thi hoàng hậu Maya qua đời. Còn hoàng tử
vẫn lớn lên khỏe mạnh. Để nòi ngai vua, ngài học nhiều kiến thức và vò nghệ.



BIẾT ĐẦU SAU
NÀY CON TA
KHÔNG NHỮNG
LÀ VUA CỦA
NGƯỜI SAKYA,
MÀ CÒN LÀM
VUA CỦA CẢ
THẾ GIỚI!

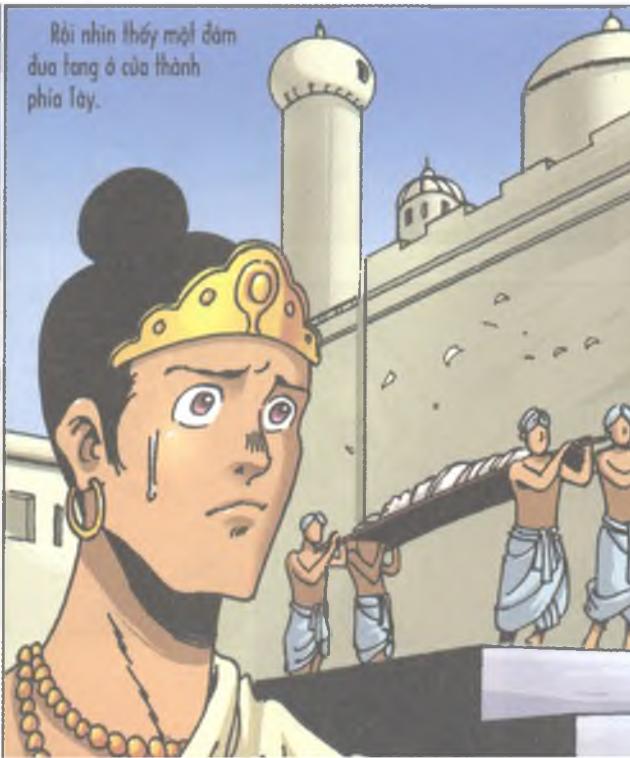


Thế nhưng,
đến một hôm...

Hoàng tử nhìn thấy một cự già
yếu ớt ở cửa thành phía Đông.

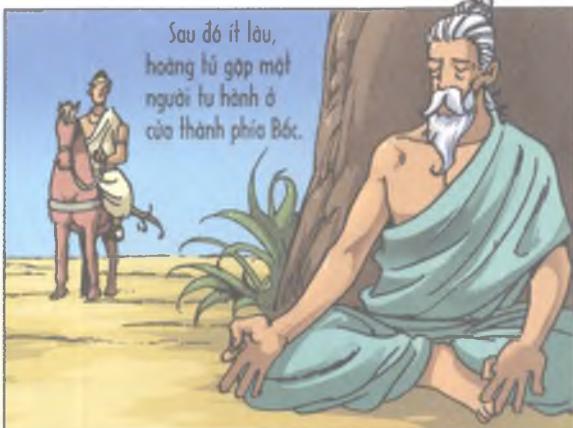


Khi đến cửa thành
phía Nam, hoàng tử
lại gặp một người
đau ốm đang thương

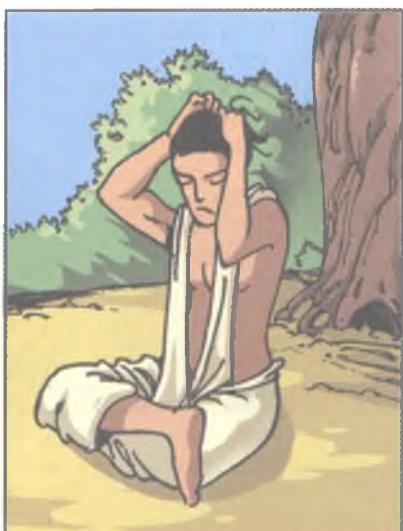
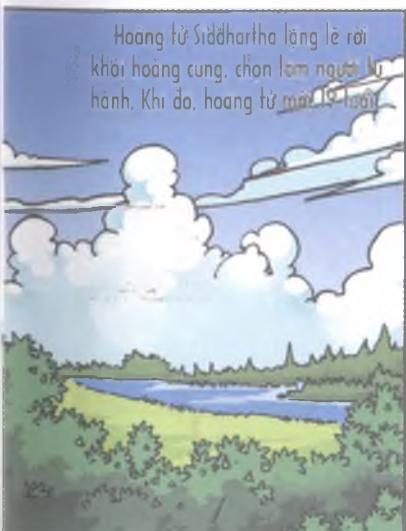


Rồi nhìn thấy một đám
đuôi lang ở cửa thành
phía Tây.

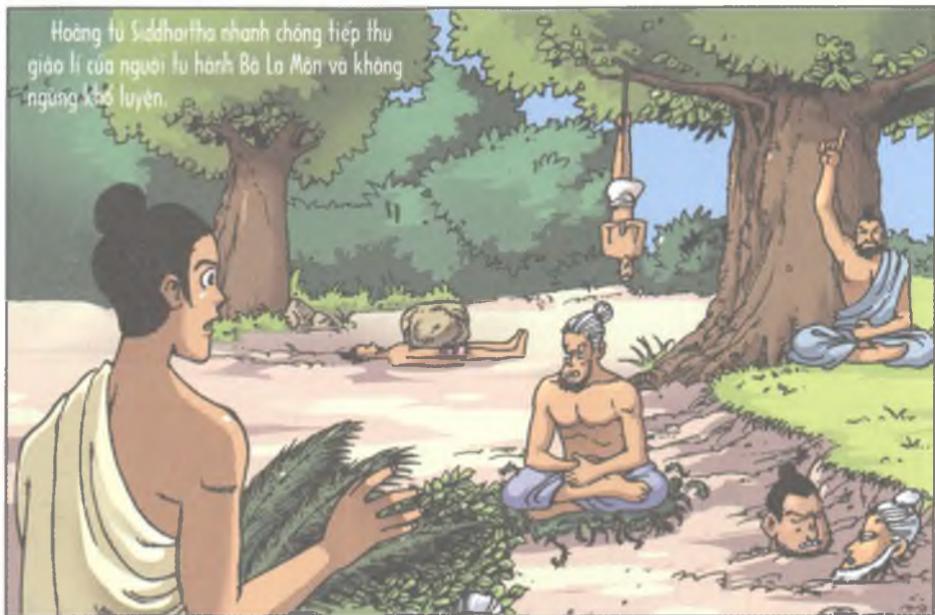








Hoàng tử Siddhartha nhanh chóng tiếp thu giáo lý của người tu hành Ba La Môn và không ngừng khổ luyện.



CHỈ CÓ THỰC
SỰ KHỔ
LUYỆN TU
HÀNH.

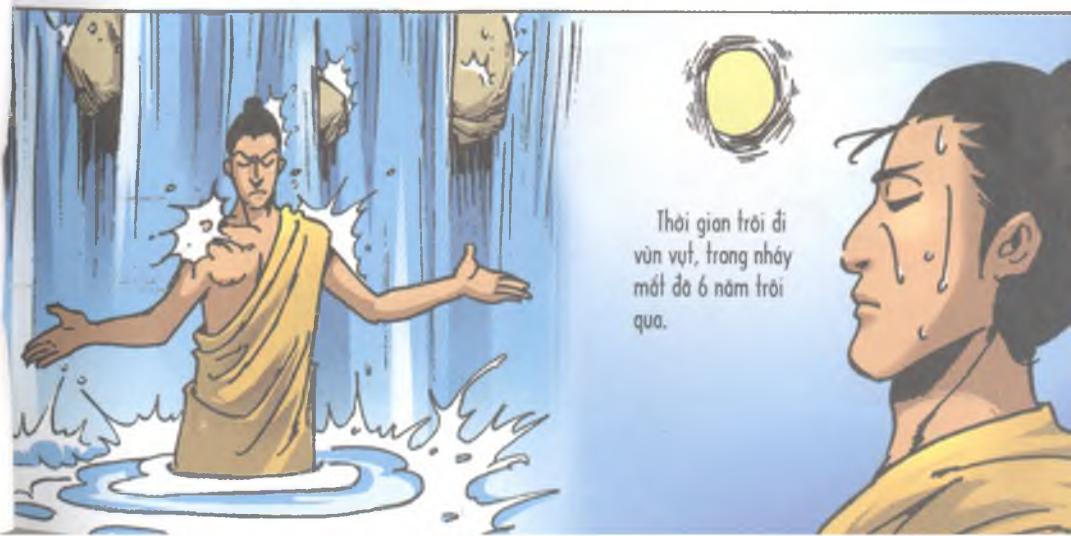
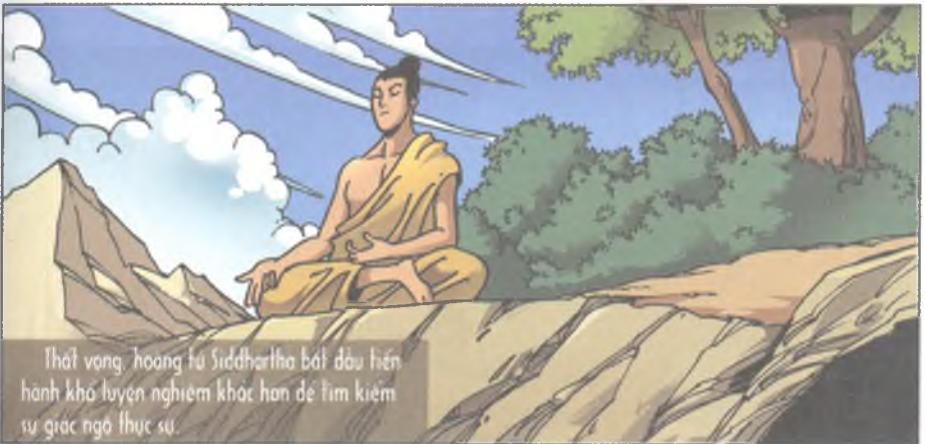
THÌ MỚI CÓ THỂ
HẠNH PHÚC Ở
KIẾP SAU.

TU HÀNH CHỈ
LÀ ĐỂ CÓ
ĐƯỢC HẠNH
PHÚC Ở KIẾP
SAU Ủ?

TA TU HÀNH LÀ ĐỂ GIÚP
MỌI NGƯỜI VƯỢT QUA
NỖI KHỔ CỦA THẾ GIỚI
HIỆN TẠI, TÌM KIếm SỰ
BÌNH AN TRONG TÂM
HỒN...

VÔ
VÂN!
CHỈ CÓ TĂNG LŨ
MỚI CÓ THỂ GIÁC
NGỘ, CÒN VIỆC
PHỔ ĐỘ CHÚNG
SINH* LÀ ĐIỀU
KHÔNG THỂ!







VIỆC TỰ
HÀNH CŨNG
GIỐNG NHƯ
CĂNG DÂY
ĐÀN VẬY!

KHÔNG THỂ
MỘT MỤC THEO
ĐUỔI VIỆC KHÓ
LUYỆN, VÌ NHƯ
VẬY SẼ KHÔNG
THU ĐƯỢC
CHÍNH QUẢ.

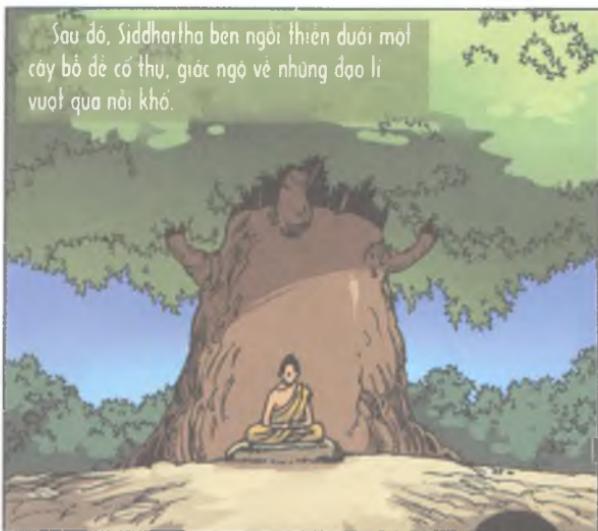
ĐI THEO
CON ĐƯỜNG
TRUNG
DUNG MỚI
LÀ CHÍNH
XÁC.

Không lâu sau, Siddhartha đã nhận một bát súp voi
một ông nông người dân trong làng bồi thí cho. Ông cảm
thấy đây là thức uống ngon nhất trong thời gian tu hành.

CẢM ƠN
CÔI!

SỨC KHỎE
CỦA TA ĐÃ
HỒI PHỤC!

Sau đó, Siddhartha ben ngồi thiền dưới một cây bồ đề cổ thụ, giác ngộ về những đau khổ vượt qua nỗi khổ.



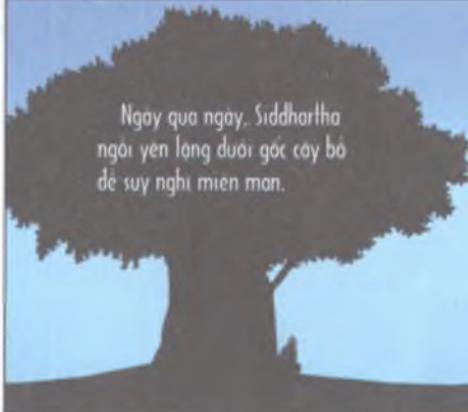
Bắt cứ chuyện gì xảy ra đều có nguyên nhân, vậy nguyên nhân của những thứ khiến người ta đau khổ vì già yếu, bệnh tật, chết chóc là gì?

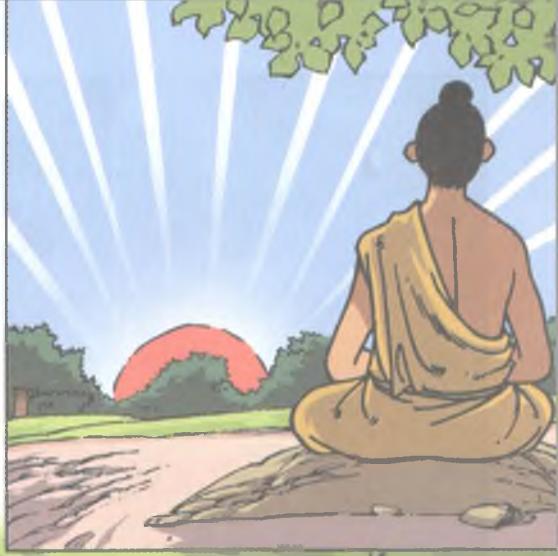


Bố chính là những ham muốn được trê mài, khỏe mài, sống mài. Muốn vượt qua nỗi khổ của cuộc đời thì cần phải rũ bỏ những ham muốn đó.



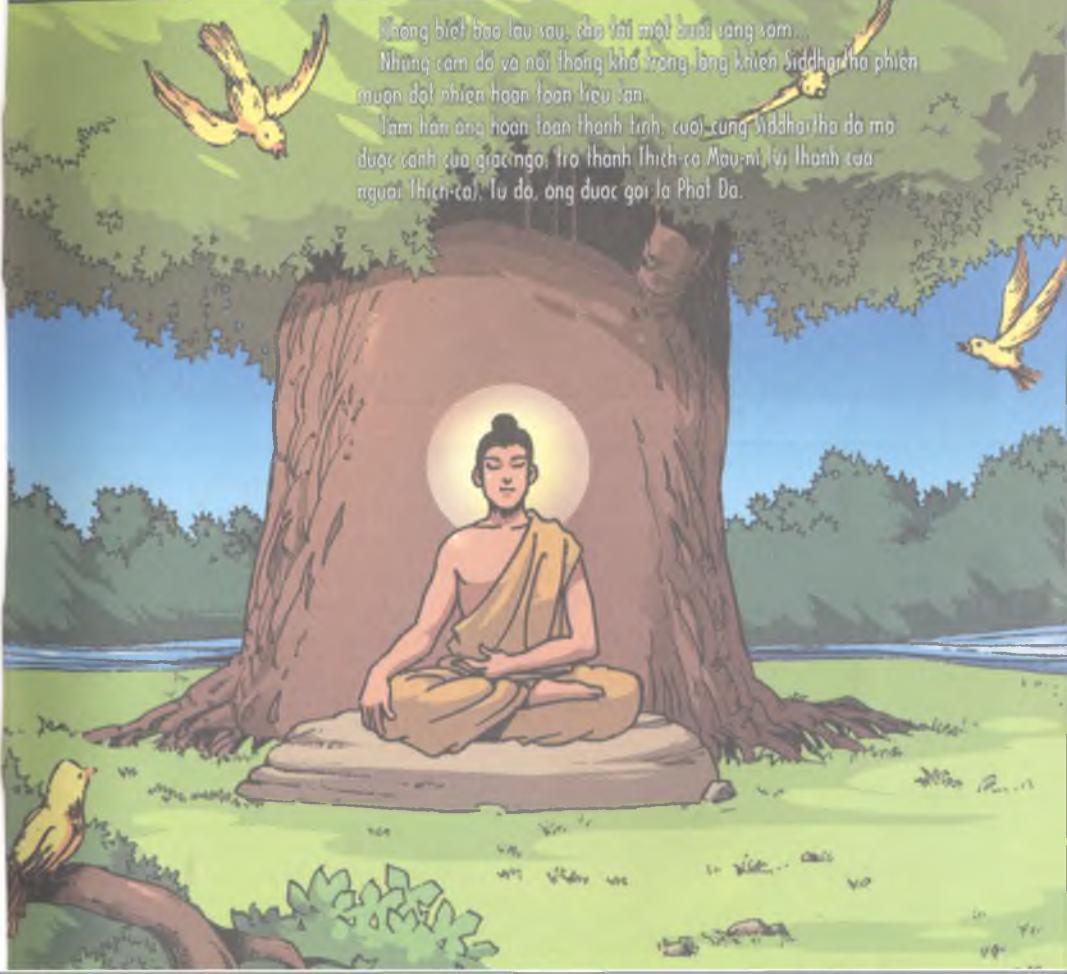
Ngay qua ngày, Siddhartha ngồi yên lóng dưới gốc cây bồ đề suy nghĩ miên man.





Không biết bao lâu sau, rán lại một buổi sáng sớm...
Nhưng cảm đó và nỗi thống khổ trong lòng khiến Siddhartha phiền
muộn đợt nhen hoan loạn kêu lóc.

Tâm hồn ông hoan toàn thanh tịnh, cuối cùng Siddhartha đã mờ
được cảnh của giang sêng, tro thành Thích-ca Mâu-ni (vị thánh của
người Thích-ca), lú đà, ông được gọi là Phật Đá.





Không lâu sau, để truyền bá
giáo lý, Phật Đà đã tới Sarnath ở
thành phố Varanasi.

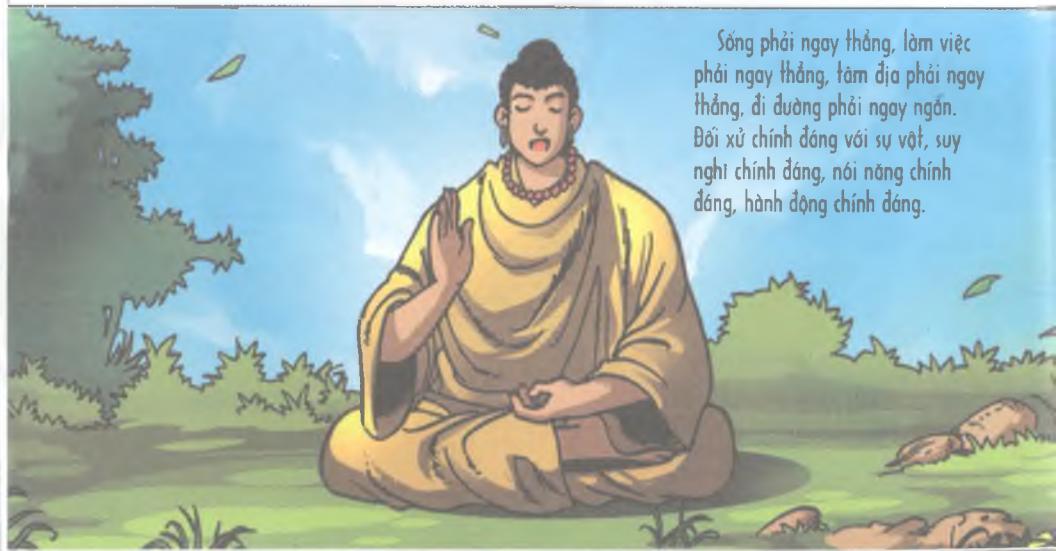


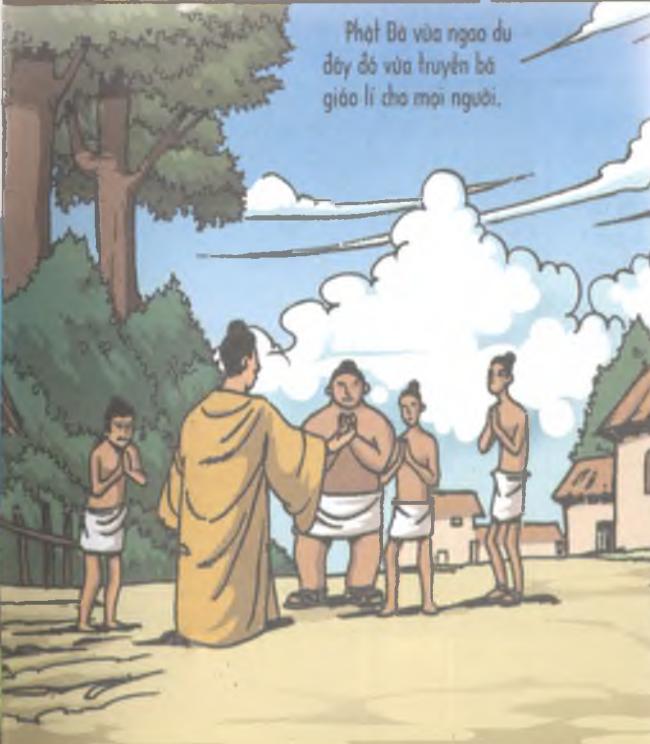
XIN HỎI NÊN LÀM
THẾ NÀO THÌ MỚI
XÓA BỎ ĐƯỢC
HAM MUỐN?



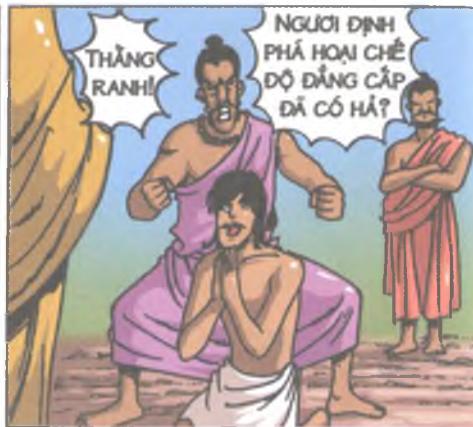
TRƯỚC TIỀN PHẢI
HIỂU CON NGƯỜI
LÀ ĐA BIỂN, LÀ VÔ
THƯỜNG. SAU ĐÓ...

Sống phải ngay thẳng, làm việc
phải ngay thẳng, tâm địa phải ngay
thẳng, đi đường phải ngay ngắn.
Đối xử chính đáng với sự vật, suy
nghi chính đáng, nói năng chính
đáng, hành động chính đáng.





ĐƯỜNG NHIÊN
LÀ ĐƯỢC, TRONG
THẾ GIỚI CỦA
PHẬT, NGƯỜI
NGƯỜI ĐỀU
BÌNH ĐẲNG.



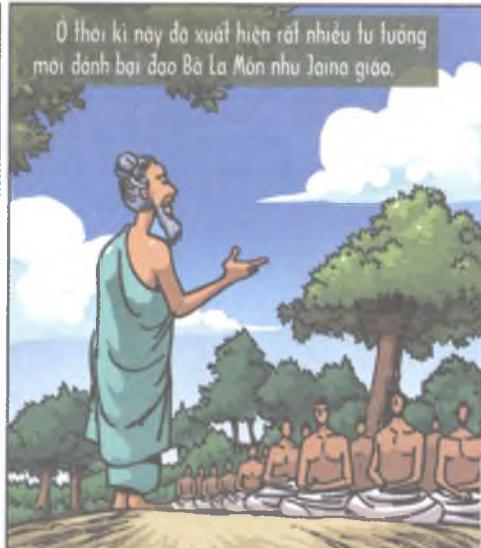
ÁNH MẶT TRỜI
KHÔNG CHỈ CHIỀU
RỘI TRÊN ĐẦU
CỦA NHỮNG
NGƯỜI BÀ LA
MÔN, ĐÚNG
KHÔNG?



THẾ GIỚI GIÁC
NGỘ NHƯ THẾ
TIA SÁNG
MẶT TRỜI VẬY,
TẤT CẢ ĐỀU
BÌNH ĐẲNG!



Ở thời kì này đã xuất hiện rất nhiều tu tuồng
mới đánh bại đạo Bà La Môn như Jain giáo.





Trong 45 năm sau đó, Phật Đà
ngao du bốn phương, ca ngợi giáo
lý, rất nhiều người đã được cảm hóa
và trở thành tín đồ Phật giáo.



Người Sakya đều trở thành tín đồ Phật
giáo. Con trai của Phật Đà là Rahula cũng
trở thành đệ tử của Phật Đà và cùng cha
huyền bá giáo lý của Phật giáo.



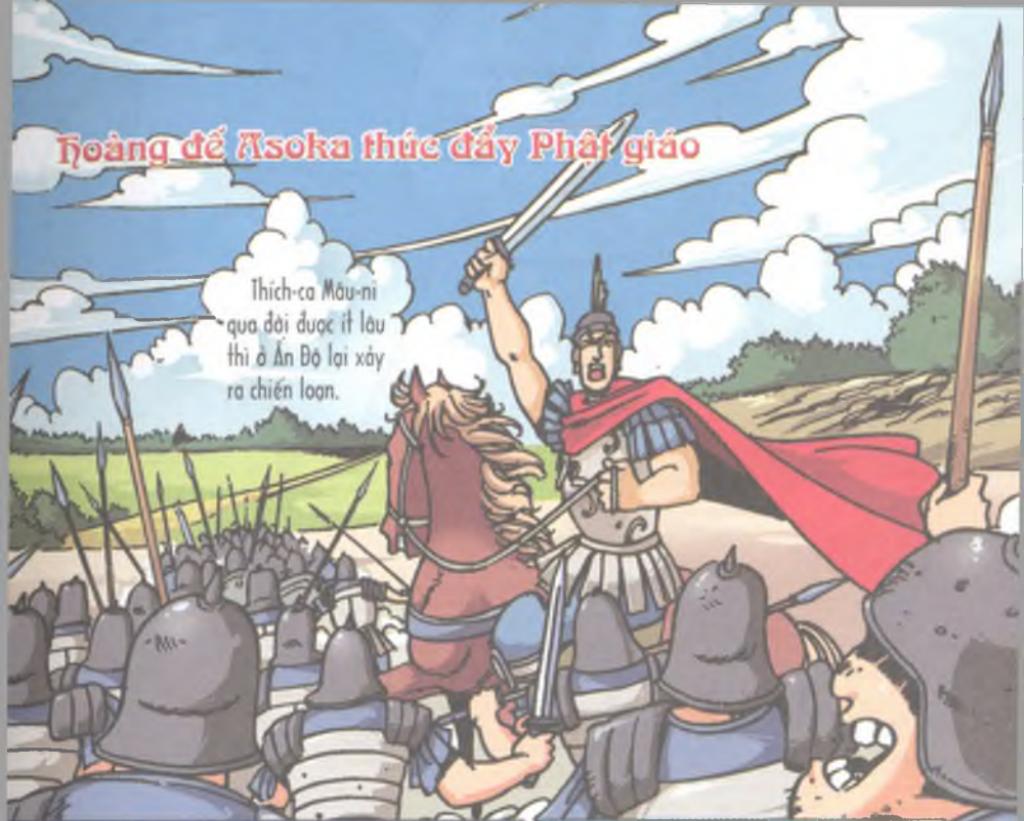
Cuối cùng Phật Đà tới một địa phương
có tên là Kushinagar...



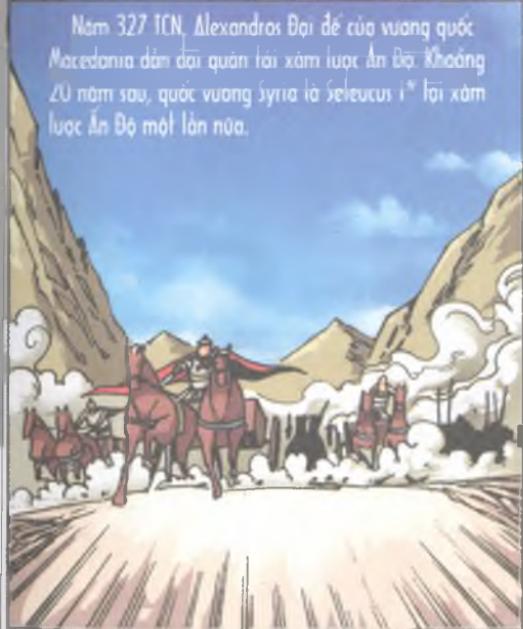
Hình bên trái là bức phù điêu về cây bồ đề. Tương truyền rằng Phật đã ngồi thiền và giác ngộ dưới cây bồ đề, vì thế cây bồ đề còn được gọi là cây giác ngộ.

Hoàng đế Asoka thúc đẩy Phật giáo

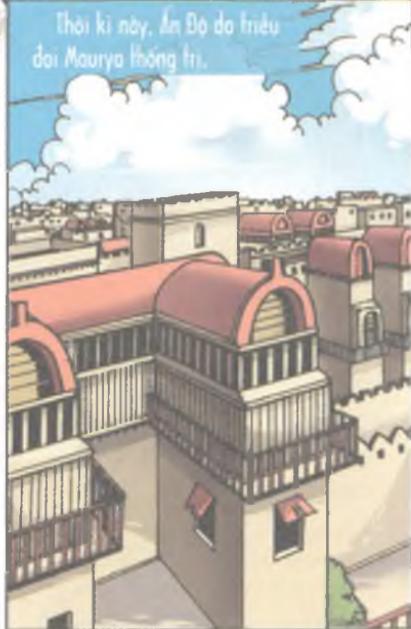
Thích-ca Mâu-ni
qua đời được ít lâu
thì ở Ấn Độ lại xảy
ra chiến loạn.



Năm 327 TCN, Alexandros Đại đế của vương quốc Macedonia dàn dội quân tái xâm lược Ấn Độ. Khoảng 20 năm sau, quốc vương Syria là Seleucus I¹ tái xâm lược Ấn Độ một lần nữa.



Thời kì này, Ấn Độ do triều đại Maurya thống trị.



¹Vị tướng dưới quyền Alexandros Đại đế. Sau khi Alexandros Đại đế qua đời, ông đã xây dựng vương quốc Syria.

QUÂN SYRIA! CÓ
GIỚI THỊ ĐÁNH TỐI ĐỊ!
QUÂN ÂN ĐỘ CHÚNG
TA KHÔNG SỢ CÁC
NGƯỜI ĐÂU!

Đội quân Ân Độ do vua Chandragupta dẫn đầu và đội quân Syria do vua Seleucus I dẫn đầu đối mặt với nhau bên hai bờ sông Ân.

GÌ...
GÌ CƠ?

QUÂN ÂN ĐỘ
LẠI CÓ ĐỘI QUÂN
HÙNG MẠNH ĐẾN
THẾ U!

XEM RA, QUÂN
TA KHÔNG THỂ
NẮM CHẮC PHẦN
THẮNG HOÀN
TOÀN RỒI.

TỐT NHẤT
LÀ NGHỊ HÒA VỚI
CHANDRAGUPTA
THÔI!

Quân Syria và quân Ân Độ
đã kí kết hòa ước.



ĐẠI VƯƠNG TRỊ QUỐC
THẬT TÀI TÌNH KHIÊN
CHO NGƯỜI NGƯỜI
KHÂM PHỤC. TÔI MUỐN
GÁ CON GÁI CHO NGÀI
LÀM VƯƠNG PHI,
NGÀI THẤY THẾ
NÀO?

TUYỆT QUÁ! BẢN VƯƠNG
SẼ TẶNG 500 CON VOI
LÀM LỄ VẬT!

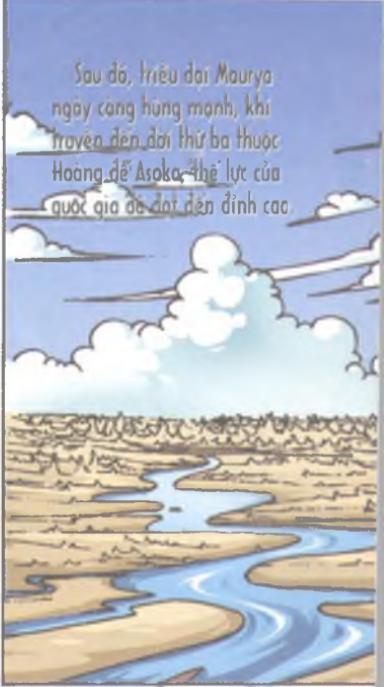


VUA SELEUCUS I

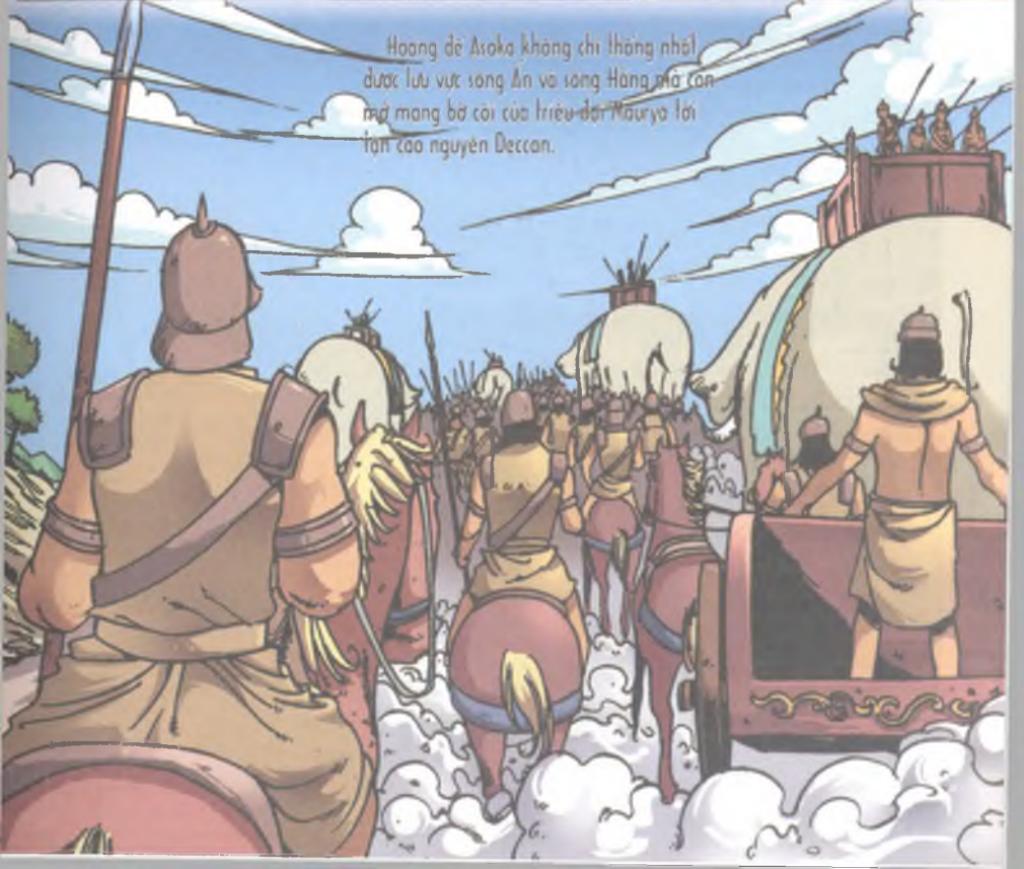


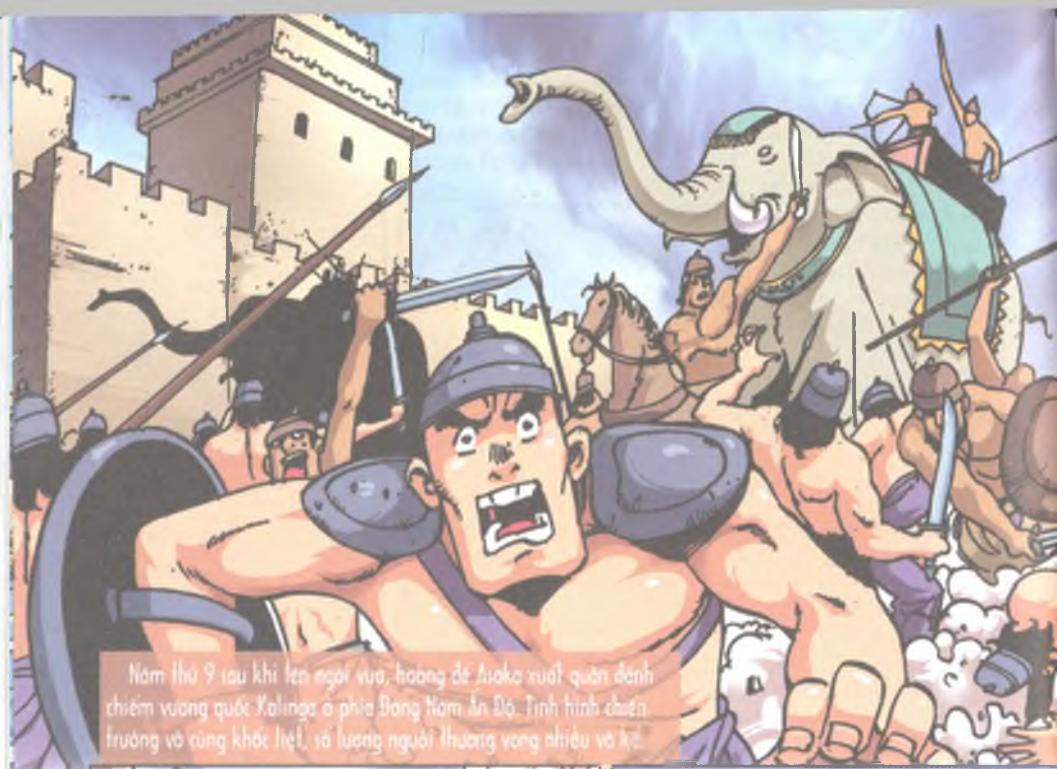
VUA CHANDRAGUPTA

Sau đó, triều đại Maurya
ngay càng hùng mạnh, khi
truyền đến đất thứ ba thuộc
Hoàng đế Asoka, thế lực của
quốc gia đã đạt đến đỉnh cao.



Hoàng đế Asoka không chỉ thông nhát
được lưu vực sông Ấn và sông Hằng phía nam
mà mang bờ cõi của triều đại Maurya tới
tanj cao nguyên Deccan.





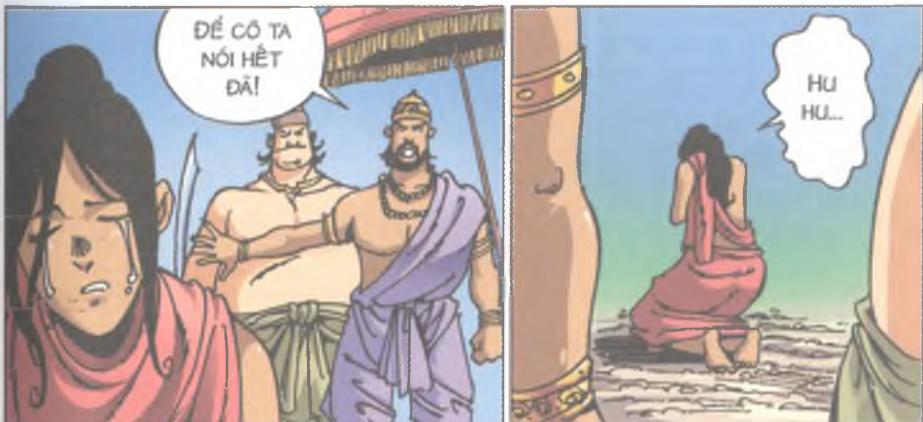
Năm thứ 9 sau khi lên ngôi vua, hoàng đế Asoka xuất quân đánh chiếm vương quốc Kalinga ở phía Đông Nam Ấn Độ. Tình hình chiến trường vô cùng khốc liệt, số lượng người thương vong nhiều vô kể.

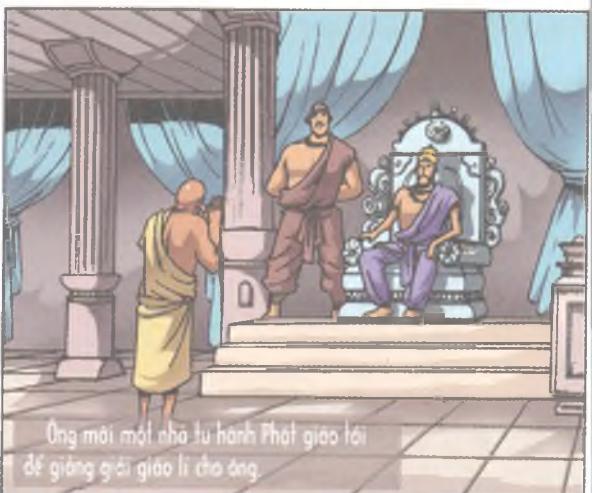
Tuy nhiên số người chết do đói rét và bệnh dịch còn nhiều hơn số người chết vì chiến tranh.



HOÀNG ĐẾ ASOKA



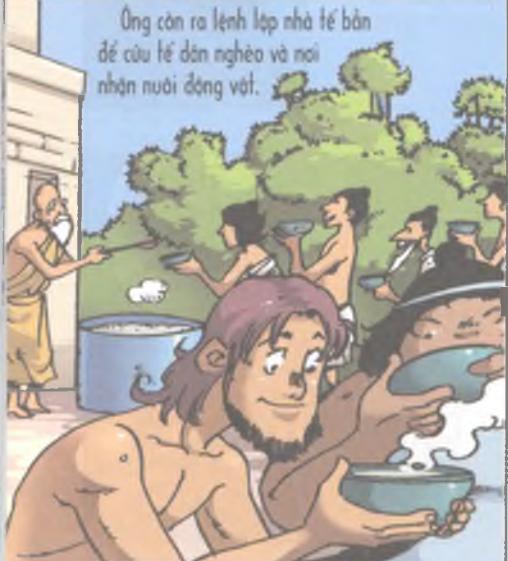






Sau khi tro thanh fin do Phat giao, hoang de Asoka
do di tham nhung noi Phat ta tung giang kinh, dong
hoi va dung thap Phat tai noi Phat ta sinh ra.

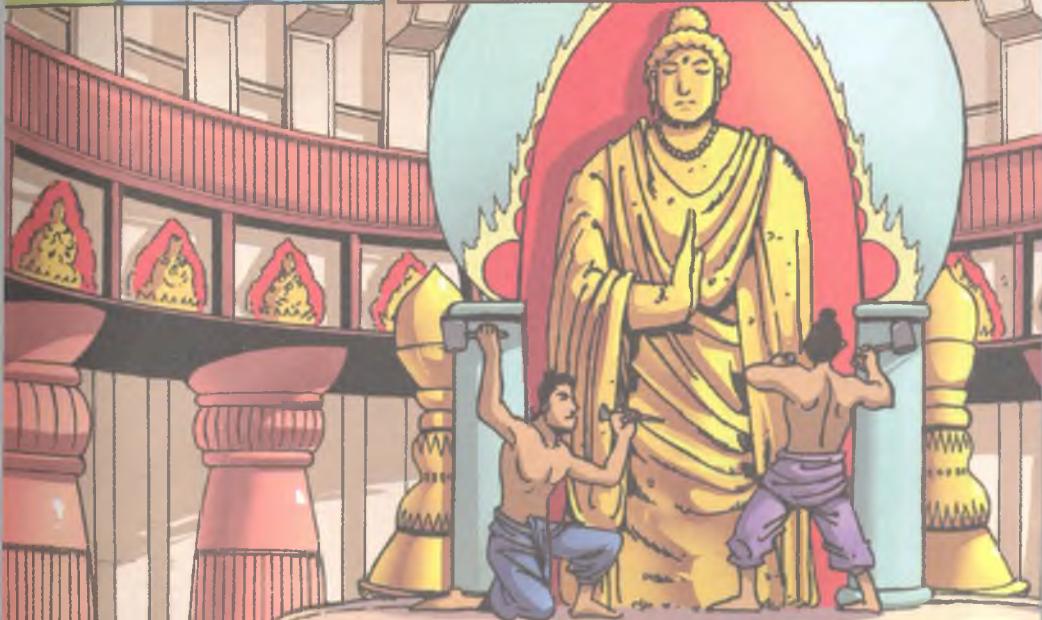
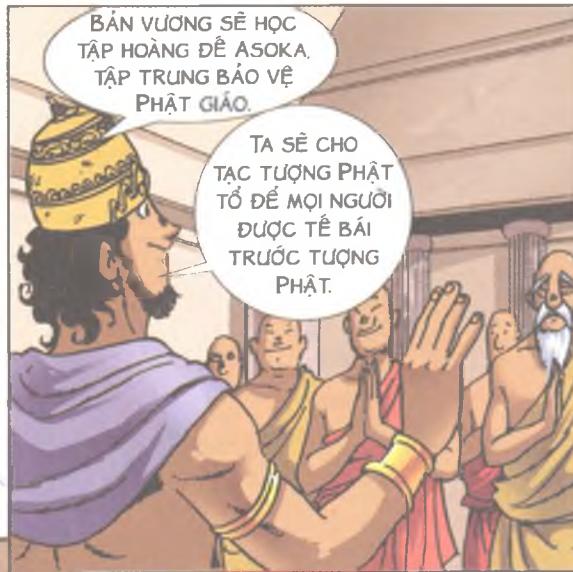
Ông còn ra lệnh lập nhà tế bần
để cứu tế dân nghèo và nơi
nhận nuôi động vật.



Hoàng đế Asoka cử các tăng lữ Phật giáo tới
đảo Ceylon (Sri Lanka ngày nay) khuênh trương
Phật pháp. Ít lâu sau, Phật giáo từ đảo Ceylon
du nhập vào các nước Đông Nam Á.

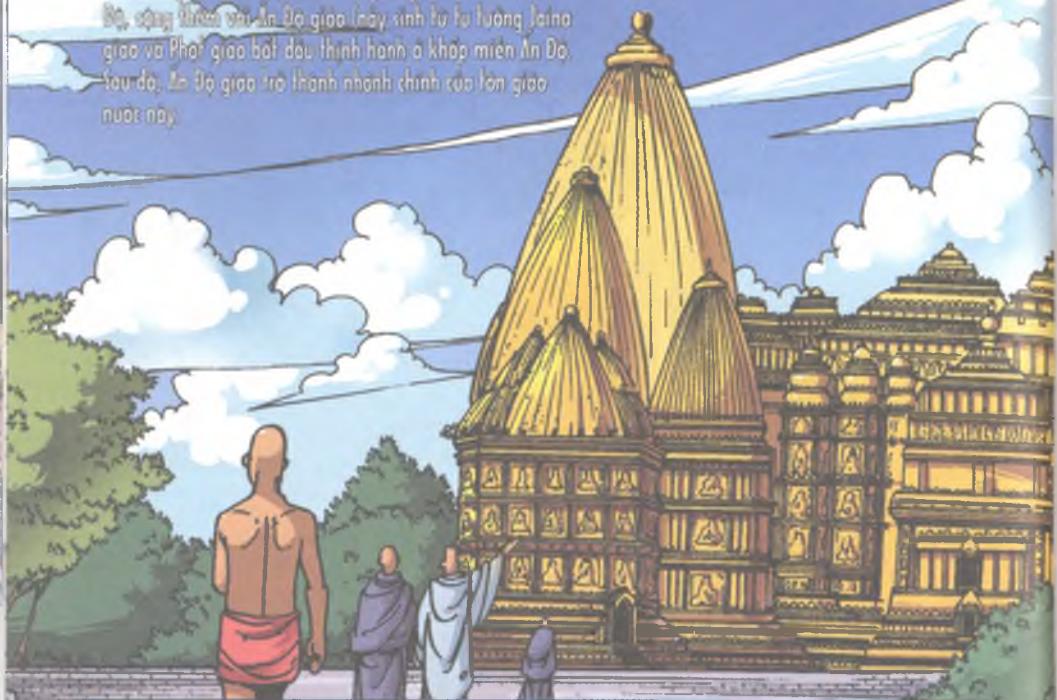
Tháp Stupa ở Sri Lanka

Không lâu sau khi hoàng đế Asoka băng hà, triều đại Maurya suy tàn. Vào khoảng thế kỉ 1, đế quốc Kushan bắt đầu thống trị Ấn Độ. Đế quốc Kushan bước vào thời kì cực thịnh dưới thời Kanishka I - vị vua đời thứ ba tại vị.

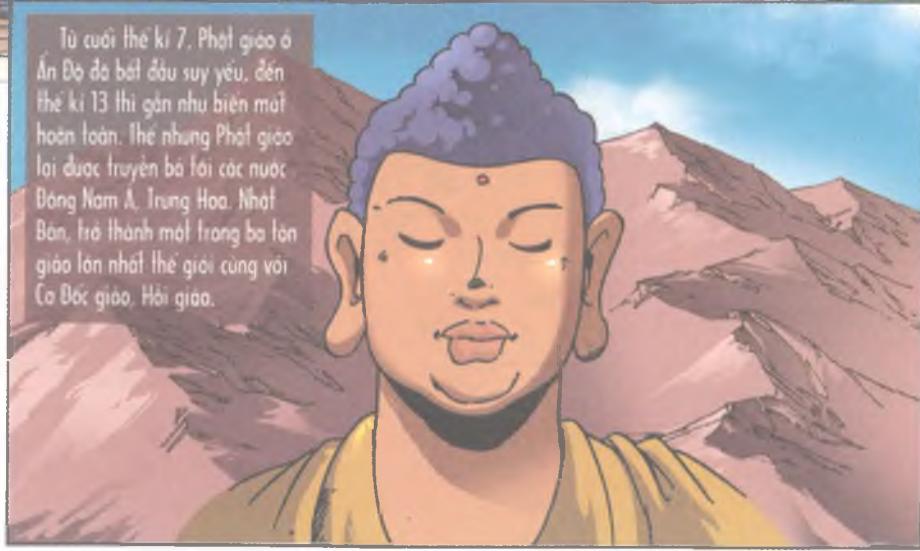


Bức tượng Phật lõi đầu tiên được dựng tại Gandhara, vì có tham khảo tượng thần Hy Lạp nên tạo hình của tượng Phật mang hơi hướng Hy Lạp. Vì thế người đời sau gọi nghệ thuật Phật giáo theo phong cách Hy Lạp là nghệ thuật Gandhara.

Vào khoảng thế kỷ 3, triều đại Gupta thay thế triều đại Kushan thống trị Ấn Độ. Thời đó lây giáo lì Ba La Môn làm râm mang, rải hoa tròn với tin ngang của dân bản xứ Ấn Độ, cũng như với Ấn Độ giáo. Nay sinh từ luồng Jaina giáo và Phật giáo bắt đầu thịnh hành ở khắp miền Ấn Độ. Sau đó, Ấn Độ giáo trở thành chính thống của tôn giáo nước này.



Từ cuối thế kỷ 7, Phật giáo ở Ấn Độ đã bắt đầu suy yếu, đến thế kỷ 13 thì gần như biến mất hoàn toàn. Thế nhưng Phật giáo lại được truyền bá tới các nước Đông Nam Á, Trung Hoa, Nhật Bản, trở thành một trong ba tôn giáo lớn nhất thế giới cùng với Cơ Đốc giáo, Hồi giáo.



Nền văn minh Ấn Độ

Từ năm 2200 TCN đến năm 2000 TCN, nền văn minh sớm nhất tại lưu vực sông Ấn, hay còn gọi là văn minh sông Ấn, bước vào thời kì cực thịnh. Các di chỉ tại các thành phố Harappa và Mohenjo-Daro chính là những đại diện điển hình cho nền văn minh này. Thế nhưng vào khoảng năm 1800 TCN, văn minh sông Ấn đột nhiên suy thoái, nguyên nhân không rõ, nhưng trong những văn kiện sau này cũng không thấy ghi chép gì cả.

Đến khoảng đầu thế kỉ 14 TCN, người Aryan (tổ tiên đến từ châu Âu) ở phía Tây Bắc tới xâm lược Ấn Độ. Tại lưu vực sông Ấn và sông Hằng, người Aryan đã xây dựng nhiều vương quốc, đồng thời hình thành chế độ đẳng cấp và Bà La Môn giáo.

Do tranh giành quyền lợi, các vương quốc của người Aryan gây chiến nhau, các tiểu quốc không ngừng bị sáp nhập. Đến đầu thế kỉ 6 TCN, phía Bắc tiểu lục địa Ấn Độ chỉ còn lại 16 quốc gia.

Nền văn minh sông Ấn

Nền văn minh sông Ấn là nền văn minh thời kì đồ đồng của tiểu lục địa Nam Á, từ khoảng năm 2000 TCN hoặc khoảng năm 1750 TCN, do phát triển từ lưu vực sông Ấn nên mới có tên như vậy. Mohenjo-Daro và Harappa là hai thành phố điển hình của nền văn minh này, đều có quy mô tương đối lớn.

Cư dân của nền văn minh sông Ấn chủ yếu sống bằng nghề nông và chăn nuôi gia súc, ngoài ra họ còn làm nghề đánh bắt cá và nghề thủ công. Nghề gia công kim loại với nguyên liệu chính là đồng và đồng thau đã áp dụng các kỹ thuật như rèn, khảm, hàn và đúc để chế tạo ra các loại rìu, lưỡi câu cá, giáo, kiếm... Những vật dụng như khay tròn có đế cao là đặc sắc nhất.

Thời đó còn xuất hiện cả nghề dệt bông, nghề đóng thuyền, nghề gia công ngà voi, nghề gia công đá... Việc buôn bán với bên ngoài phát triển, giao thương cả bằng đường bộ và đường biển với các nơi như Trung Á, Ba Tư, vùng Luông Hà và Ai Cập...

Trong lịch sử, người ta gọi thời kì này là thời kì liệt quốc (các nước phản tranh với nhau).

Thời kì liệt quốc là thời kì phồn thịnh của văn hóa Ấn Độ, sản sinh ra nhiều tư tưởng và học thuyết như Phật giáo, Jaina giáo. Trong thời kì này, người Ba Tư và người Hy Lạp cũng từng lần lượt xâm chiếm lưu vực sông Ấn.

Vào năm 321 TCN, Chandragupta đã lật đổ sự thống trị Ấn Độ của người Hy Lạp, xây dựng triều đại Maurya. Đến đời vua thứ 3, dưới sự thống trị của hoàng đế Asoka, lãnh thổ của đế quốc Maurya đã đạt tới phạm vi rộng lớn nhất. Thế kỉ 1 TCN, triều đại Maurya suy thoái, phía Bắc Ấn Độ một lần nữa lại rơi vào thời kì chia cắt hỗn loạn.



Thời đó đã có chữ viết, số lượng kí hiệu lên tới 500. Các bức tượng đồng được chế tạo rất tinh xảo và đẹp mắt, có hình vũ nữ, cỗ xe và tượng động vật. Những con dấu làm bằng đồng, ngà voi và gỗ cũng cực kì đặc sắc.

Khu vực trung tâm của nền văn minh sông Ấn bắt đầu suy tàn vào khoảng năm 1800 TCN. Nhiều người cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do sự xâm lược quy mô lớn của các dân tộc bên ngoài. Theo một quan điểm khác, tượng đài thayết phục hơn thì là do trận động đất mạnh xảy ra vào khoảng năm 1700 TCN và trận lũ lụt lớn do lún động đất đó gây nên.

**TỪ BIỂN BẠCH KHOA
LỊCH SỬ BỎ TÚI**



Nam Ấn Độ

Do phía Nam Ấn Độ có cao nguyên Deccan và các dãy núi Vindhya, Satpura ở phía Bắc làm bình phong, cộng thêm với sông Narmada và sông Tapti tạo thành hàng phòng vệ tự nhiên, vì thế mà tránh được sự xâm lược ồ ạt của các vương quốc phương Bắc.

Do tư liệu lịch sử để lại quá ít, cho nên những hiểu biết của chúng ta về phía Nam Ấn Độ trước thời hoàng đế Asoka không nhiều. Nhưng có một điều rất rõ ràng là các nền văn hóa và quốc gia ở phương Nam cho dù bị chia cắt thành những nhóm đối kháng lẫn nhau đi chăng nữa thì cũng giống như phương Bắc nằm dưới sự kiểm soát của người Aryan, đều có những cống hiến nhất định để hình thành nên nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

Mohenjo-Daro

Mohenjo-Daro là một kinh đô cổ của Ấn Độ, đại diện cho các di chỉ của nền văn minh sớm nhất. Xung quanh kinh đô đều có những tòa tháp phòng ngự. Công trình kiến trúc trung tâm của kinh đô là một nhà tắm công cộng lớn dùng cho việc tổ chức nghi thức tôn giáo nào đó, chiều dài khoảng 12 m, rộng 7 m, sâu 2,4 m. Ở phía Đông Bắc của nhà tắm này là một quần thể kiến trúc, trong đó có một tòa nhà rất dài và rộng, có thể đây là nơi cư trú của tầng lớp thống trị. Ở phía Tây của nhà tắm công cộng có một kho lương thực quy mô cực lớn. Phía Nam của kinh đô còn có một quần thể kiến trúc mà trung tâm của nó là phòng hội họp. Khu dân cư ở tầng dưới, đường phố quy củ, các con phố chính rộng tới 10 m. Nhà cửa trên phố chủ yếu được xây bằng gạch nung màu đỏ, kích cỡ, độ cao thấp và cách bài trí của các ngôi nhà đều khác nhau, trong đó có cả những mái nhà tranh vô cùng rách nát. Ở khu nhà giàu còn có thiết bị thoát nước hoàn hảo được xây bằng gạch nung, thử mà ở khu người nghèo khổ không có. Điều này chứng tỏ sự phân hóa đẳng cấp trong xã hội thời đó đã vô cùng rõ nét.

Kinh Veda (Kinh Vệ Đà)

Nghĩa gốc của "Veda" là "tri thức", "trí tuệ". Đây là tuyển tập các bài ca, bài kinh và lời bùa chú được các quan tư tế sử dụng khi tế thần. "Kinh Veda" tổng cộng có bốn bộ là: "Rig Veda" (Lời Cầu Vệ Đà), "Yayur Veda" (Đá Nhu Vệ Đà), "Sama Veda" (Sa Ma Vệ Đà), "Atharva Veda" (A Thát Bà Vệ Đà).

Trong 4 bộ này, "Rig Veda" được viết thành sách vào khoảng năm 1500 TCN đến năm 900 TCN, là tuyển tập của hơn 1.000 bài thơ ca hiến tặng các vị thần của người Aryan. "Sama Veda" là tập hợp những bài ca được phối thêm giai điệu biểu diễn. "Yayur Veda" lại là một bộ cầm nang dành cho giới tư tế. "Atharva Veda" là tuyển tập dân ca của những người dân bản xứ, được cho là một tuyển tập lời bùa chú có

thể chữa trị bệnh hiệu quả và tiêu diệt kẻ thù.

Tóm lại, "Kinh Veda" chứa đựng thánh thư của người Aryan Ấn Độ và những giáo lý cơ bản để hình thành tôn giáo sau này. Cũng giống như các bộ kinh của Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, "Kinh Veda" được coi là những lời chỉ bảo của thần.



Chế độ đẳng cấp

Người Ấn Độ cổ đại được chia thành 4 đẳng cấp đó là: Bà La Môn (Brahman), Kshatriya, Vaisya và Soudra. Nhưng thực ra còn có tầng lớp Pariah thấp hơn cả đẳng cấp Soudra như tù binh chiến tranh và những người bị xử phạt vì không tuân thủ chế độ đẳng cấp.

Đẳng cấp bắt đầu xuất hiện khi người Aryan tiến vào Nam Á khoảng năm 2000 TCN. Sự phân biệt đẳng cấp được quyết định theo thân phận mỗi người từ lúc chào đời, chỉ cần sống trong xã hội đó thì người ta không thể thay đổi được đẳng cấp của mình.

"Bộ luật Manu" là bộ luật điển hình nhất bảo vệ chế độ đẳng cấp. Nó quy định rằng người Bà La Môn là người làm chủ thế giới con người, người Soudra chỉ có thể ngoan ngoãn phục dịch cho các đẳng cấp khác, không được tích lũy tài sản cá nhân, không được có bất kì hành động lời nói bất kính nào đối với các đẳng cấp cao hơn. Người Bà La Môn và người Kshatriya có quyền cướp đoạt tất cả mọi thứ của người Soudra.

Ranh giới giữa các đẳng cấp vô cùng ngặt nghèo, họ không thể kết hôn với nhau, không thể cùng ăn uống, cùng ngồi bên nhau. Người ở đẳng cấp cao kết hôn với người ở đẳng cấp thấp (đặc biệt là với Pariah) thì có thể bị xử tử hình. Người ở đẳng cấp thấp lăng mạ người ở đẳng cấp cao, nếu mức độ nhẹ thì phạt nặng, mức độ nặng thì bị xử bằng nhục hình tàn khốc. Nếu người ở đẳng cấp cao giết hại một người Soudra thì chỉ cần đền bù bằng một con súc vật là xong.

Trong nội bộ mỗi đẳng cấp đều có người giám sát xem mọi người có tuân thủ "Bộ luật Manu" và các tập tục truyền thống hay không. Một khi có người vi phạm, mức nhẹ thì sẽ do quan tư tế Bà La Môn xử phạt, mức nặng thì bị khai trừ ra khỏi đẳng cấp và bị coi là Pariah.

Cho dù sau khi Ấn Độ giành được độc lập, người ta đã xóa bỏ chế độ đẳng cấp, nhưng xã hội Ấn Độ ngày nay vẫn còn giữ lại những tàn dư của chế độ đẳng cấp, gần như chế độ đẳng cấp đã in dấu lên mỗi người dân Ấn Độ.

Bà La Môn giáo

Khi xâm lược Ấn Độ, người Aryan liền lập ra tôn giáo nguyên thủy với việc tế lễ là cốt lõi. Họ tin rằng "vạn vật có linh hồn" và thế giới được chia làm ba cõi: cõi người phàm trần, cõi thần thánh, cõi linh hồn (nơi an nghỉ của người sau khi chết). Bằng việc tế lễ, người phàm trần có thể kết nối với cõi thần thánh và cõi linh hồn. Thời đó, họ thờ phụng đa thần như thần trên trời, thần chiến trường.

Cùng với sự hình thành quốc gia và chế độ đẳng cấp, để củng cố sự thống trị của mình, các tầng lứ Aryan cải cách từ việc sùng bái đa thần ban đầu thành học thuyết tôn giáo tương đối hệ thống, tức Bà La Môn giáo. Các tầng lứ còn sáng tạo ra đẳng Brahma, tức đẳng Phẩm Thiêng (người sáng tạo ra vũ trụ, đẳng tối cao của trời đất).

Bà La Môn giáo còn thêm tư tưởng luân hồi vào giáo lý của họ, sáng tạo ra thuyết "Nghiệp lực luân hồi", ca ngợi báo ứng nhân quả.

Bà La Môn giáo ra sức bảo vệ chế độ đẳng cấp, khuyên răn mọi người an phận tuân theo quy tắc thì mới được thiện báo trong kiếp sau.

Bộ kinh chủ yếu của Bà La Môn giáo là "Kinh Veda".



Phật giáo

Người sáng lập ra Phật giáo là Siddhartha Gautama, các tín đồ Phật giáo tôn ông là Thích-ca Mâu-ni, gọi tắt là Phật Đá.

Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ đại khái có thể chia thành 5 giai đoạn lịch sử dưới đây:

Phật giáo nguyên thủy: Phật giáo ở thời kì do Thích-ca Mâu-ni sáng lập, các đệ tử của ông kế thừa và truyền bá.

Phật giáo Bộ phái: 100 năm sau khi Phật Đá nhập cõi Niết Bàn, nội bộ Phật giáo bắt đầu chia rẽ. Sự phân hóa đầu tiên là Đại Chúng bộ và Thượng Tọa bộ, gọi là hai bộ căn bản. Về sau từ hai bộ căn bản lại phân hóa thành 18 bộ hoặc 20 bộ, gọi là bộ phái nhánh cuối. Phật giáo Thượng Tọa bộ cũng gọi là Phật giáo Tiểu thừa.

Phật giáo Đại thừa: Trong thời kì thịnh hành Phật giáo Bộ phái, tu tưởng Đại thừa đã bắt đầu nảy sinh và truyền bá ở Nam Ấn Độ.

Phật giáo Thượng Tọa bộ: Phật giáo Thượng Tọa chủ yếu tăng cường nghiên cứu và giải thích một cách nghiêm túc, cẩn thận về giáo lý của Phật Đá, đồng thời việc tu hành chỉ cầu mong sự giải thoát cá nhân. Sau khi Phật giáo Đại thừa xuất

hiện ở Ấn Độ vào thế kỉ 1, chỉ trích Phật giáo Thượng Tọa bộ coi nhẹ việc phổ độ tất cả chúng sinh, vì thế gọi họ bằng cái tên là "Phật giáo Tiểu thừa" với ý khinh thường.

Phật giáo Mật tông (Mật giáo): Từ thế kỉ 8 đến thế kỉ 9, Ấn Độ giáo phát triển mạnh mẽ và trở nên thịnh hành. Dưới ảnh hưởng của trào lưu xã hội đó, Phật giáo bắt đầu tiếp thu Ấn Độ giáo cùng tín ngưỡng dân gian và dần dần trở thành phái Mật tông. Ở Nam Ấn Độ và cao nguyên Deccan cùng với Đông Ấn Độ xuất hiện phái Kim Cương thừa và Dị Hành thừa. Thế nhưng, đến đầu thế kỉ 13, Phật giáo ở các khu vực của Ấn Độ từ thịnh chuyển thành suy, Mật tông cũng theo đó mà thu hẹp lại.

Giai đoạn hiện tại: Những năm gần đây, Phật giáo từ lâu đã không còn là tôn giáo chính ở nơi đây, nhưng các tổ chức Phật giáo Ấn Độ vẫn triển khai rộng rãi những hoạt động quốc tế, thường xuyên triệu tập Hội nghị cứu học thuật Phật giáo quốc tế. Tuy số lượng các tín đồ Phật giáo Ấn Độ tham gia rất ít nhưng về lĩnh vực văn hóa tư tưởng lại rất có sức ảnh hưởng.

Jaina giáo (Kỳ Na giáo)

Jaina giáo của Ấn Độ có lịch sử lâu đời, xuất hiện từ thế kỉ 6 TCN đến thế kỉ 5 TCN. Vardhamana - vị thánh đời thứ 24 của đạo Jaina được tôn vinh là người sáng lập thực sự của đạo này. "Jain" hay "Jaina" là từ chữ "Jin" mà ra, nghĩa là "người chiến thắng", cũng là một trong các xưng hiệu của Vardhamana, vì thế đạo này có tên Jaina từ đó. Các đệ tử tôn ông là Mahavira, tức là "anh hùng vĩ đại", gọi tắt là "đại anh hùng".

Jaina giáo gần như cùng xuất hiện với Phật giáo. Jaina giáo chủ trương giải thoát linh hồn, luân hồi nghiệp báo và phi bao lục, đồng thời cho rằng tất cả mọi sinh vật đều có linh hồn, đều thuộc về thần thánh. Khi chưa được giải thoát, linh hồn của con người chịu ràng buộc vì "nghiệp" và luân hồi vô hạn, chỉ có tu luyện thì mọi người mới làm cho linh hồn thoát khỏi gông cùm của "nghiệp", giành được sự giải thoát cuối cùng. Đạo này chủ trương ngũ giới: không sát sinh; không nói dối; không trộm cắp; không tà dâm; không mê đắm các sở hữu thế tục. Jaina giáo còn cho rằng, chỉ có nghiêm khắc tuân thủ giới luật, trải qua tu luyện khổ hạnh thì mới có thể loại bỏ các ràng buộc của "nghiệp" cũ, đạt tới sự "tịnh tại", giành được sự "giải thoát".

Ấn Độ giáo

Ấn Độ giáo là một trong những tôn giáo chính của thế giới, cũng là tôn giáo truyền thống của Ấn Độ. Nhìn chung người ta cho rằng, Ấn Độ giáo bắt nguồn từ Vệ Đà giáo và Bà La Môn giáo của Ấn Độ cổ đại. Vào khoảng thế kỉ 8, nhà cải cách Adi Shankara nổi tiếng trong lịch sử Ấn Độ đã tiếp thu một số giáo lý của Phật giáo và Jaina giáo để cải cách Bà La Môn giáo, cuối cùng hình thành nên Ấn Độ giáo.

Các nhánh của Ấn Độ giáo rất phức tạp, tín ngưỡng tương đối thống nhất như sau:

(1) **Đǎng Brahma** (Đǎng tạo hóa) là vĩnh hằng, vô hạn và siêu nhiên, là cái căn bản vô cùng rộng lớn, vừa có lại vừa không có, là cái gốc của vạn vật, nhân và quả. Đǎng Brahma vừa có thể được coi là vị thần thứ nhất, thông thường lấy thần Vishnu hoặc thần Shiva làm đại diện. Brahma, Vishnu, Shiva cùng là ba vị thần trong một thể thống nhất của Ấn Độ giáo.

(2) **"Kinh Veda"** có quyền uy tuyệt đối, đẳng cấp Bà La Môn nên được hưởng đặc quyền của xã hội.

(3) Các tín đồ Ấn Độ giáo cần phải ăn chay, không được sát sinh.

(4) Chúng sinh luân hồi chuyển kiếp.



Chương 2: Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa

Nội dung chính:

Thương Chu diễn nghĩa

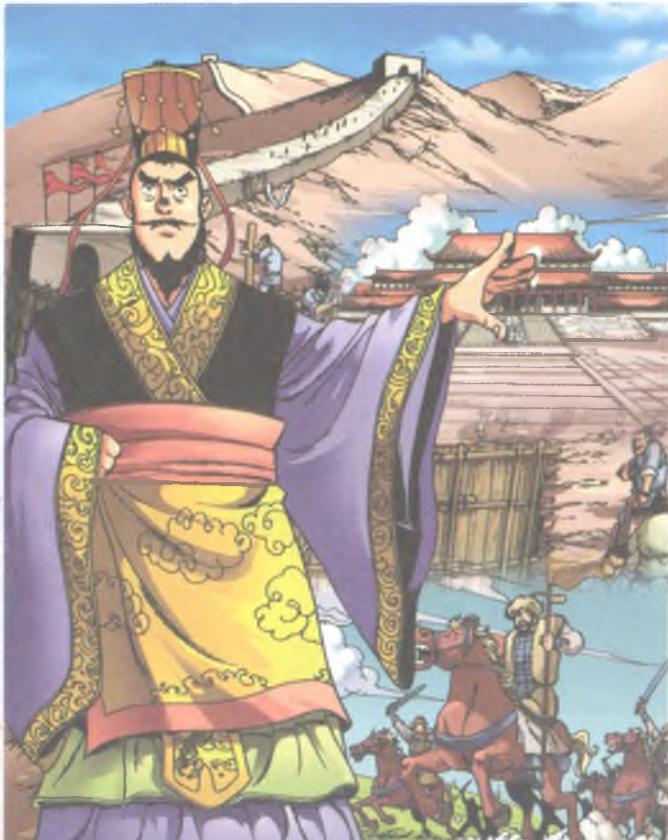
Trong lịch sử Trung Hoa, lưu vực sông Hoàng Hà đóng vai trò vô cùng quan trọng của văn minh Hoa Hạ.

Chiến Quốc tranh bá

Nửa cuối thời nhà Chu, các nước chư hầu bắt đầu sáp nhập, đến thời kì Chiến Quốc chỉ còn lại 7 nước chư hầu.

Thành lập triều đại nhà Tần

Để thống nhất 6 nước, vua Tần Doanh Chính đã lần lượt phát động nhiều cuộc chiến tranh, và sau này ông trở thành hoàng đế đầu tiên của Trung Hoa thống nhất. Hơn nữa để ngăn chặn các dân tộc thiểu số xâm phạm vùng biên cương, từ thời đại nhà Tần trở đi đã bắt đầu xây dựng Vạn Lý Trường Thành.



Thương Chu diễn nghĩa



Lịch sử Trung Hoa có thể bắt đầu với văn minh sông Hoàng Hà. Văn minh này bắt nguồn từ lưu vực sông Hoàng Hà vào khoảng năm 5000 TCN, và cùng với văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ai Cập, và văn minh Ấn Độ được gọi là "Tứ đại văn minh" của thế giới.



Lưu vực sông Hoàng Hà còn là cái nôi của văn minh Hán. Cái nôi đó đã nuôi nấng nền văn minh Hán trên trẻ sức sống, chi phối sự thống tràn của mảnh đất Trung Hoa trong lịch sử phát triển.



Thầy bói của
triều đình nhà Thương



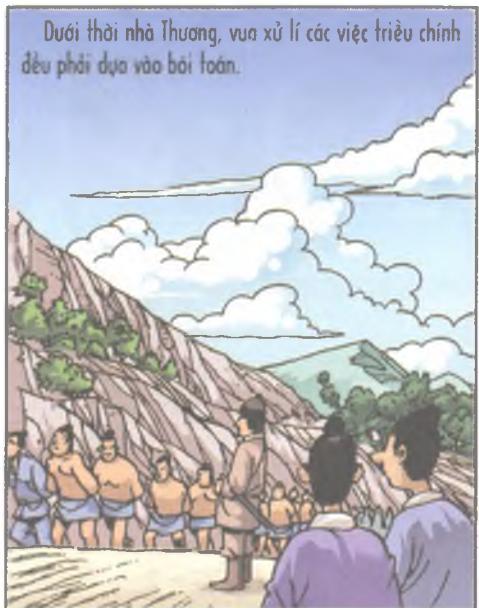
QUÉ BỐI
THÊ NÀO?



TỐT NHẤT LÀ
ĐẠI VƯƠNG NÊN
TỔ CHỨC TẾ LỄ
CẦU CÁC THẦN
LINH A.



Dưới thời nhà Thương, vua xử lý các việc triều chính đều phải dựa vào bói toán.



TRẢ CON
TRAI LẠI
CHO TA!

Thời Trụ Vương
trị vì.



ĐÚNG LÀ HỘN QUÂN,
CHỈ MONG HẨN CHẾT
NGAY TỨC KHẮC...

HẨN MÀ CHẾT CÓ KHI
CÒN BẮT CHÚNG TA
PHẢI XÂY LĂNG TẦM
TO NỮA CƠ!

NẾU VẬY CHÚNG
TA CÒN KHỔ HƠN.

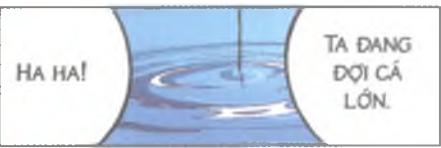
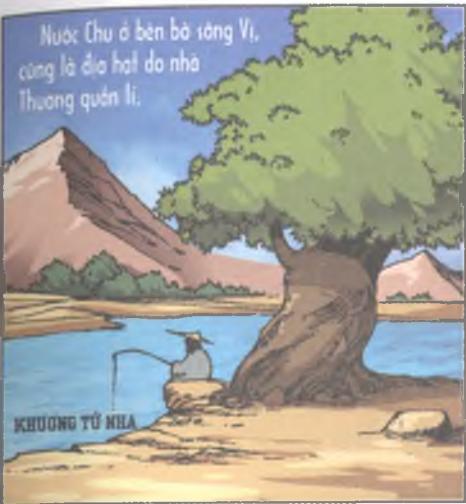
CÓ ĐỂ CHO
NGƯỜI TA
SỐNG NỮA
KHÔNG HÀ?

NGHE NÓI Ở
PHÍA TÂY CÓ
MỘT TIỀU
QUỐC RẤT TỐT
DẸP.

PHÍA TÂY
A? TIỀU
QUỐC NÀO
THẾ?

ĐÓ LÀ
NƯỚC CHU.









Không lâu sau, Cà Xương lâm bệnh và qua đời.
sau này được truy tôn là Chu Văn Vương.



Còn trai của Cà Xương là Cà Phát, lên ngôi vua, tức Chu Vũ Vương.



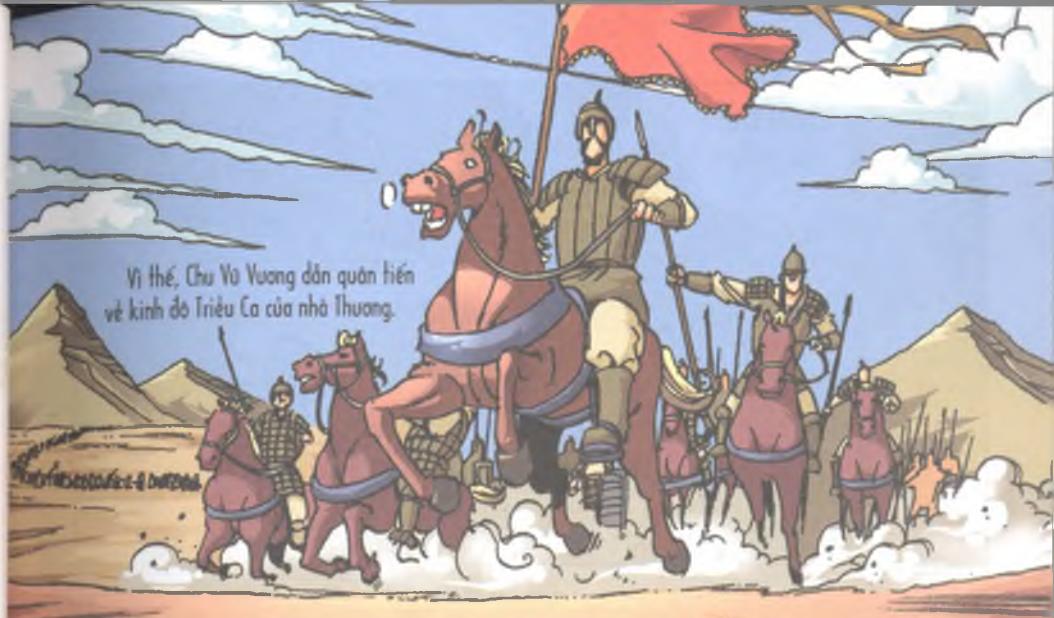
Với sự phò tá của Khuang Tú Nha và
Chu Công Đán, nước Chu dưới thời Vũ
Vương trở thành quốc gia hùng mạnh.





* Từ mà vua dùng để tự xưng một cách khiêm tốn.

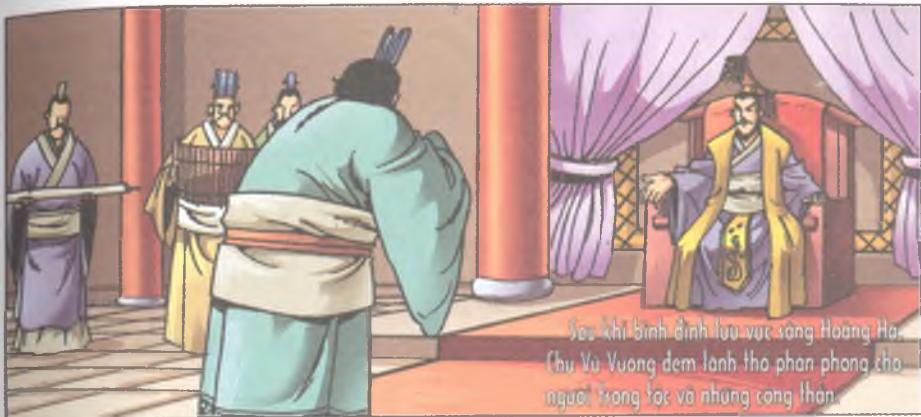






Trụ Vương bước lên Lò Đúc hụ thiêu,
triệu đại nhà Thương bị diệt vong.





Sau khi bình định lục vục sông Hoàng Hô,
Chu Vũ Vương đem lệnh thả phán phong cho
người trong tộc và những công thần.



Phong nước Tề cho Khuang
Tú Nhã, Phong nước Lỗ cho
Chu Công Bân.



Năm tiếp theo sau khi diệt
nhà Thương, Chu Vũ Vương
lâm bệnh và băng hà.



Còn lại của Vũ Vương là Cơ Tùng lên ngôi
tự là Chu Huân Vương. Chu Công Bân làm
nhà vua kế vị.



THEO QUAN CHẾ
NHÀ CHU, QUAN
LAI ĐƯỢC CHIA
THEO THỨ BẬC
NHƯ SAU: KHANH,
ĐẠI PHU, SĨ.

TẤT CẢ CHU HÀU
KHANH, ĐẠI PHU,
SĨ ĐỀU DO THIÊN
TỬ NHÀ CHU
QUẢN LÝ.

Trước đó, Chu Vũ Vương đã phân phong lãnh
 thổ cho các chu hòu, cũng có đại nghiệp thông
 hối của nhà Chu.

CÁC MÁI NHÀ
THỜI ĐÓ ĐÃ ĐƯỢC
LỢP BẰNG NGÓI
NUNG TỪ ĐẤT
SÉT!

CHẾ ĐỘ PHÂN PHONG CỦA NHÀ CHU

Sau khi chinh phạt Trụ Vương thắng lợi, Chu Vũ Vương đã đem tất cả lãnh thổ phân phong cho người trong tộc và các công thần, hình thành nên cơ cấu quyền lực kiểu kim tự tháp, phía trên cùng là vua, dưới vua là bốn giai cấp, đó là các chu hòu có quan hệ huyết thống và già thần của họ là khanh, đại phu, sĩ. Vua quản lý các chu hòu, còn các chu hòu quản lý khanh, đại phu, sĩ.

Mỗi một chức vị đều là cha truyền con nối. Phương pháp dựa vào quan hệ huyết thống, dòng dõi phân chia giai cấp để thống trị chính là chế độ phân phong của nhà Chu.

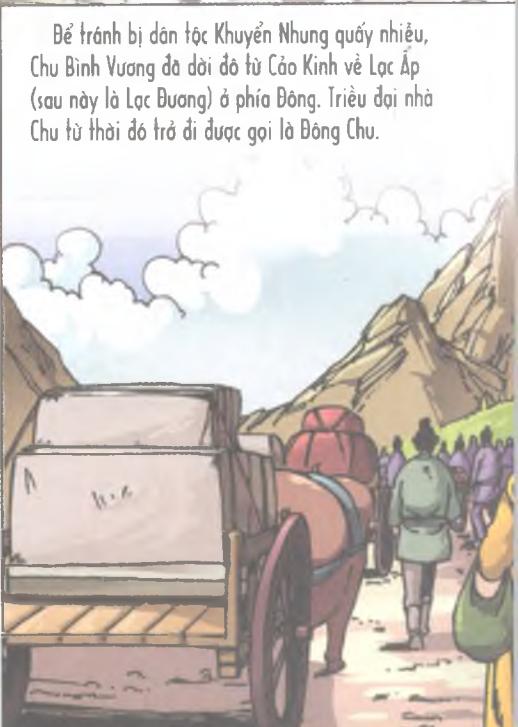


Chiến Quốc tranh bá

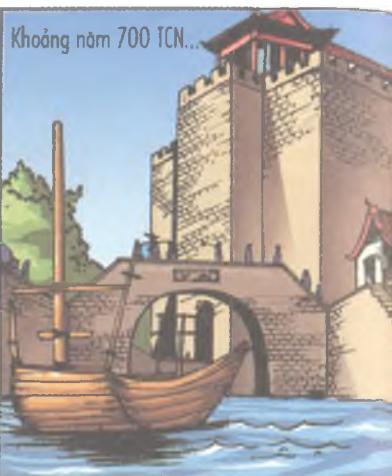
Bên vua đời thứ 12 là Chu U Vương thì nhà Chu bắt đầu suy tàn, bị các dân tộc xung quanh uy hiếp.

Khoảng năm 770 TCN

Bé tránh bị dân tộc Khuyển Nhung quấy nhiễu, Chu Bình Vương đã dời đô từ Cảo Kinh về Lạc Ấp (sau này là Lạc Dương) ở phía Đông. Triều đại nhà Chu từ thời đó trở đi được gọi là Đông Chu.



Việc dời kinh đô về phía Đông càng làm
cho tình hình đất nước thêm bất ổn.



Vua nước Tề thời đó
là Tề Hoàn Công.



PHẢI DỰA
VÀO SỨC
MÌNH
ĐỂ BẢO
VỆ ĐẤT
NUỚC!

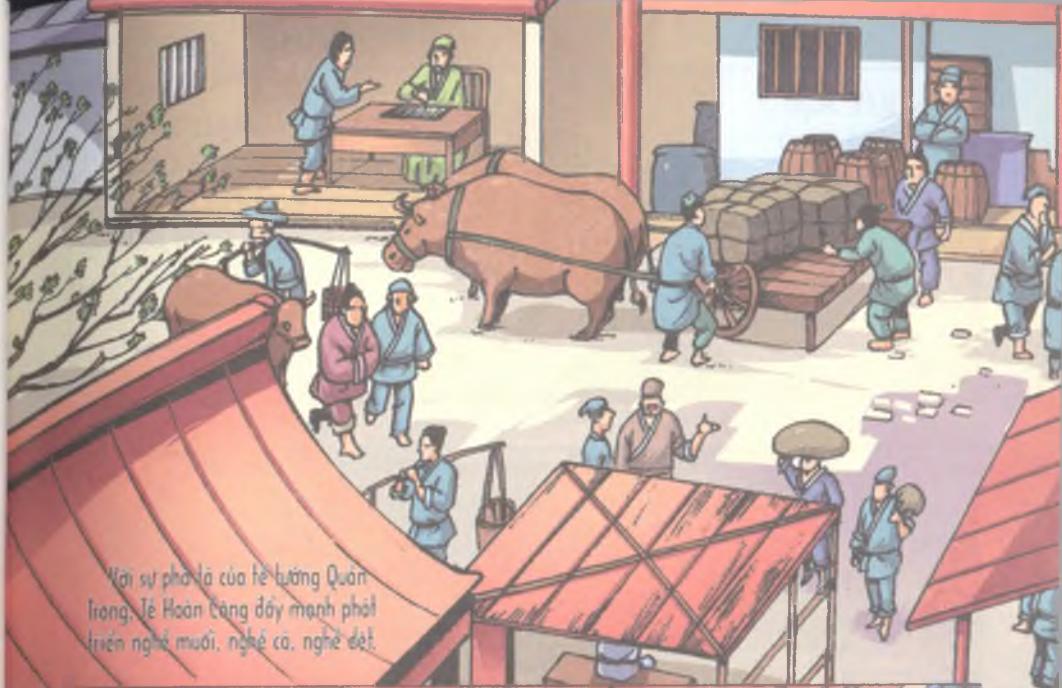
QUÂN
TRUNG

KHÔNG
THỂ TIẾP
TỤC DỰA
DẨM VÀO
TRIỀU ĐÌNH
NHÀ CHU.

ĐÚNG
THẾ A.

LÀM CHO TRĂM HỘ
ĐƯỢC SỐNG SUNG
TÚC THÌ ĐẤT NƯỚC
SẼ CÀNG HÙNG
MANH.





Khi sự phẫn nộ của Tể tướng Quận
lòng, Tể Hoàn Công đẩy mạnh phái
hiện nghệ muối, nghệ ca, nghệ dệt.

Tổng thời, Tể Hoàn Công cho chính đón
quân đội, nước lè ngày mới hùng mạnh.



NGUY RỒI!
NƯỚC CHU
NGUY RỒI!

MÃU TRIỆU
TẬP CÁC
CHU HẦU VÀ
QUÂN ĐỘI!

Nước Chu hoảng hốt lùi về vùng sông Trường Giang
nhờ Chu khai long chống đỡ nổi.

Năm 656 TCN, Tề Hoàn Công dẫn đầu liên quân
các nước chư hầu giao chiến với quân Sở.

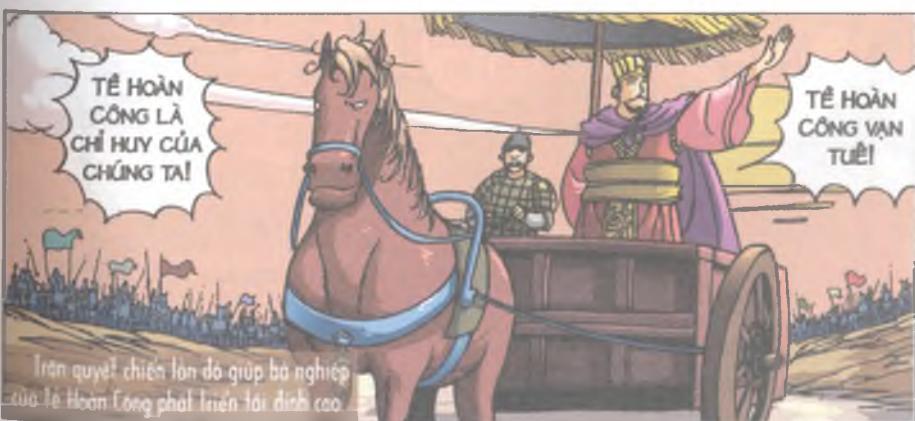


Trải qua trận chiến lớn nhiều ngày liền,
liên quân do đãi lùi được quân Sô.



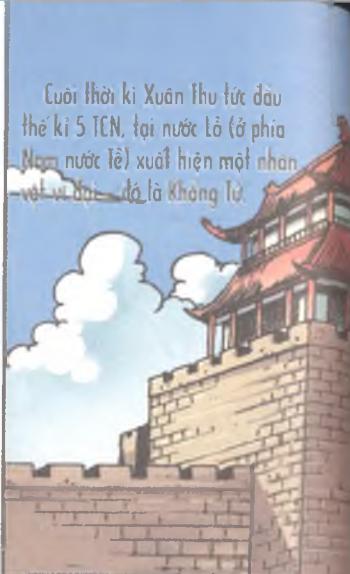
TÊ HOÀN
CÔNG LÀ
CHỈ HUY CỦA
CHÚNG TA!

TÊ HOÀN
CÔNG VẠN
TUẤT!

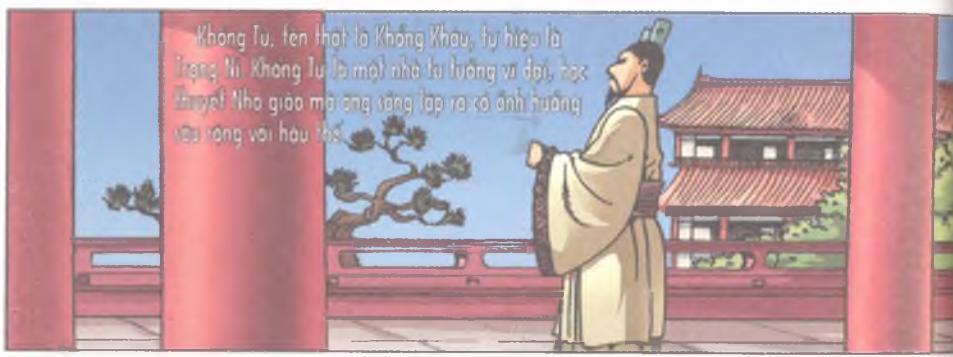




Nội gò nước Tề, bốn nước chư hầu hùng mạnh khác lần lượt trở thành bá chủ thời đó. Thời kì này trong sử sách gọi là thời kì Xuân Thu.



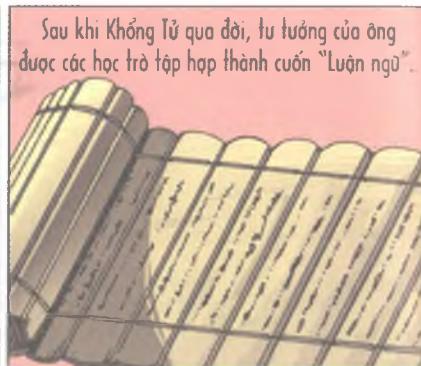
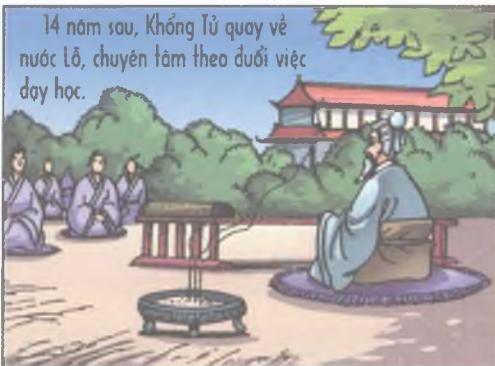
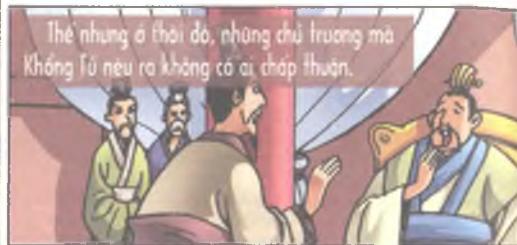
Cuối thời kì Xuân Thu tức đầu thế kỉ 5 TCN, tại nước Lỗ (ở phía Nam nước Tề) xuất hiện một nhân vật vĩ đại, đó là Khổng Tử.



Khổng Tử, tên thật là Khổng Khâu, tự hiệu là Lượng Nhã. Khổng Tử là một nhà tư tưởng vĩ đại, học thuyết của ông giáo mà ông sáng lập ra có ảnh hưởng sâu rộng với hậu世人.



* Cách học trò gọi thầy mình thời xưa.



"Luân Ngữ" là tác phẩm nổi tiếng ghi chép những tư tưởng vi đại của Khổng Tử, rất nhiều câu nói nổi tiếng được lưu truyền thiên cổ, chẳng hạn như:

"Học nhì thời tạp chí, bất diệc duyệt hò? Hữu bàng tu viễn phuong lai, bất diệc lọc hò?
Nhàn bất tri nhì bất uẩn, bất diệc quân tú hò?" (Học mà thường xuyên ôn tập thì chẳng phải rất tốt sao? Có bạn tu phuong xa tài đàm đạo thì chẳng phải là chuyên đáng mừng sao? Người không hiểu ta, ta cũng không oán hận thì chẳng phải là bậc quân tú sao?)

"Học nhì bất tu tắc vong, tu nhì bất học tắc dài." (Chỉ học mà không suy nghĩ tài sẽ sai lầm, chỉ suy nghĩ mà không học tài sẽ bé tắc.)



Khoảng cuối thế kỉ 5 TCN, chỉ còn lại 7 nước là: Sô, Tề, Yên, Hán, Ngụy, Triều, Tân. Thời kì mà 7 quốc gia này tranh giành xung bá trong sử sách gọi là thời kì Chiến Quốc.

Sau khi Không Tú qua đời,
thiên hạ ngày càng hỗn loạn.
Thiên tử nhà Chu chẳng khác nào
bù nhìn, các chư hầu đua nhau
xưng vương*, bắt đầu các cuộc
chiến tranh giành tàn khốc.

Trong thời kì chiến loạn này lại xuất
hiện rất nhiều nhà tư tưởng việt.

NGƯỜI NHÂN TỬ
KHẮP THIÊN HẠ
KHÔNG CÓ KẾ
THỦ NÀO!

"MÃC GIA" CỦA
MÃC TÚ.

NGƯỜI
NGƯỜI
BÌNH
ĐẲNG.

CON NGƯỜI
NÊN SỐNG
BÁC ÁI, CẦN
MÂN LÀM VIỆC,
THỰC HÀNH
TIẾT KIỆM.

BẢN CHẤT
CON NGƯỜI
LÀ XÂU!

CẦN PHẢI
DÙNG "LỄ" ĐỂ
CHÉ NGƯ NGHĨ NHỮNG
HAM MUỐN CỦA
CON NGƯỜI!

"MÃC GIA"
CỦA MÃC TÚ.

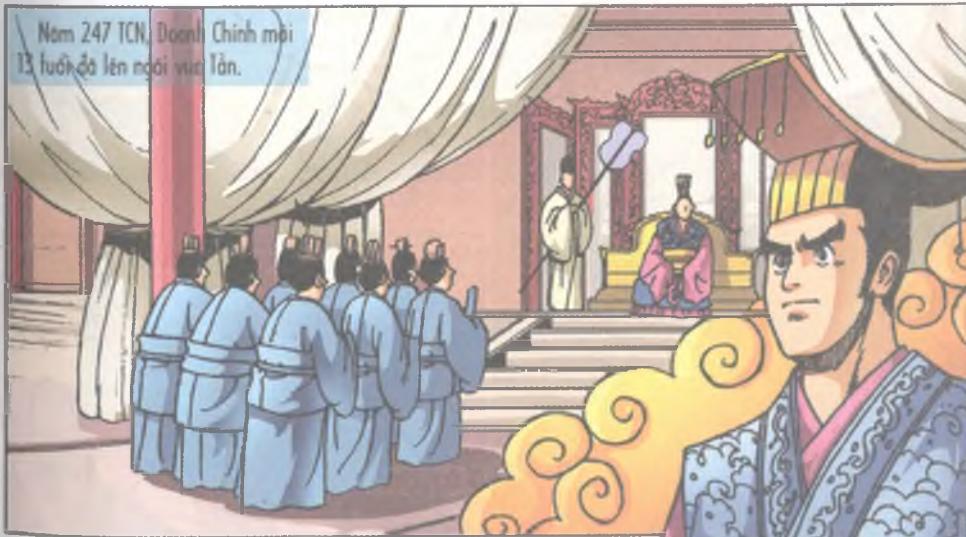
"MÃC GIA"
CỦA TÙAN TÚ.

* Có nghĩa là ngang hàng với vua nhà Chu.





VĂNG





Hơn 10 năm sau khi vua Tần Doanh Chính lên ngôi...



BÁM ĐAI
VƯƠNG, THẦN CÓ
Ý NÀY CÓ THỂ
TIÊU DIỆT ĐƯỢC
6 NƯỚC.

LÝ TU
KHANH
NÓI THỦ
XEM!

TRƯỚC HẾT
PHẢI SỨ
GIẢ TỐI CÁC
NƯỚC.

RÈU RAO
RẰNG 6 NƯỚC
ĐỀU HỮU HẢO
VỚI NƯỚC TÂN,
ĐỂ CÁC NƯỚC
KHÔNG THỂ
LIÊN KẾT
LAI CHỒNG
TÂN.

SAU KHI LI GIẢN
CÁC NƯỚC, LÀM
CHO HỌ RƠI VÀO
CỤC DIỆN HỒN
LOẠN, CHÚNG TA
SẼ NHẬN CƠ HỘI
CẮT QUÂN TÂN
CỘNG!

HAY!
HAY LÂM!

THÔNG NHẤT THIÊN
HẠ LÀ SỨ MỆNH MÀ
ÔNG TRỜI ĐÃ BAN
CHO QUẢ NHÂN!
QUẢ NHÂN PHẢI
DÙNG MỌI CÁCH
ĐỂ HOÀN THÀNH
ĐẠI NGHIỆP.

RẤT
TUYỆT!

QUẢ NHÂN
PHONG KHANH
LÀM THỦA
TƯỞNG.

Năm 230 TCN, nước Tần thôn
tinh nước Hán. 5 năm sau nước
Tần lại chinh phạt nước Triệu.



Năm kế tiếp sau khi Tần tiêu diệt
nước Triệu, tại kinh đô nước Yên...



QUÂN TẦN
MANH NHƯ
VŨ BÃO!

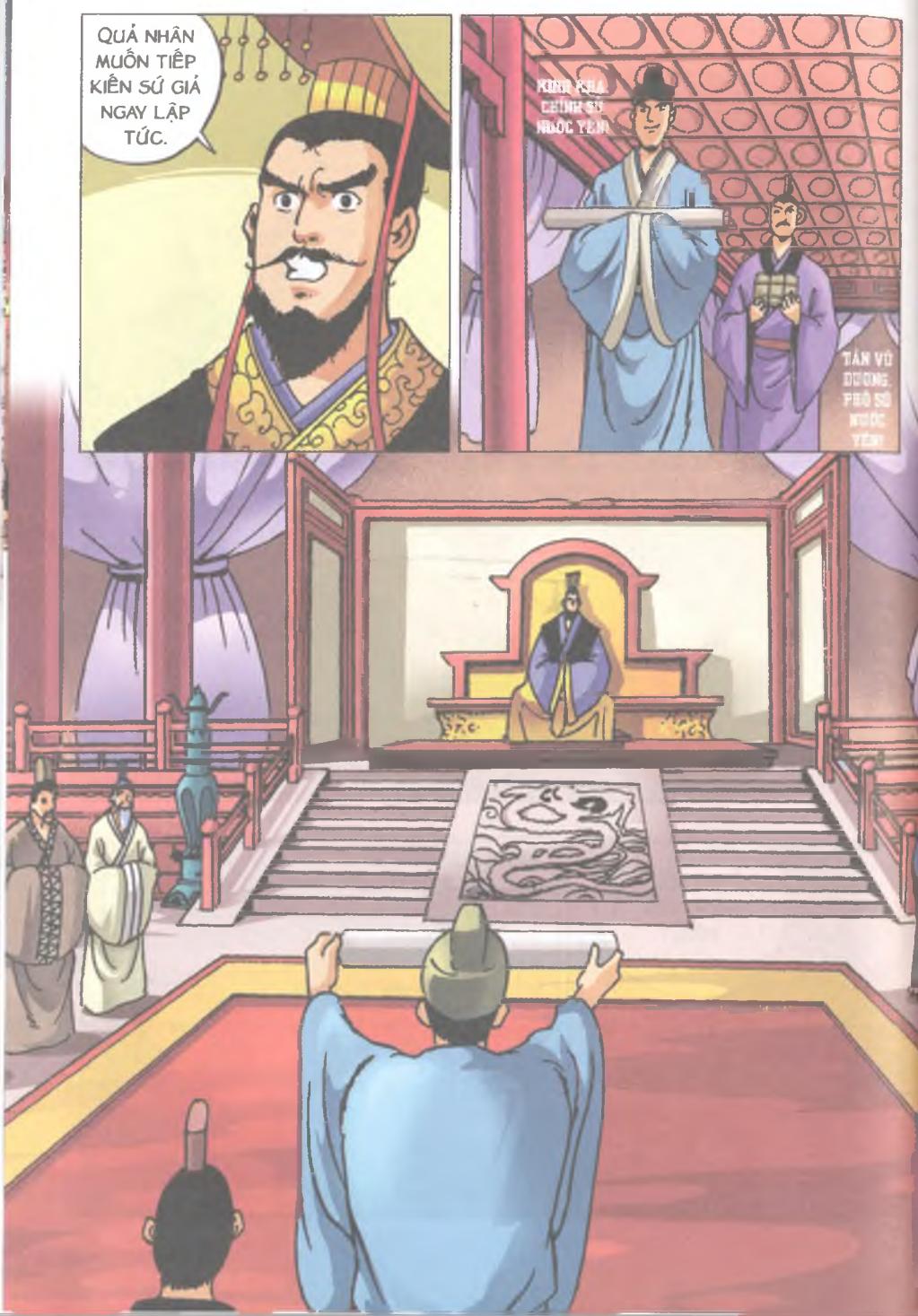




QUÀ NHÂN
MUỐN TIỄP
KIÊN SỨ GIÁ
NGAY LẬP
TÚC.

KINH KHẨU
CẨM SƠ
NGỌC YẾN

TÂN VŨ
DƯƠNG
PHÙ SỰ
NGỌC
YẾN

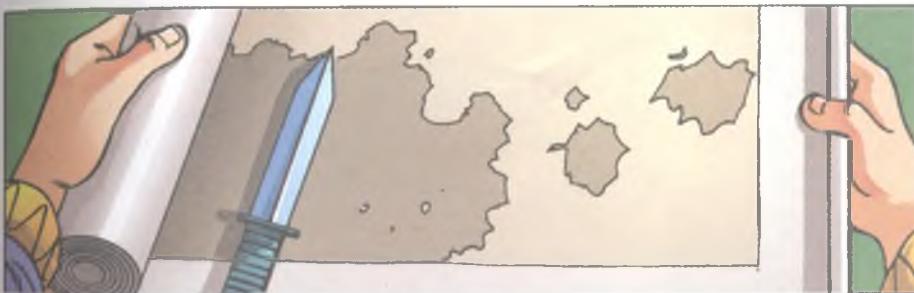


DÂY LÀ THỦ
CẤP CỦA PHẦN
TƯỚNG QUÂN ĐẾ
BÂY TỐ LÔNG
HỮU HÁO CỦA
NUỐC YÊN ĐỐI
VỚI NUỐC
TÂN.

NGOÀI RA CHÚNG
THẦN CÒN CHUẨN BỊ
MỘT PHẦN LÃNH THỔ
DÂNG LÊN DAI VƯƠNG.
DÂY LÀ BẢN ĐỒ

A.

CẮT
NHƯỢNG
VÙNG
ĐẤT
NÀO?





ĐỨNG LÀ
TRỜI KHÔNG
MUỐN DIỆT
TA!

THUẬN
THEO TA
THÌ SỐNG,
NGHỊCH
VỚI TA THÌ
CHẾT!

Hòn Vương Doanh (binh may
mùa thoát nạn) Kế hoạch mưu
để đánh bại và đánh tan ta, giết



Sau đó, nước Tần diệt Ngụy vào
năm 225 TCN, 2 năm sau lại diệt Sở.



Năm 222 TCN, Tần tiếp tục
tiêu diệt nước Yên.



Năm 221 TCN...



CƯỜNG QUỐC
CỦI CÙNG -
NƯỚC TẾ CÙNG
ĐÃ BỊ QUÂN TA
TIÊU DIỆT!

CHÚC
MỪNG ĐẠI
VƯƠNG!



* Từ đó về sau, các thiên tử được tôn là "hoàng đế", các hoàng đế bắt đầu xưng là "trẫm", còn quần thần chuyển từ xưng hô là "đại vương" sang "bệ hạ".

CÁC ÁI
KHANH NGHE
LỆNH!

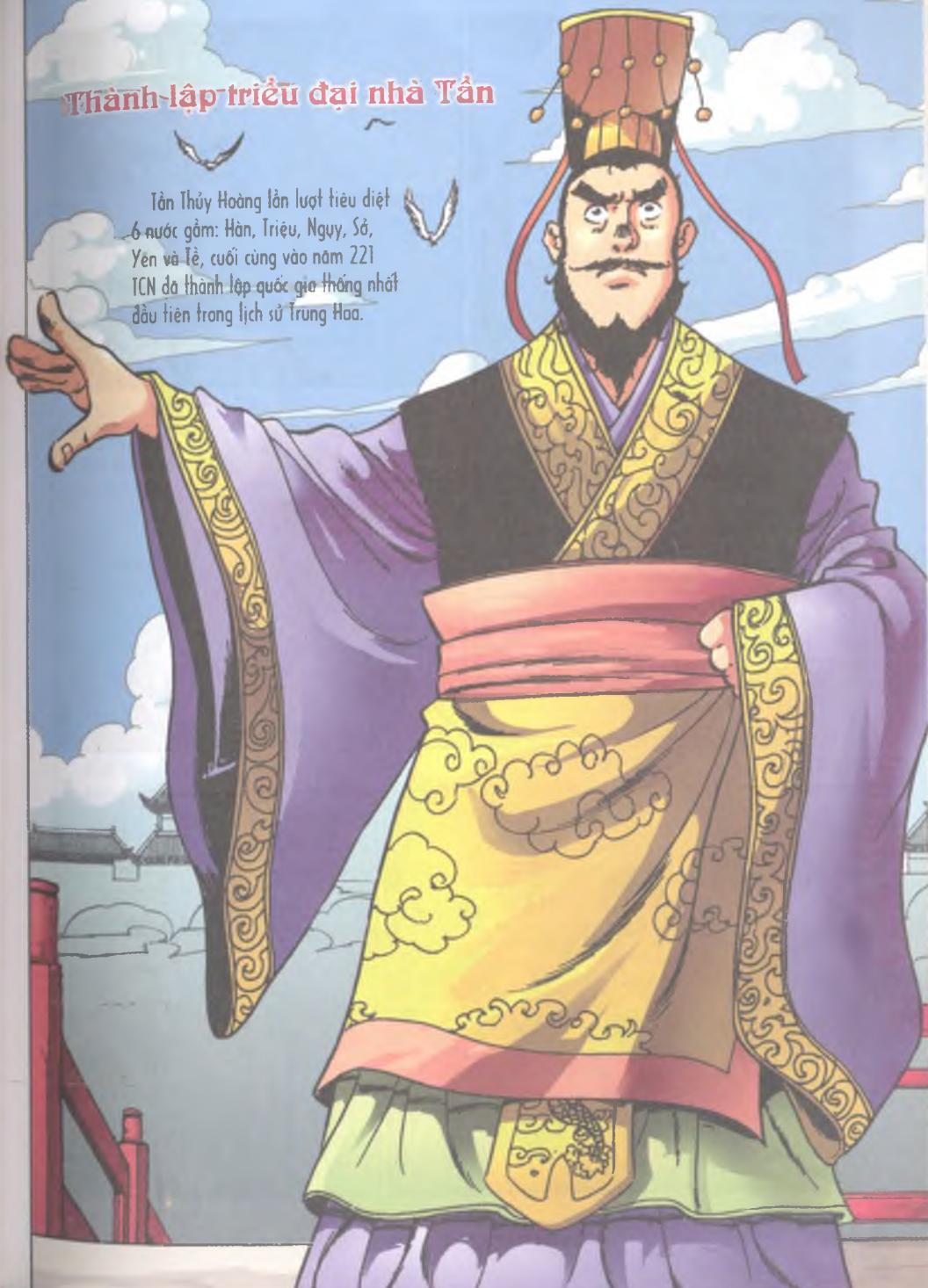
TỪ NAY VỀ
SAU, TRẦM
CHÍNH LÀ
HOÀNG ĐỀ!

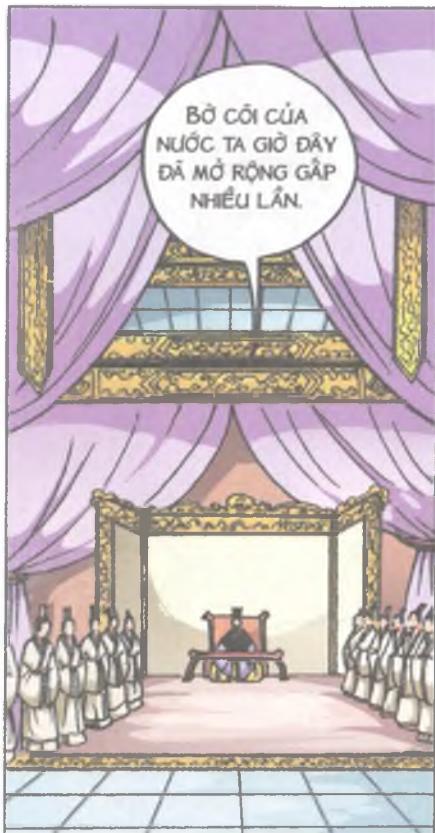
ĐỜI ĐỜI KIẾP KIẾP
TRUYỀN NGÔI CHO
CON CHÁU, MÃI MÃI
KHÔNG THAY ĐỔI!



Thành lập triều đại nhà Tân

Tào Thủy Hoàng lần lượt tiêu diệt
6 nước gồm: Hán, Triệu, Ngụy, Sở,
Yen và Tề, cuối cùng vào năm 221
TCN đã thành lập quốc gia thống nhất
đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa.





NHƯ VẬY CHẮNG
KHÁC GÌ CÁCH
CAI TRỊ CỦA
CÁC TRIỀU ĐẠI
TRƯỚC ĐÂY.

LÝ TÙ

THẦN CHO
RẰNG NÊN
LÀM THẾ
NÀY...

chia đất nước
thành các quận,
dưới quận là
huyện.

ỦM,
KHANH
NÓI RẤT
DỨNG.

TRIỀU
ĐẠI NHÀ TÂN
NÊN KHÁC VỚI
NHÀ THƯƠNG,
NHÀ CHU MỚI
PHẢI!

BỆ HẠ SẼ
DÍCH THẦN
CẮT CỦ
QUAN SỰ TỐI
CAI TRỊ.

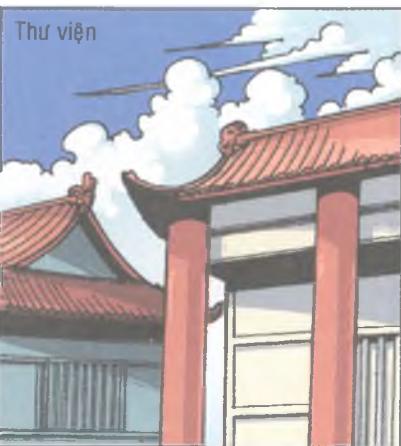
Ý HAY
ĐÂY!

Được!
CỨ QUYẾT
ĐỊNH NHƯ
VẬY ĐI!

LẬP TỨC
THI HÀNH CHÈ
ĐỘ QUÂN HUYỆN
TRÊN TOÀN
QUỐC!





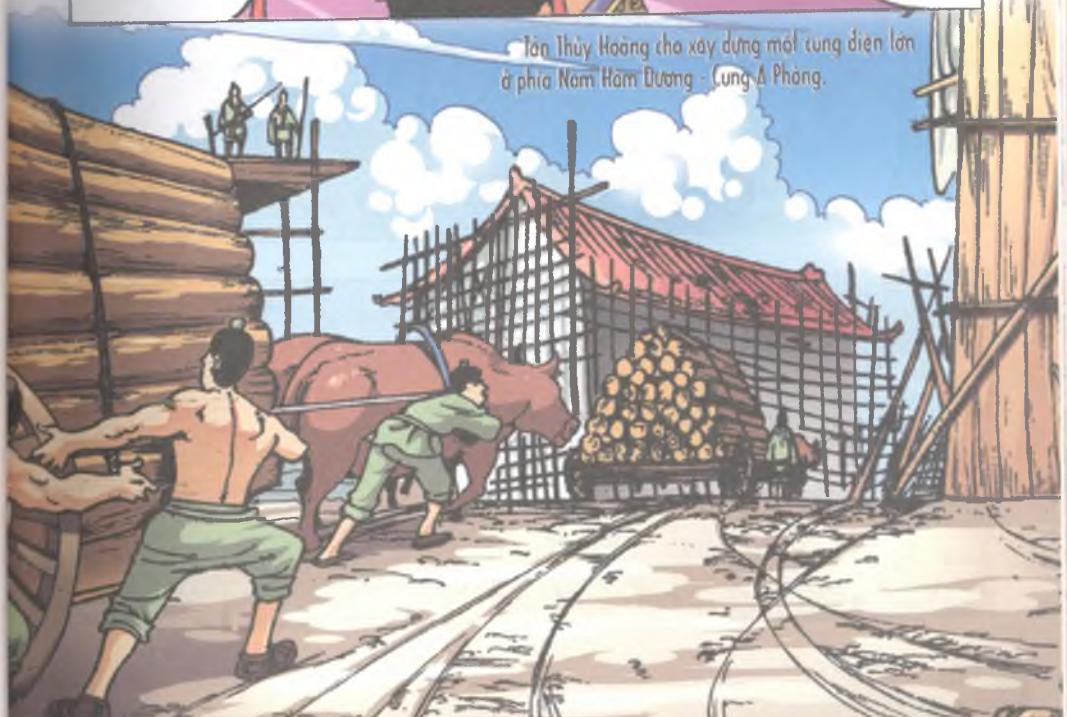


Tân Thủy Hoàng ra lệnh điều chỉnh các loại chữ viết truyền lại từ nhiều thế hệ, tiếp tục giản hóa thành chữ Tiểu Triện và Khải Thư.

◀ Quan ấn của triều Tân, chữ viết trên mặt là chữ Tiểu Triện.



◀
Cân đo trọng lượng
bằng quả cân đồng.



Tomb of the Emperor of Water
was built under the mountain of Ly
Son. Legend says it took more than 700,000
people to move stones and build it.
It took 10 years to build the tomb.

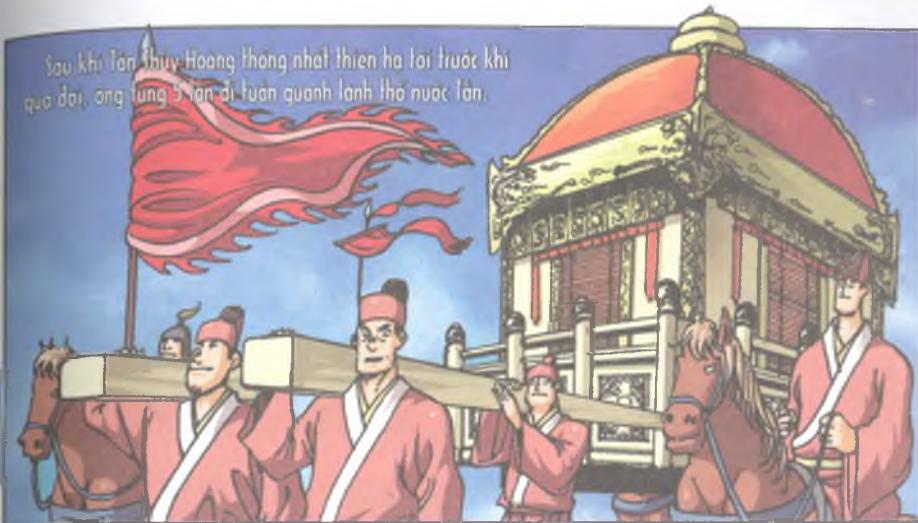
KHÔNG
CHỊU NỐI
NỮA RỒI!

HOÀNG ĐỀ CÒN
MUỐN CHÚNG
TA SỐNG NỮA
KHÔNG?

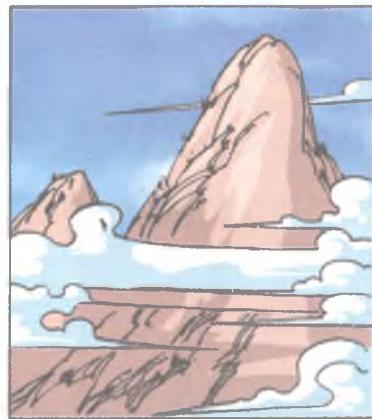
SUYT! CÁN
THẬN KÉO ĐẾN
TAI HOÀNG ĐỀ,
CHÚNG TA SẼ
MẤT MẠNG
ĐÂY!

HOÀNG ĐỀ
LẠI ĐI TUẦN
KIA!

Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ rồi trước khi qua đời, ông tung 5 lòn ải quanh lãnh thổ nước Tần.



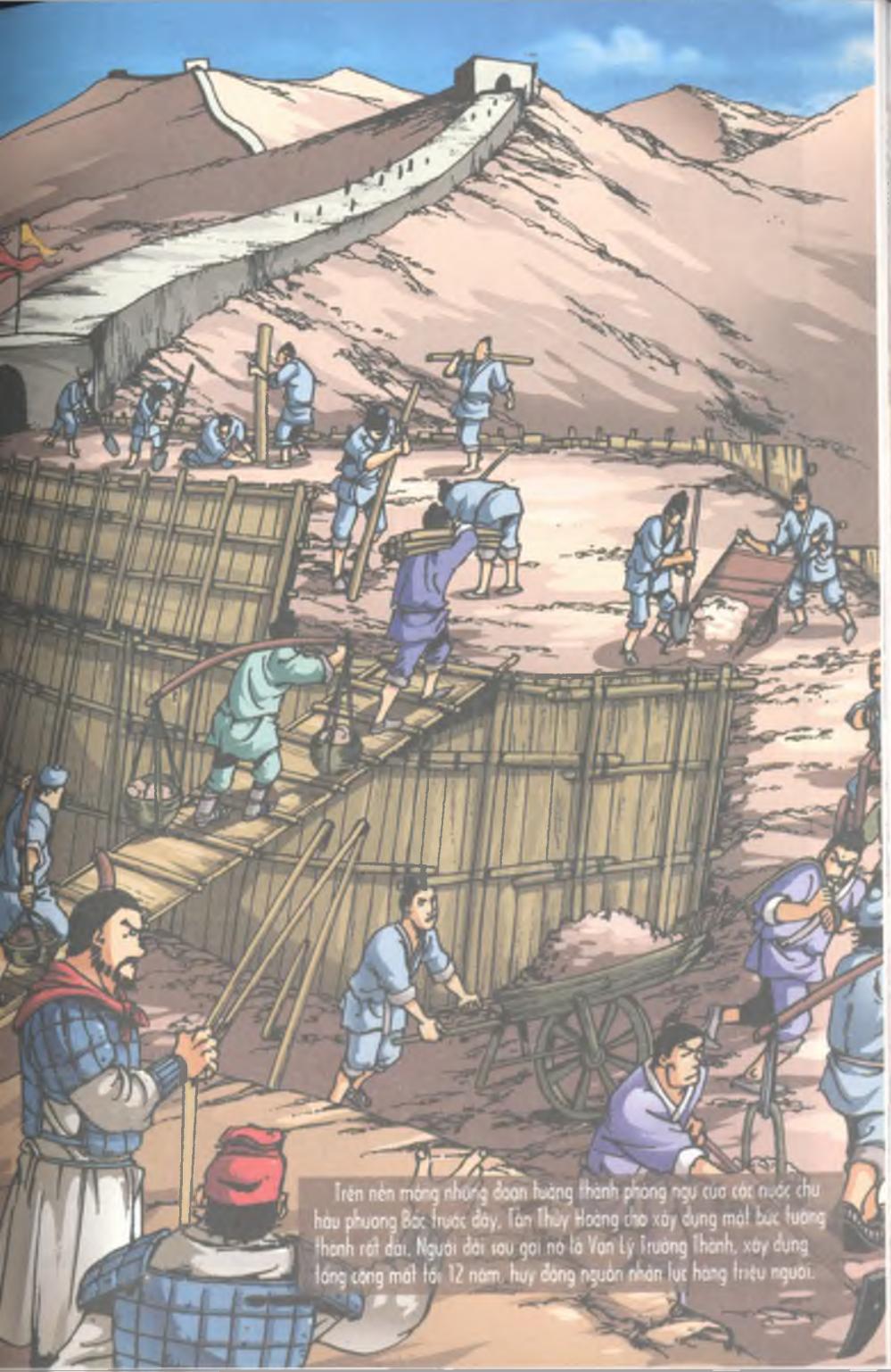
Mục đích của việc di huân không chỉ là khảo sát tình hình thực thi chính sách và phong tục tập quán, mà còn muộn dịp để phô trương thành thê.



Suốt dọc đường, Tần Thủy Hoàng đều cho khắc ghi công lao vĩ đại của mình lên các phiến đá lớn trên những ngọn núi nổi tiếng.







Tên nên mang những đoạn hoàng thành phòng ngự của các nước chư hầu phương Bắc trước đây, Tân Thủy Hoàng cho xây dựng một bức tường thành rất dài. Người đời sau gọi nó là Vạn Lý Trường Thành, xây dựng tốn công mất tới 12 năm, huy động nguồn nhân lực hàng triệu người.









Sự khôn ngoan khác của Tân Thủy Hoàng khiến nhiều người dân cảm phục, thậm chí con trai trưởng của ông là thái tử Phù Tô cũng bất bình.



PHÙ
HOÀNG,
NGƯỜI
KHÔNG
THỂ TIẾP
TỤC THI HÀNH
NHỮNG HÌNH
PHẠT THẨM
KHỐC VÔ NHÂN
ĐẠO ẤY...



LÒNG DÂN
TRĂM HỘ
NGÀY CÀNG
RỒI XA PHÙ
HOÀNG RỒI!

LÝ
TÚ!
CẨM
MIỆNG!
NGƯỜI XÚI GIỤC PHÙ
HOÀNG ĐỐT SÁCH
CHỒN NHO CHẮNG QUẢ
LÀ CHỈ MUỐN CÙNG CÔ
QUYỀN THẾ ĐIA VI
CỦA MÌNH!



THÁI TỬ
DIỆN HÀ NÊN
CHÚ Ý LỜI
ĂN TIẾNG
NÓI CỦA
MINH!

NGƯỜI LÀ
ĐẠI CÔNG
TỬ CỦA
NUỚC TÂN...



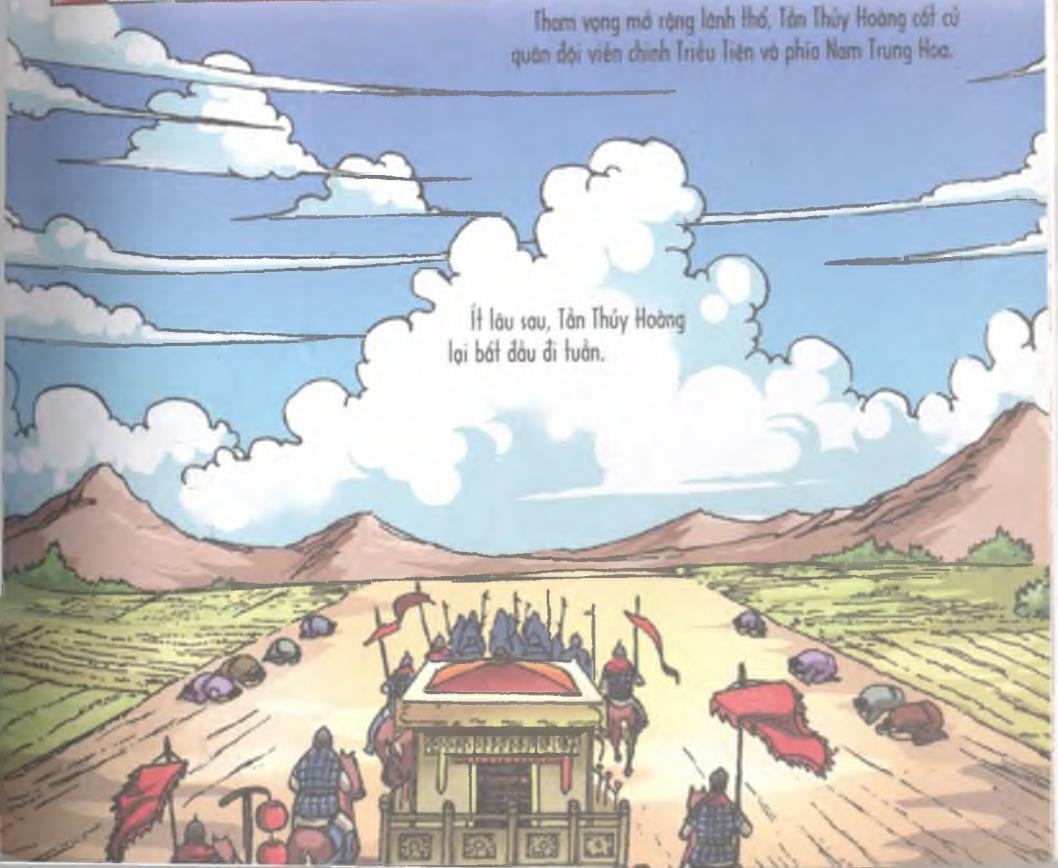
Ít lâu sau, Tên Thúy Hoàng giam lỏng
Phù To ở vùng bờ biển.

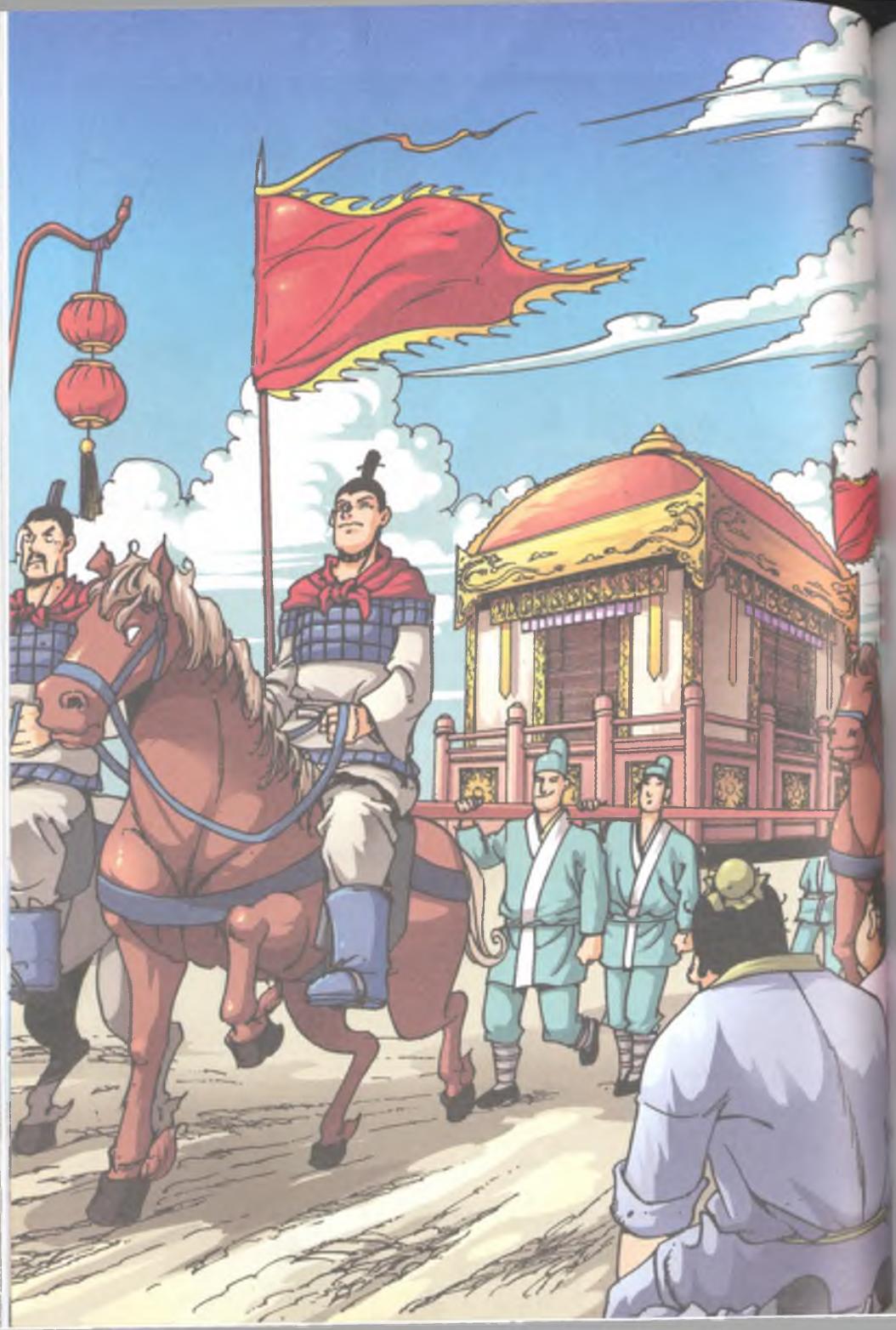




Tham vọng mở rộng lãnh thổ, Tần Thủy Hoàng bắt đầu cung cấp lực lượng viễn chinh Triệu Tiên và phía Nam Trung Hoa.

Ít lâu sau, Tần Thủy Hoàng lại bắt đầu đi tuần.







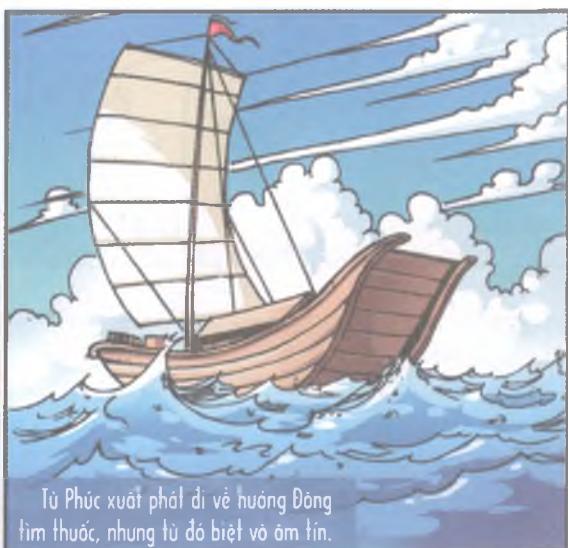


TÙ PHÚC VÀ TRUYỀN THUYẾT VỀ ĐẢO TIỀN BỒNG LAI

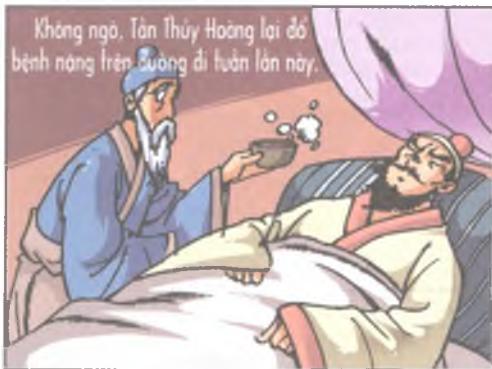
Tù Phúc cho rằng chỉ cần đi về đảo tiên Bồng Lai là có thể tìm được thuốc trường sinh bất lão.

Đảo tiên Bồng Lai nằm ở Đông Hải xa xôi. Khắp nơi trên đảo đều là cung điện được xây bằng vàng bạc, tượng truyền nhungen sinh vật cư trú tại nơi này, bất kể là chim hay thú đều có màu trắng. Từ Phúc cùng con thuyền chở đầy lê vặt để dâng cho vị tiên đài về phía Đông Hải, thế nhưng từ đó một đi không trở về. Nghe nói cuối cùng con thuyền của Tù Phúc đã cập bến ở Kumano, Nhật Bản (thuộc quận Higashimuro, thành phố Shingu ngày nay). Cho đến nay, nơi đó vẫn có một ngôi đền thờ Tù Phúc.





Năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng bắt đầu cuộc di tuân lần thứ 5.

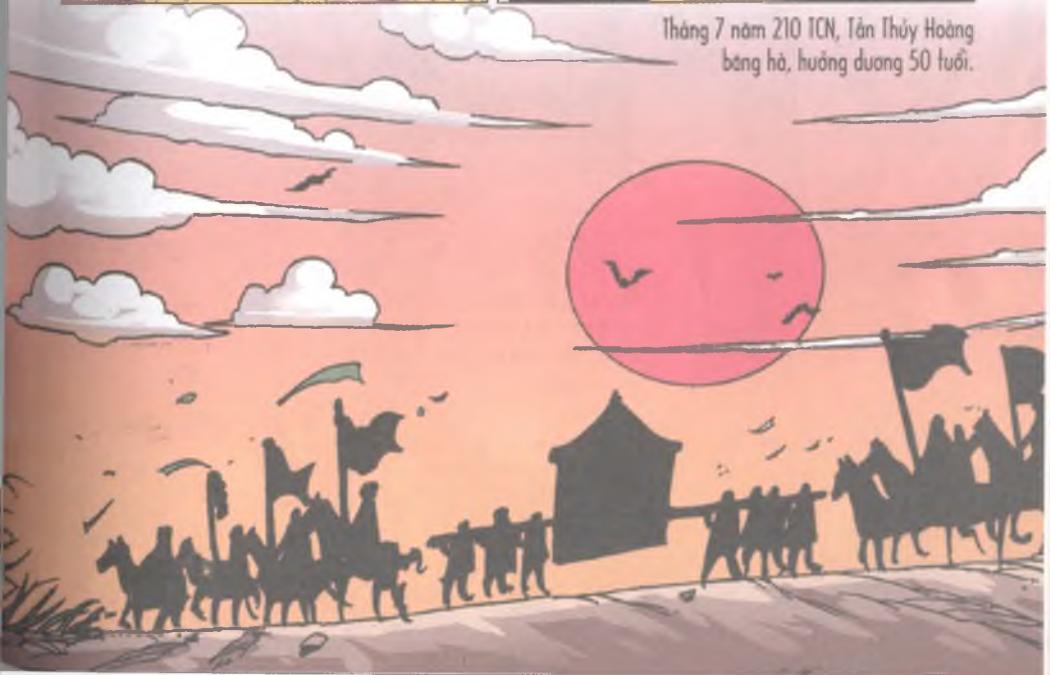


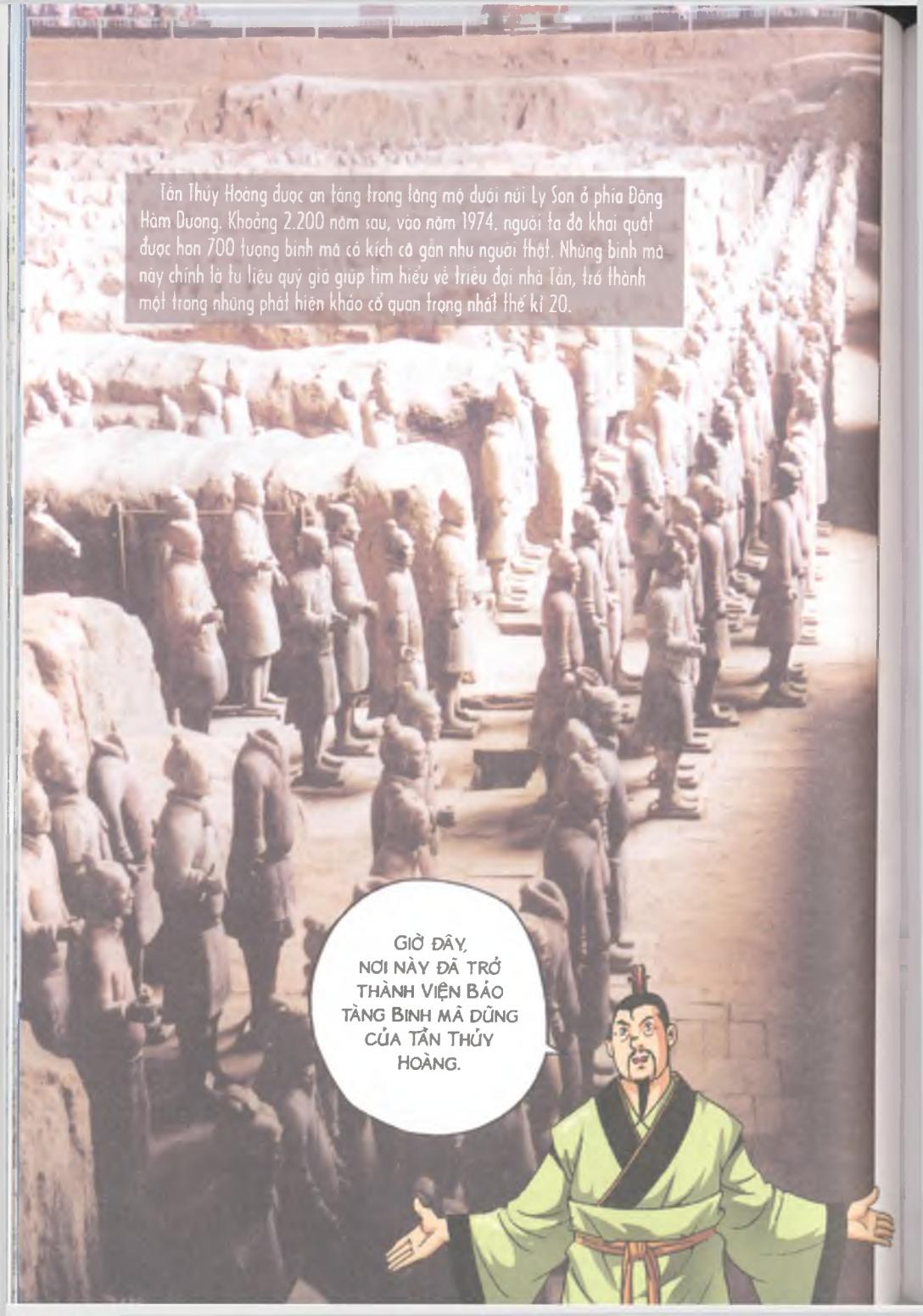
Tuy người mang bệnh nặng nhưng Tần Thủy Hoàng vẫn tiếp tục di tuân ở các nơi.





Tháng 7 năm 210 TCN, Tân Thủy Hoàng
bỗng hả, hưởng dương 50 tuổi.





Tần Thủy Hoàng được an táng trong lăng mộ dưới núi Ly Sơn ở phía Đông Hàm Dương. Khoảng 2.200 năm sau, vào năm 1974, người ta đã khai quật được hơn 700 tượng binh mã có kích cỡ gần như người thật. Những binh mã này chính là tư liệu quý giá giúp tìm hiểu về triều đại nhà Tần, trở thành một trong những phát hiện khảo cổ quan trọng nhất thế kỉ 20.

GIỜ ĐÂY,
NƠI NÀY ĐÃ TRỞ
THÀNH VIỆN BẢO
TÀNG BINH MÃ DŨNG
CỦA TẦN THỦY
HOÀNG.



Trung Hoa cổ đại

Nền văn minh Trung Hoa hình thành sớm nhất ở lưu vực sông Hoàng Hà. Vào thế kỷ 21 TCN, ở Trung Hoa xuất hiện vương triều đầu tiên - đó là nhà Hợp, nhưng vương triều có chứng cứ khảo cổ chính xác lại bắt đầu ở nhà Thương. Tổ tiên của nhà Thương có thể đến từ vùng Liêu Đông. Đến thế kỷ 16 TCN, nhà Thương遷 vào khu vực Trung Nguyên. Thời kì đầu, triều Thương không ngừng di dời kinh đô. Sau khi Bàn Canh lên ngôi vua thì triều Thương đóng đô tại đất Ân (thuộc An Dương, Hà Nam, Trung Quốc ngày nay). Từ đó về sau, kinh đô của nhà Thương không còn chuyển dời nữa, vì thế triều Thương còn được gọi là triều Ân. Nền văn minh của đời nhà Thương đã vô cùng phát triển, đã có lịch pháp, đồ đồng và chữ giáp cốt.

Nhà Chu là một bộ tộc ở phía Tây của nhà Thương, có nguồn gốc ở vùng Thiểm Tây, Cam Túc. Vì vị vua cuối cùng của nhà Thương là Trụ Vương hoang đâm vô độ nên nhà Chu bèn liên

kết với các chư hầu để lật đổ.

Vào giữa thế kỷ 11 TCN, nhà Chu lật đổ nhà Thương. Nhà Chu dùng cách phân phong đất đai cho các chư hầu để thống trị lãnh thổ rộng lớn. Thế lực của triều đại nhà Chu thâm nhập tới hạ nguồn sông Hoàng Hà và vùng Giang Hoài, vượt qua cả sông Trường Giang.

Đến năm 770 TCN, Chu Bình Vương dời đô thành về Lạc Ấp, đổi tên là Đông Chu (triều đại nhà Chu trước đó gọi là Tây Chu). Khi đó, các nước chư hầu trở nên lớn mạnh, còn triều đình nhà Chu bắt đầu suy tàn. Hơn 100 nước chư hầu lớn nhỏ sáp nhập vào nhau hoặc tranh đoạt bá quyền. Về sau, chỉ còn lại 7 nước chư hầu tương đối lớn (Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tần), được gọi là thời kì Chiến Quốc.

Cuối cùng, nước Tần ở phía Tây trở nên hùng mạnh. Vào năm 221 TCN, Tần Vương là Doanh Chính đã thống nhất Trung Hoa, xây dựng đế quốc thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa.

Văn hóa Nguồng Thiếu

Thời kì chế độ mǎu hệ, Trung Hoa có hai nền văn hóa khá nổi tiếng: Một là văn hóa Nguồng Thiếu của nền văn minh viễn cổ lưu vực sông Hoàng Hà, hai là văn hóa Hà Mǎu Độ của nền văn minh lưu vực sông Trường Giang.

Văn hóa Nguồng Thiếu xuất hiện khoảng năm 5000 TCN tới năm 3000 TCN. Được đặt tên này do năm 1921, người ta khai quật được di chỉ đầu tiên tại làng Nguồng Thiếu, huyện Thủ Đức, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Thời kì này đã có chế độ công xã thị tộc tương đối nghiêm ngặt, cuộc sống ổn định, sản phẩm chủ yếu là cây lương thực, bắt đầu dùng cung tên để săn bắn, còn nghề thủ công là làm đồ gốm, dệt vải, may mặc... Đồ gốm ở thời kì này phần lớn màu đỏ, mĩ quan thực dụng, hoa tiết đặc trưng là hình vẽ hình học hoặc hình động vật, vì thế văn hóa Nguồng Thiếu còn được gọi là văn hóa gốm màu.

Thời kì đầu của văn hóa Nguồng Thiếu thịnh hành lối hợp tảng tập thể hoặc hợp tảng cùng giới, thường mấy trăm người được chôn chung trong một ngôi mộ, các vật tùy táng của nữ giới nhiều hơn nam giới.

Văn hóa Hà Mǎu Độ

Văn hóa Hà Mǎu Độ là chỉ nền văn hóa thời kì đồ đá mới được phân bố ở khu vực đồng bằng bờ phía Nam của vịnh Hàng Châu, Triết Giang cho tới quần đảo Chu Sơn. Niên đại của nó tương tự với văn hóa Nguồng Thiếu. Do được phát hiện tại làng Hà Mǎu Độ, huyện Dư Diêu, tỉnh Triết Giang nên được đặt tên là văn hóa Hà Mǎu Độ. Trong di chỉ văn hóa Hà Mǎu Độ, người ta phát hiện ra hàng ngàn mẫu vật đồ đá, đồ xương, đồ gốm và đồ gỗ, ngoài ra còn phát hiện rất nhiều hạt lúa, lá lúa và thân cây lúa chất thành đống. Những hạt lúa này là bằng chứng về giống lúa sớm nhất của Trung Hoa.

Thông qua việc lần lượt khai quật và nghiên cứu về di chỉ, người ta phát hiện ra rằng, nghề thủ công thời đó rất phát triển, tay nghề làm đồ gỗ rất thành thục, công trình kiến trúc có kết cấu bằng gỗ thường lấy mộng và lỗ mộng ghép với nhau. Người ở thời đó còn học cách sơn, dùng công cụ để hỗ trợ làm đồ gỗ.

Bô đồng

Bô đồng là những đồ vật được chế tạo từ hợp kim gồm đồng đỏ (đồng nguyên chất) và thiếc hoặc chì, độ cứng cao, đúc thành khuôn tốt, chịu ăn mòn, thích hợp chế tạo công cụ, vũ khí, đồ dùng hàng ngày và tác phẩm nghệ thuật chạm trổ. Đây cũng là đồ kim loại mà con người sử dụng rộng rãi nhất.

Vào khoảng thế kỉ 21 TCN, Trung Hoa đã bước vào thời đại bô đồng. Dưới thời nhà Thương và nhà Chu, đồng đã được sử dụng phổ biến trong chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí, các kết cấu bằng đồng trên xe ngựa, đồ trang trí, đồ trang sức và quà tặng...

Về sau, cùng với sự phát triển của kỹ thuật luyện sắt, bô đồng mới dần dần mất vị thế đi.

Chế độ tinh diền

Chế độ tinh diền xuất hiện vào thời nhà Thương, nhà Chu. Dưới chế độ này, người canh tác thực tế không có quyền sở hữu ruộng đất mà chỉ có quyền sử dụng.

Tinh diền do 9 vuông đất tạo thành, nhìn chung mỗi vuông đất là 100 mẫu (1 mẫu = 667 m²), 1 đơn vị canh tác gọi là 1 diền. 1 diền ở giữa gọi là "công diền", các hộ nông dân xung quanh phải giao trồng không công và toàn bộ phần được thu hoạch phải nộp cho tầng lớp thống trị. 8 diền còn lại gọi là "tư diền", phân phối cho mỗi hộ gia đình 1 suất để canh tác giao trồng, phần được thu hoạch thuộc về hộ nông dân.

Tề Hoàn Công

Tề Hoàn Công họ là Khương, tên là Tiểu Bạch, năm 685 TCN lên ngôi vua Tề. Trong thời gian tại vị, ông trọng dụng Bao Thúc Nha, phong Quản Trọng làm tể tướng. Với sự trợ giúp của Quản Trọng, ông đã tiến hành cải cách các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, khiến nước Tề nhanh chóng trở nên giàu mạnh, đặt nền tảng cho đại nghiệp xưng bá.

Tề Hoàn Công tôn trọng triều đình nhà Chu, đồng thời liên kết rộng rãi với các nước chư hầu lớn nhỏ, cuối cùng ông trở thành bá chủ đầu tiên trong thời kì Xuân Thu. Thế nhưng sau khi Bao Thúc Nha, Quản Trọng qua đời, Tề Hoàn Công đã già yếu lại trọng dụng những kẻ tiểu nhân như Dịch Nha, Thụ Diêu. Năm 643 TCN, những kẻ tiểu nhân đó làm phản, đem nhốt ông trong cung và để ông chết đói. Từ đó nước Tề bắt đầu suy tàn.

Trăm nước chư hầu

Dưới thời kì Xuân Thu Chiến Quốc, vương quyền suy yếu, các chư hầu tranh bá, mở cửa chiêu dụ nhân tài, đồng thời do dân số tăng nên việc phân chia đất đai gặp nhiều khó khăn, xã hội này sinh nhiều biến động lớn.

Ở thời kì này, những người có tri thức đã đề ra những biện pháp và tư tưởng dẫn lối để giải quyết các vấn đề xã hội. Ngoài ra, việc thúc đẩy giáo dục và sự tự do về tư tưởng cũng khiến các chư hầu đua nhau tranh tiếng.

Thời hậu Xuân Thu xuất hiện các trường phái học thuyết khác nhau như: Nho gia, Đạo gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Mặc gia... Tới giữa thời kì Chiến Quốc, các trường phái học thuyết lại càng nở rộ, đặt nền tảng rộng lớn cho sự phát triển của văn hóa Trung Hoa. Thời kì này được gọi là thời kì "Trăm nước chư hầu" hoặc "Trăm nhà đua tiếng".

Chữ giáp cốt và việc bói toán

Chữ giáp cốt là chữ viết thời kì cuối nhà Thương, do được khắc lên mai rùa, xương thú nên được đặt tên là chữ giáp cốt. Những chữ viết dùng dao khắc này nét chữ to nhỏ không đều, thậm chí chữ thì mờ nhạt như sợi tóc, chỗ nổi các nét có phần rời rạc, thô kệch, song nội dung mà chữ biểu đạt ngoài ghi chép lại ít ỏi sự việc ra, phần lớn đều ghi chép về việc bói toán của triều đình Ân Thương thời đó.

Người nhà Thương rất mê tín, tin vào quỷ thần, xúi lủ mọi việc lớn nhỏ đều phải dựa vào bói toán, do đó nội dung bói toán vô cùng phong phú, khi thì hỏi về thời tiết, thu hoạch nông nghiệp, cũng có khi hỏi về bệnh tật, cầu tự, săn bắn, chiến đấu, cúng tế... Vì thế những chữ giáp cốt đó hẫu như đã hé lộ phần lớn trạng thái sinh hoạt của người thời nhà Thương.

Cách bói toán là: Người ta lấy mai rùa hoặc xương thú đã qua xử lý để đục lỗ, tiếp đó dùng lửa sấy khô, mặt trên của mai rùa sẽ xuất hiện những vết rạn ở xung quanh những lỗ đục. Những vết rạn đó được gọi là "triệu". Thầy bói sẽ quan sát các vết rạn, sau khi phán đoán hung cát xong thì viết ra nội dung cần hỏi bói, khắc lên mai rùa.



Khổng Tử

Khổng Tử (năm 551 TCN – năm 479 TCN) tên thật là Khổng Khâu, tự là Trọng Ni, người Trâu Ấp, nước Lỗ vào cuối thời Xuân Thu. Ông là nhà triết học, nhà giáo dục vĩ đại của Trung Hoa, người tụ hội tư tưởng văn hóa Trung Hoa, đồng thời sáng lập ra học thuyết Nho gia.

Khổng Tử xuất thân trong một gia đình quý tộc đã mai một của nước Tống*. Ông là người khắc khổ hiếu học, từng làm một số công việc thấp kém, đến tuổi trung niên ông mở trường tư dạy học. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như đô tể, tư không, tư khôi... thế nhưng về sau do bị tiểu nhân hãm hại, ông dành từ quan, dẫn học trò đi chui du các nước tổng cộng 13 năm. Về già ông quay về nước Lỗ tiếp tục dạy học và chính đốn thư tịch cổ.

Những lời nói của Khổng Tử và đệ tử của ông được tổng hợp thành cuốn "Luận ngữ", là cuốn sách kinh điển của Nho gia, có giá trị văn học rất cao.

Trong quá trình phát triển của lịch sử Trung Hoa, học thuyết Nho gia do Khổng Tử và học trò của ông khai sáng đã phát huy ba tác dụng chính sau đây: Đầu ra những quy tắc hoàn thiện cho chế độ quân chủ chuyên chế của Trung Hoa với những lý luận chắc chắn; Xây dựng được quan điểm vững chắc về gia đình (gia tộc) và quan điểm xã hội; Hình thành tư tưởng đạo đức và giá trị xã hội hơn trong 2.000 năm nay của người Trung Hoa.



* Một quốc gia cổ thời nhà Chu, tồn tại từ đầu thời Chu đến cuối thời Chiến Quốc, kinh đô ở Thương Khâu. Tổng bị liên quân ba nước Tề, Ngụy và Sở tiêu diệt năm 286 TCN.

Lão Tử

Lão Tử ra đời vào khoảng năm 570 TCN, là nhà tu túng nổi tiếng thời kì Xuân Thu. Ông là người khai sáng trường phái Đạo gia. Theo ghi chép trong "Sử ký", Lão Tử họ Lý, tên Nhĩ, tự là Đam, người huyện Khổ, nước Sở. Ông từng làm quan sứ phụ trách quản lý thư viện triều đình nhà Chu, chính vì vậy ông có cơ hội tiếp xúc và tìm hiểu các loại sách kinh điển cùng nhiều luồng tư tưởng. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để ông trở thành người sáng lập ra Đạo giáo. Lý Nhĩ cư trú nhiều năm tại Lạc Ấp, học vấn ngày càng sâu rộng, thanh danh mỗi lúc một vang xa, vì thế, mọi người đều tôn ông là Lão Tử.

Về sau, triều đình nhà Chu xảy ra nội loạn, Lão Tử bị liên lụy nên từ quan về ở ẩn. Ông cuối trâu, khi tới cửa ải Hầm Cốc, theo lời thỉnh cầu

của viên quan gác cửa tên là Doãn Hỷ, ông đã viết một cuốn sách nói về đạo đức tổng cộng hơn 5.000 từ, sau đó mới rời đi. Từ đó về sau, không ai biết tung tích của ông ở đâu. Nghe nói Lão Tử thọ hơn 160 tuổi, cũng có người nói ông thọ hơn 200 tuổi.

Cuốn sách 5.000 từ mà Lão Tử để lại cho đời sau chính là "Đạo đức kinh", cuốn sách kinh điển của Đạo giáo, phản ánh toàn diện tư tưởng triết học của Lão Tử. "Đạo đức kinh" chia thành hai phần là "Đạo kinh" và "Đức kinh".



Trận Trường Bình

Năm 262 TCN, quân Tần bao vây tấn công quận Thượng Đảng của nước Hàn. Quận thủ của Thượng Đảng là Phùng Định không chống đỡ nổi, bèn đem đảng Thượng Đảng cho vua Triệu, mượn quân Triệu để chống Tần. Nước Triệu cử đại quân cầm chốt tại ải Trường Bình ở phía Nam Thượng Đảng, dẫn đến trận đánh lớn giữa quân Tần và quân Triệu.

Mới đầu, vua Triệu lệnh cho Liêm Pha làm tướng. Liêm Pha dựa vào địa thế hiểm yếu đào hào đắp lũy, áp dụng sách lược cố thủ không đánh, ròng rã suốt 3 năm trời quân Tần tấn công mãi mà không phá được.

Năm 260 TCN, vua Triệu cử người sang nước Triệu phao tin rằng nước Tần không sợ Liêm Pha mà chỉ sợ Triệu Quát. Vua Triệu trúng kế, thay Triệu Quát làm tướng.

Tuy là con trai của danh tướng nước Triệu là Triệu Xa, nhưng Triệu Quát chỉ biết "bàn việc binh trên giấy", không có kinh nghiệm chiến đấu thực tế. Nước Tần lợi dụng nhược điểm kiêu ngạo, chủ quan khinh địch của Triệu Quát, khi giao chiến họ già vỡ không địch nổi quân Triệu, liên tục lùi về phía sau. Triệu Quát tướng quân Tần đã thua, bèn dẫn quân Triệu phá lũy xuất kích, tấn công vào tận trại địa của quân Tần.

Quân Tần đã sớm phòng bị nên quân Triệu không thể công phá.

Khi đó, tướng chỉ huy của quân Tần là Bạch Khởi cử ra hai đội kị binh, dàn trận hai bên đánh vòng sau lưng, cắt đứt đường lui của quân Triệu. Quân Triệu bị bao vây chặt nên hành đắp lũy cố thủ. Vua Triệu nghe tin giật mình hoảng sợ, vội cho quân chi viện. Vua Tần sau khi biết được nước Triệu sẽ cử quân cứu viện tới, bèn huy động những nam binh đủ 15 tuổi ở vùng Hà Nội (nay là Tảm Dương, Hà Nam, Trung Quốc) tham gia trận đánh Trường Bình, chặn đứng quân cứu viện của nước Triệu.

Tháng 9, Triệu Quát chia quân Triệu thành bốn đội luân phiên tấn công hòng mở một con đường máu, nhưng không thành công. Triệu Quát bị trúng tên chết, hơn 400.000 binh sĩ buộc phải đầu hàng quân Tần. Bạch Khởi vì sợ quân Triệu sau này làm phản nên chỉ cho 240 người nhỏ tuổi hoặc yếu ớt quay về nước Triệu, số người còn lại bị quăng xuống hố chôn tập thể.

Trận Trường Bình giữa quân Triệu và quân Tần đã kết thúc với kết quả là quân Triệu thất bại thảm hại và tổng số người chết lên tới hơn 450.000 người, quân Tần cũng chết trận quá nửa, thế lực nước Triệu vì thế mà suy yếu rất nhiều.

Những cuộc chinh phạt của nhà Tần

Cuối thời Chiến Quốc, thực lực kinh tế của nước Tần đã vượt xa so với 6 nước còn lại, quân sự cũng đã lớn mạnh và tinh nhuệ.

Khoảng năm 230 TCN, Tần tiêu diệt nước Hán. Khoảng năm 228 TCN, Tần tiêu diệt nước Triệu, thành Hàm Đan trở thành một quận của nước Tần. Khoảng năm 225 TCN, Tần tiêu diệt nước Ngụy. Khoảng năm 223 TCN, Tần tiêu diệt nước Sở. Khoảng năm 222 TCN, Tần tiêu diệt nước Yên, nước Đại (sau khi nước Triệu diệt vong, Triệu Vương Gia xây dựng quốc gia trên đất Đại). Khoảng năm 221 TCN, Tần diệt nước Tề. Cứ như vậy, với khí thế như chè tre, nước Tần đã hoàn thành cuộc chiến tranh tiêu diệt 6 nước, thống nhất thiên hạ. Các nhà sử học thường coi năm 221 TCN là năm bắt đầu triều đại nhà Tần.

Cơ cấu hành chính địa phương của nhà Tần

Quận là đơn vị hành chính cao nhất ở địa phương trực thuộc nhà Tần. Quận thủ chủ trì toàn bộ công việc, nghe theo mệnh lệnh của triều đình, đôn đốc các huyện trực thuộc. Quận còn có thêm quận úy phụ trách quân đội, trực tiếp dẫn dắt binh sĩ; quận giám (còn gọi là giám ngự sử) chuyên giám sát công việc hành chính của quận, kiểm soát quận thủ.

Dưới quận là các huyện do huyện lệnh (không tới 10.000 hộ dân thì gọi là huyện trưởng) chủ trì công việc, huyện úy phụ trách quân sự và trị an, huyện thừa phụ trách tư pháp.

Quan sứ của quận huyện đều do triều đình bổ nhiệm và bồi miễn. Dưới cấp huyện là hương, thôn.

Triển Tần lập tam công cửu khanh

Ba chức quan cao nhất của triều đại nhà Tần lần lượt là thừa tướng, ngự sử đại phu và thái úy. Thừa tướng là trợ thủ thứ nhất của hoàng đế, là người lãnh đạo bách quan, hỗ trợ hoàng đế xử lý công việc triều chính. Ngự sử đại phu là cấp phó của thừa tướng, địa vị tương đương với phó thừa tướng, phụ trách quản lý tấu chương, truyền đạt chiếu lệnh và giám sát bách quan. Còn thái úy là tổng chỉ huy quân đội của triều Tần. Thừa tướng, ngự sử đại phu, thái úy được người đời sau gọi chung là "tam công".

Dưới "tam công" chính là "cửu khanh". "Cửu" ở đây nghĩa là "nhiều". "Cửu khanh" là chỉ các chức quan chính của các bộ như đình úy quản lí hình ngục và tư pháp, tri túc nội sử quản lí tiền bạc và lương thực...

Bộ máy quan lại do Tần Thủy Hoàng xây dựng có hai đặc điểm rõ rệt:

Thứ nhất, nó là thể chế hành chính trung

ương lấy quyền lực của hoàng đế là trung tâm. "Tam công cửu khanh" phân công rất nghiêm ngặt, mỗi người một chức trách nhưng trung tâm quyền lực vẫn là hoàng đế. Các chức quan cao nhất, chẳng hạn như "tam công" kiểm soát lẫn nhau, bất cứ ai cũng không thể độc chiếm quyền lực, quyền lực về quân sự và chính trị hoàn toàn nằm trong tay một mình hoàng đế.

Thứ hai, các chức quan trong "cửu khanh" như phụng thường, tống chính, lang trung lệnh, thiếu phu... chỉ là phục vụ cho cá nhân hoàng đế, đó là đặc điểm thống trị của thời đại phong kiến.



Tần Thủy Hoàng xây dựng Trường Thành

Trường Thành được xây dựng sớm nhất vào khoảng thế kỉ 7 TCN, đó là thời kì Xuân Thu Chiến Quốc, các nước xây dựng hàng trăm hàng ngàn ki-lô-mét tường thành để phòng lẩn nhau. Ngoài ra, để phòng các dân tộc du mục phương Bắc, ba nước Tần, Triệu, Yên còn xây dựng công trình phòng ngự rất dài. Những đoạn tường thành nơi biên cương đó khác hẳn với tường thành của thành trì thông thường.

Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, để ngăn chặn quân Hung Nô xâm lược xuống phía Nam, ông không những cho sửa sang và nối liền các đoạn tường thành phòng ngự vốn có của ba nước Tần, Triệu, Yên từ thời Chiến Quốc mà còn cho xây thêm những đoạn tường thành mới. Trường Thành ở thời kì này được chia làm ba đoạn, đầu phía Đông đến tận bờ Bắc sông Đại Đồng, Bình Nhưỡng, Triều Tiên ngày nay; đầu phía Tây đến tận huyện Mân, tỉnh Cam Túc, chiều dài hơn 10.000 dặm (5.000 km), là dãy Vạn Lý Trường Thành trong lịch sử Trung Hoa.

Hung Nô

Hung Nô là một dân tộc rất hùng mạnh ở phía Bắc Trung Hoa. Thời nhà Chu, họ bị gọi là Bạch Địch hay Nhung (dân tộc man rợ), đến thời Tần Hán thì bị gọi là Hung Nô hay Hồ.

Người Hung Nô xuất hiện sớm nhất ở vùng Hà Sáo, Hoàng Hà, thủ lĩnh của họ được gọi là thiền vu. Họ chăn thả các loài gia súc như bò, ngựa, dê..., trên thảo nguyên, họ giỏi cưỡi ngựa và bắn cung. Sau khi Mạc Đốn trở thành thiền vu, Hung Nô trở nên hùng mạnh. Thời kì đầu của triều Hán, do không thể đối phó với Hung Nô nên triều đình dành kết thông gia. Đến thời Hán Vũ Đế mới bắt đầu tấn công Hung Nô. Đến thời Đông Hán, dưới sự tấn công ồ ạt của nhà Hán, Hung Nô bắt đầu suy yếu, một bộ phận người Hung Nô hòa hợp với dân tộc Hán, một bộ phận khác thì di cư về phía Tây, đến thế kỉ 4-5 thì tiến vào châu Âu, họ đã đánh bại người German, gây ra cuộc đại di cư của các dân tộc, dẫn tới sự sụp đổ của đế quốc Tây La Mã.

Lăng mộ Tần Thủy Hoàng

Lăng mộ Tần Thủy Hoàng nằm ở phía Bắc chân núi Ly Sơn, phía Đông huyện Lâm Đồng, thành phố Tây An. Đây là lăng mộ có quy mô lớn nhất trong số lăng mộ của các bậc đế vương Trung Hoa và cũng là khu lăng mộ có nhiều đồ vật tùy táng nhất.

Năm 246 TCN, khi vừa mới lên ngôi, Tần Vương Doanh Chính đã bắt đầu cho xây dựng lăng mộ, cho đến tận khi nhập táng vào năm 210 TCN, công trình xây dựng lăng mộ kéo dài tới 37 năm, số lượng nhân công sử dụng khi nhiều nhất lên đến hơn 700.000 người. Phần đất đắp nổi bao phủ trên lăng mộ hình chiếc dùi vuông có đinh bằng, phần đáy từ Nam đến Bắc dài 515 m, từ Đông sang Tây rộng 485 m, cao 115 m. Trải qua hơn 2.000 năm do bị mưa gió bào mòn và con người phá hoại, hiện tại phần đáy từ Nam đến Bắc chỉ dài 350 m, từ Đông sang Tây chỉ rộng 345 m, cao 76 m.

Xung quanh lăng mộ có hai lớp tường thành, chu vi thành bên trong là 3.875 m, chu vi thành bên ngoài là 6.210 m. Bốn phía đều có cổng. Theo thăm dò khảo cổ, ở bên trong và bên ngoài khu lăng mộ, người ta đã phát hiện ra các hầm bối táng, mộ bối táng và hơn 500 ngôi mộ của những người xây mộ. Những thứ quan trọng trong hầm bối táng gồm có: hầm binh mã, hầm cố xe ngựa bằng đồng, hầm chuồng ngựa, hầm chim thú quý hiếm cùng với các hầm phụ táng. Ngoài ra, người ta còn phát hiện ra số lượng lớn các di chỉ kiến trúc cung điện như tắm cung, tiện điện, miếu mạo, nơi ở của quan lại... Cả khu lăng mộ tựa như một kho báu văn vật phong phú dưới lòng đất.

Đặc biệt hầm binh mã với hàng ngàn hàng vạn tượng binh mã trông vô cùng tráng lệ được coi là "kì quan thứ 8 của thế giới".

Chương 3: Triều Đại Hán sùng sục ở Đông Á

Nội dung chính:

Hán Sở tranh hùng

Hạng Vũ xuất thân trong một gia đình tướng quân của nước Sở bị triều Tần tiêu diệt. Từ nhỏ ông đã dũng mãnh phi thường. Lưu Bang xuất thân từ nhà nông, là tay du thủ du thực nhưng lại rất giỏi lôi kéo người khác. Cuối cùng, Lưu Bang chiến thắng Hạng Vũ, giành lấy thiên hạ.

Uy phong của Tây Hán

Hán Cao Tổ đã đặt nền móng cho cơ nghiệp nhà Hán, thế nhưng người thực sự khiến triều Hán đạt tới thời kì đỉnh cao lại là Hán Vũ Đế.

Trương Khiên, nhà ngoại giao dưới thời Hán Vũ Đế, đã có công mở mang “con đường tơ lụa” của nhà Hán tới Tây Vực.



Hán Sở tranh hùng

Trong chuyến đi tuần lân cuối cùng của Tân Thủy Hoàng, hai nhân vật có ảnh hưởng to lớn đến lịch sử sau này được chứng kiến sự uy nghi của Tân Vương.

HOÀNG ĐẾ
TỚI RỒI!

Tại một thị trấn
của nước Sở.

Một người là Hạng Vũ,
vốn xuất thân từ gia đình
tướng quân của nước Sở.

MAU
CÚI ĐẦU
XUỐNG!

THÚC PHỦ CỦA
HẠNG VŨ

CẨN THẬN
BỊ CHÉM
ĐẦU ĐÂY!





Sau khi Tân Thúy Hoàng qua đời, hai người này trở thành hai nhân vật anh hùng tranh bá thiên hạ.









Thế nhưng trong vòng nửa năm, những cuộc khởi nghĩa đó đều bị đàn áp.



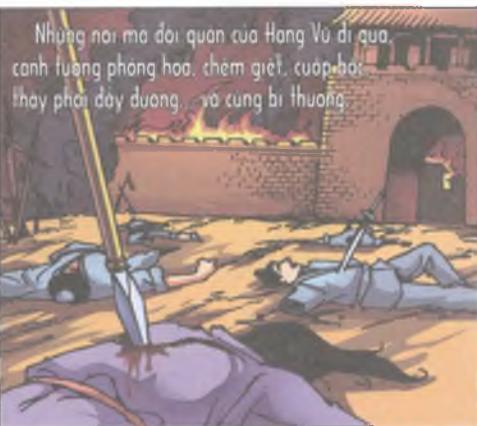
Hạng Vũ lấy cuộc khởi nghĩa của nông dân làm cơ hội trở thành thủ lĩnh của thế lực chống Tần mạnh nhất.







Quân của Hạng Vũ liên đánh về
phía Hán Dương với khí thế dội
non lốc bển.



KHÔNG
ĐƯỢC GIẾT
HẠI DÂN
THƯỜNG!

TÙY TIỀN
PHÓNG HÓA,
CƯỚP BỎ,
TRỘM CẤP ĐỀU
BỊ TRÚNG PHẠT
NGHIÊM KHẮC!



Lưu Bang với thủ trưởng giam thiêu
hi sinh tiến vào Hán Dương.



Sau khi vượt qua bao nhiêu trắc ngai
chông gai cuối dọc đường, quân của
Hạng Vũ tới cứ điểm quan trọng nhất
của quân Tần - đó là kinh Hán Cốc.







Hàng Vũ nỗi giận dồn quen thòn tóc
băng qua ái Hầm Cát.



Cắm chốt tại Hàng Môn,
cách Hầm Dương không xa.



Sau khi Lưu Bang
biết tin này...



BÌNH LỰC
CỦA HÀNG
VŨ GẤP BỒN
LẦN TA...



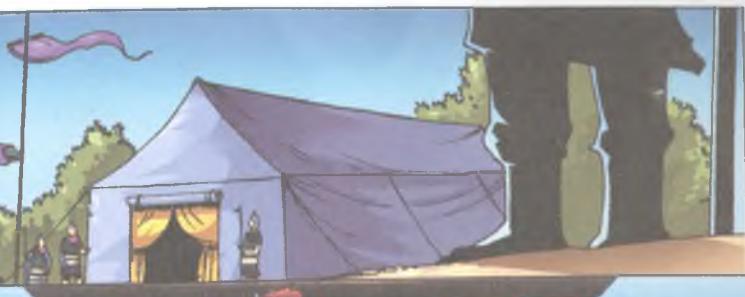






Vậy là Lưu Bang
thoát nạn trở về
doanh trại.

Mấy ngày sau...



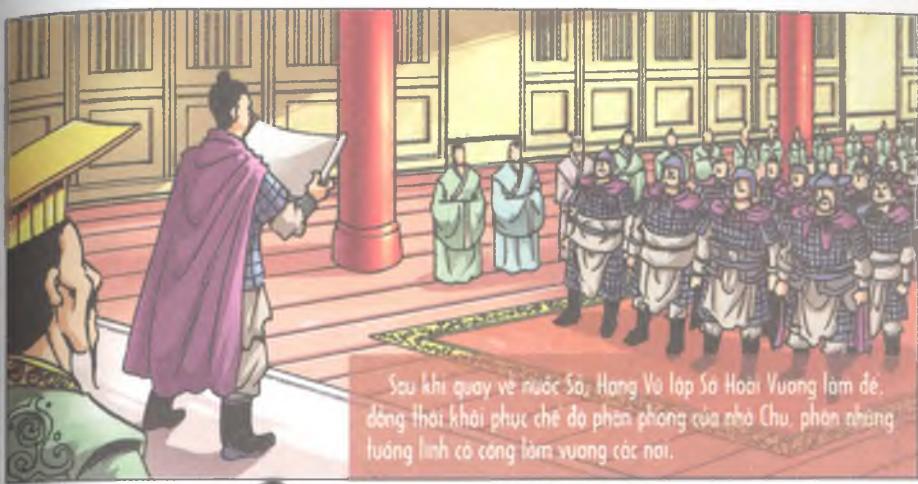
Hạng Vũ dẫn dải
quân hùng đông tiến
vào Hán Dương.



Hạng Vũ vào vào đền Hán Dương đã
rõ lệnh giết Tân Vương, người vốn được
Lưu Bang tha mạng, rồi rõ lệnh đốt cung
A Phòng, còn đảo cả lăng mộ Tân Thủy
Hoàng, cuộp đi vương bọc châu báu.

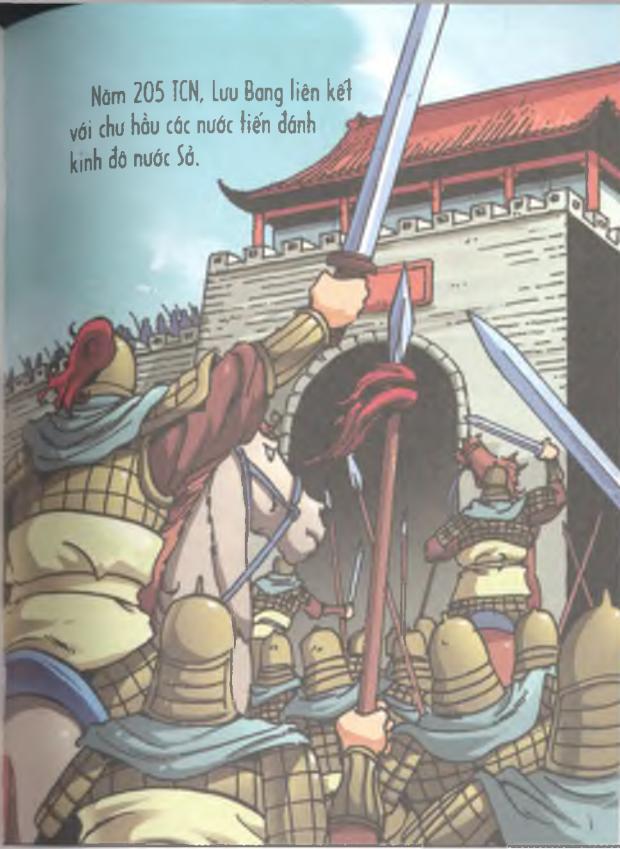


Nghe nói cung A Phòng quá lớn nên lửa
cháy suốt ba tháng không tắt. Năm 206 TCN,
triều Tân hoàn toàn diệt vong.





Năm 205 TCN, Lưu Bang liên kết
với chư hầu các nước tiến đánh
kinh đô nước Sở.

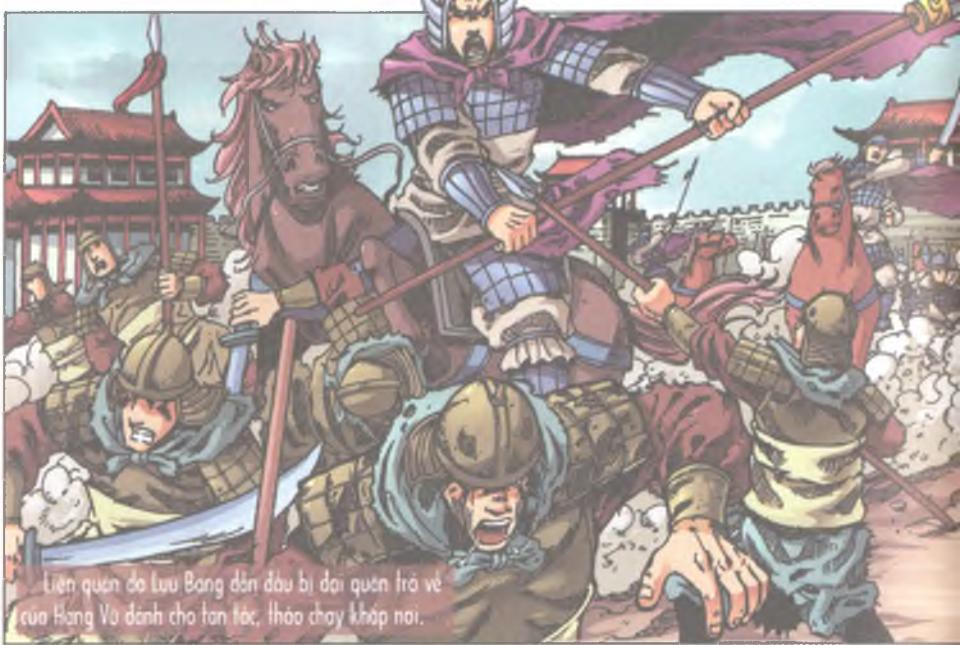


Thế nhưng...



TÊN LƯU BANG
BÌ ỐI, NHÂN LÚC
BẢN VƯƠNG ĐI
VẮNG TỐI LÀM LOẠN
BẢN VƯƠNG QUYẾT
KHÔNG THA CHO
NGƯỜI!!





Liên quan đó Lưu Bang dẫn đầu bị đại quân trả về
của Hạng Vũ đánh cho tan tác, tháo chạy khắp nơi.



Lưu Bang cùng
tháo chạy trong
cánh hồn loạn.



Trong nhiều lần giao chiến với Lưu Bang,
Hạng Vũ luôn chiếm ưu thế. Tuy nhiên...

Tại doanh trại của Hạng Vũ.



VUA SỞ TUY
DŨNG MÃNH
PHI THƯỜNG,
NHƯNG CÁCH
ĐỐI XỨ QUÁ
TÀN KHỐC.

DÚNG
VẬY!

ÔNG TA KHÔNG
THÈM ĐỂ Ý TỚI
CHÚNG TA, NHỮNG
BÌNH SĨ VÔN VÀO
SINH RA TỬ
NÀY.

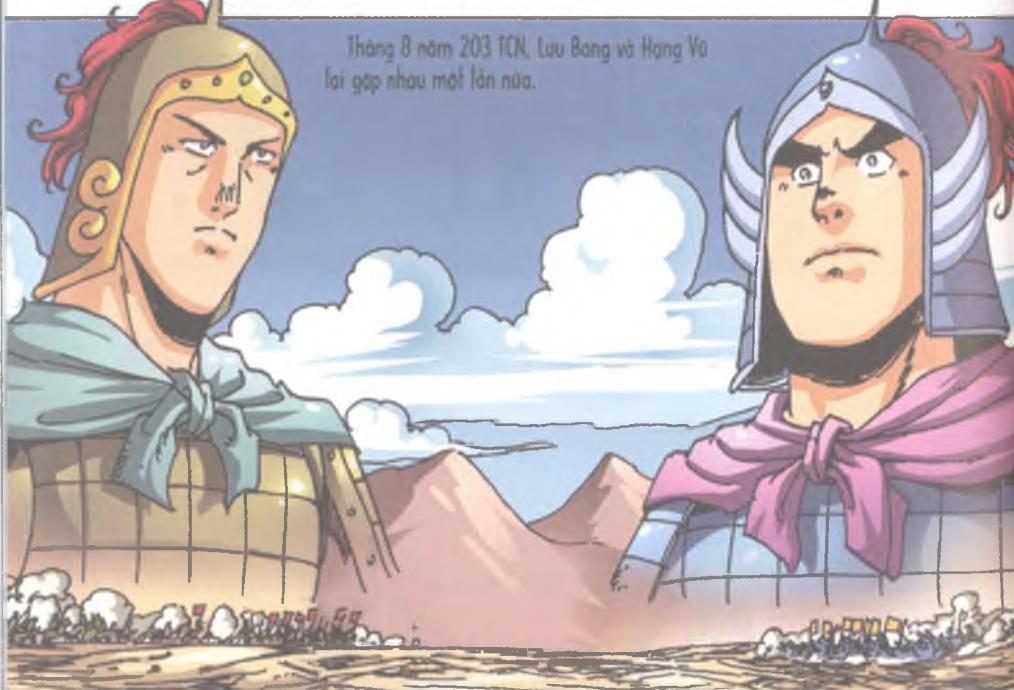


Do càng ngày càng
có nhiều binh sĩ đầu
quân cho Lưu Bang,
quân đội của Hạng Vũ
dần dần gặp bất lợi.



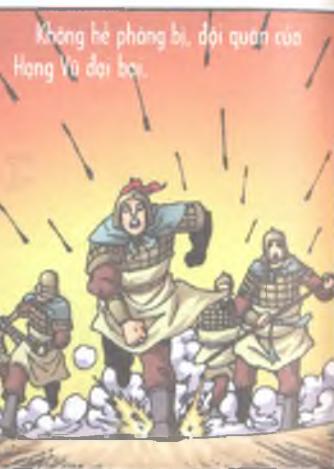


Tháng 8 năm 203 TCN, Lưu Bang và Hạng Vũ
lại gặp nhau một lần nữa.





Lưu Bang phiền muộn vì những lời lừa của các tướng.



Hạng Vũ đón lén quân trốn vào thành
Cao Hoa, bị quân Hán bao vây





* Nghĩa là: Tuy mang dũng khí và sức mạnh vô song, liên tục giành thắng lợi trên chiến trường, nhưng trời lại thu họ về Lưu Bang, khiến cho ngựa quý không thể tiếp tục xông pha chiến trường, chuyện này dành bó tay! Ngu Cơ! Sau này nàng biết tinh sao?



GIỜ DÃY, BÊN NGOÀI
ĐỀU LÀ QUÂN HẦM,
TA KHÔNG THỂ ĐEM
THEO NÀNG RA
CHIỀU TRƯỞNG!

Híc...

NGU
CƠ!

Á!





Tháng 2 năm 202 TCN,
Lưu Bang lên ngôi hoàng
đế, hay còn gọi là Hán Cao
Tông, đóng đô ở Trường An.



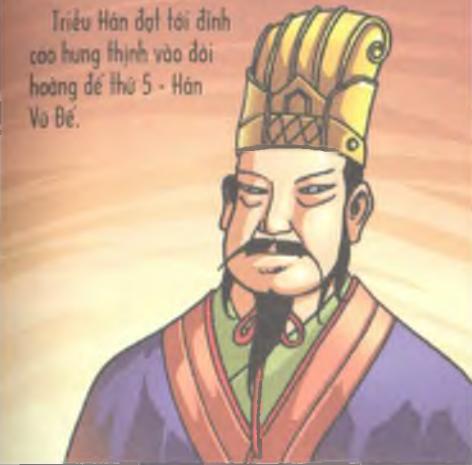


Sau khi lên ngôi,
Lưu Bang tổ chức an
tang Hạng Vũ theo
nghi lễ.



Úy phong cửa Tây Hán

Triều Hán đạt tới đỉnh
cao hưng thịnh vào đời
hoàng đế thứ 5 - Hán
Vũ Đế.



Năm 141 TCN, Lưu Triết lên ngôi hoàng
đế khi mới 16 tuổi.



CÁC KHANH
CÓ Ý KIẾN GI
CÚ MANH DẠ
DE XUẤT!

TRẦM VẪN CÒN
NHỎ TUỔI, MONG
ĐƯỢC LẮNG NGHE
Ý KIẾN CỦA CHU
VỊ ÁI KHANH.

QUỐC GIA ĐƯỢC
LÒNG DÂN ỦNG
HỘ THÌ MỚI
ÔN ĐỊNH.
MÀ NHO
HỌC CÓ THỂ
GIÚP CỦNG
CỔ LÒNG DÂN,
THẦN MONG
BÊN HẠ CÓ
THỂ HỌC NHO
HỌC.



ỪM! RẤT
CÓ LÍ!

TRẦM CHO
RẰNG NÊN
TUÂN THEO
NHO GIA ĐỂ
CAI TRỊ ĐẤT
NƯỚC.



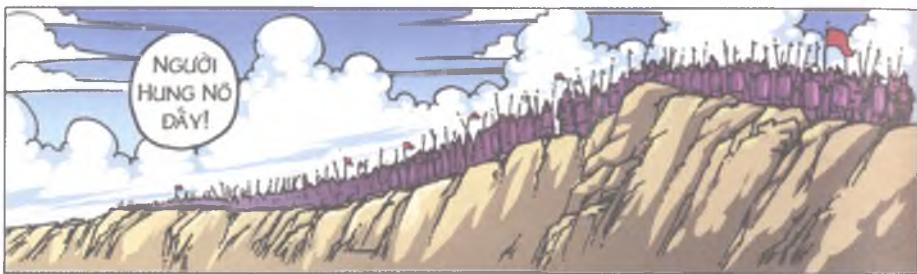
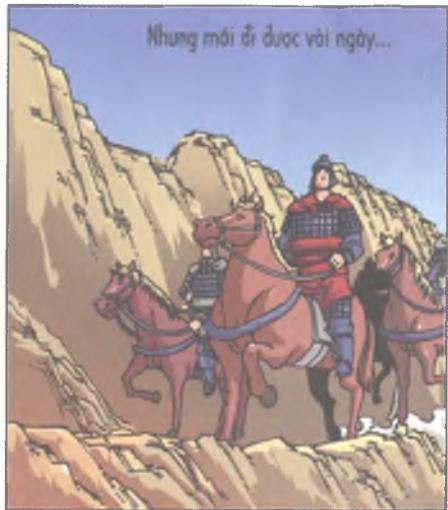




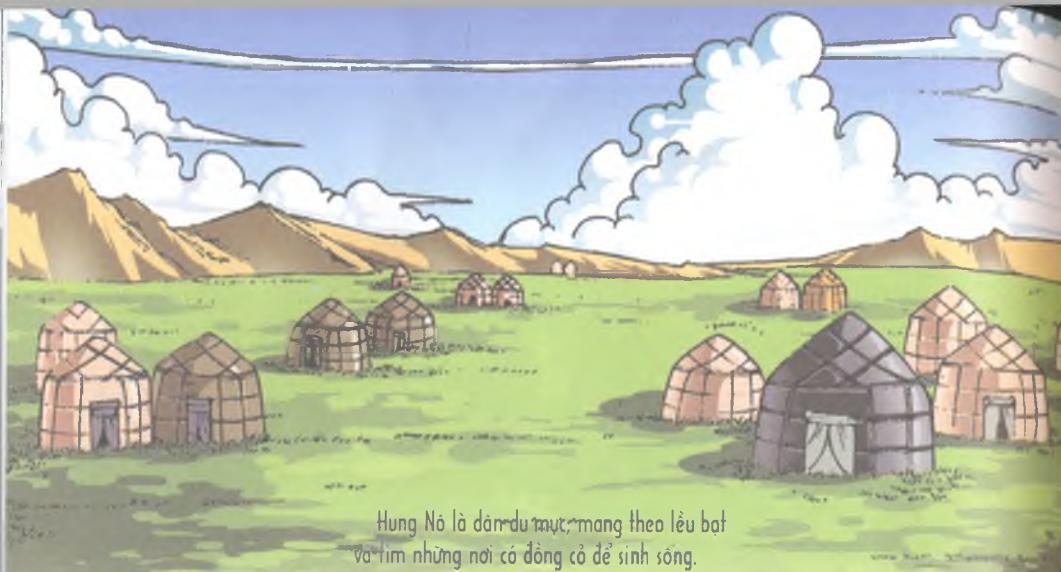




Mùa xuân năm 139 TCN, Trương Khiên dẫn theo hơn 100
tùy tùng lên đường tới nước Đại Nguyệt Chi.



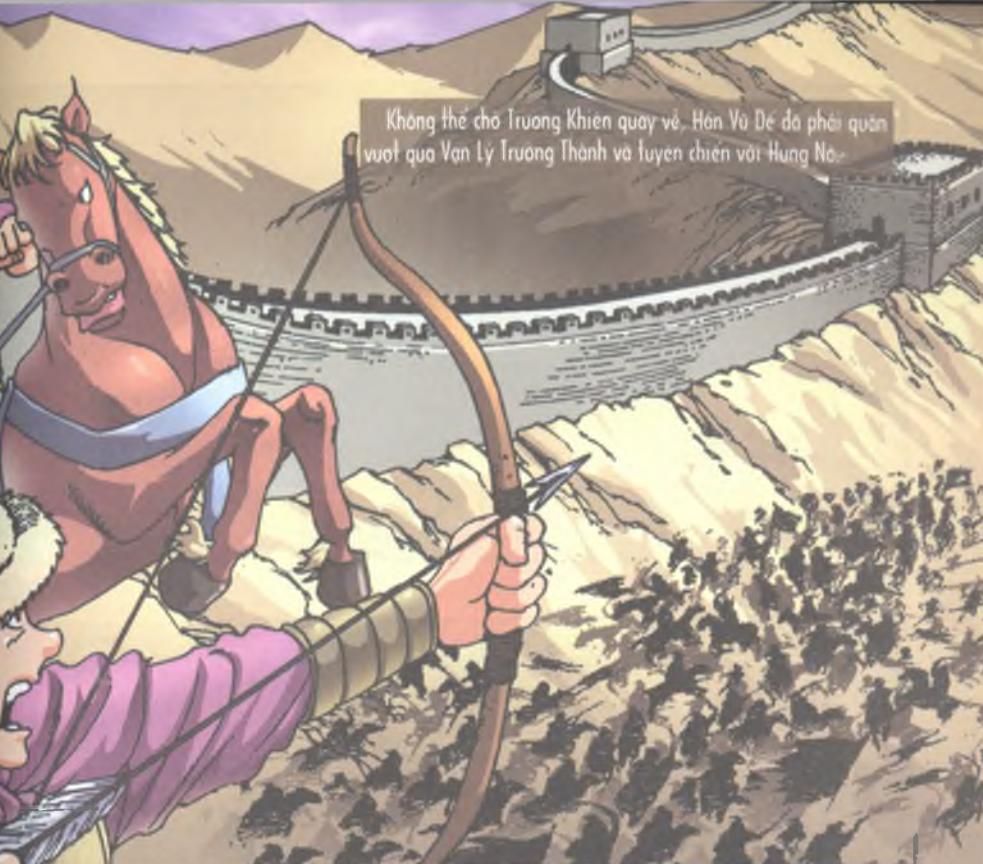




Hung Nô là dân du mục, mang theo lều bạt
và tìm những nơi có đồng cỏ để sinh sống.



10 năm trôi qua trong chập mùi.
Trương Khiên đã có vợ con ở Hung Nô.



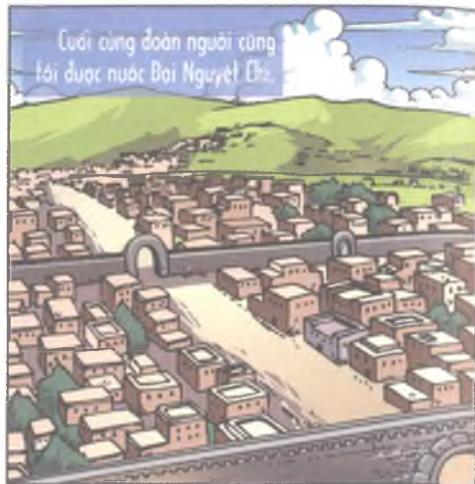
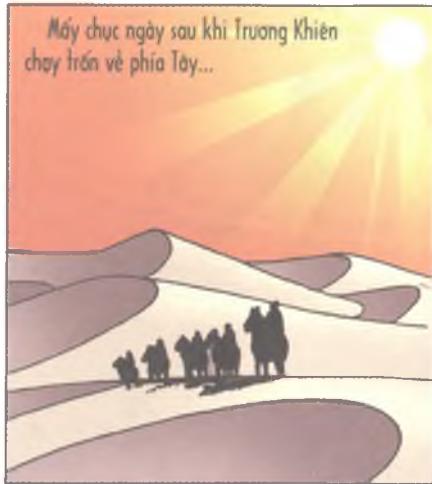
Không thể cho Trương Khiên quay về, Hán Vũ Đế đã phái quân
vượt qua Vạn Lý Trường Thành và tuyển chiến với Hung Nô.

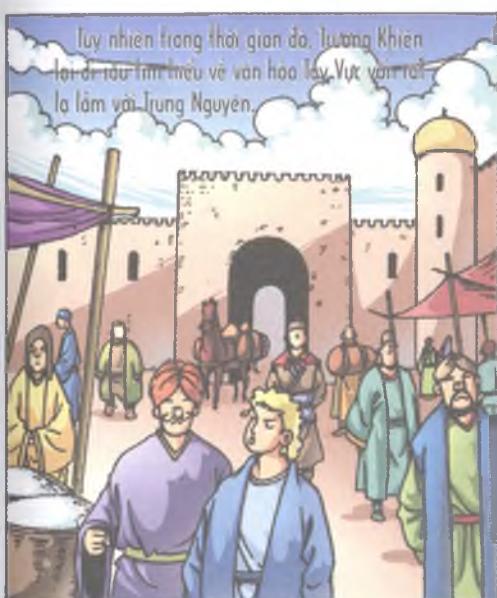


Nhưng Trương Khiên vẫn một lòng
không quên sứ mệnh của mình.



Nhân lúc canh gác lơi lỏng,
Trương Khiên trốn khỏi Hung Nô.

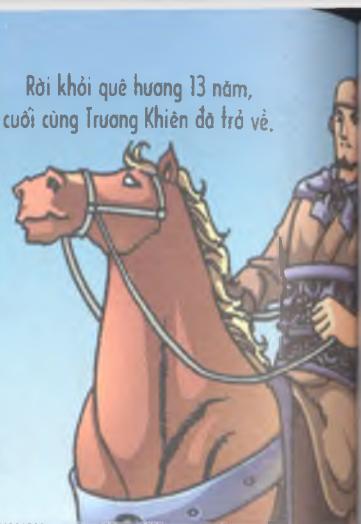






Rời quê hương 13 năm,
cuối cùng Trương Khiên đã trở về.

Không thành
công trong việc
kết liên minh,
Trương Khiên đành
phai lên đường
quay về nước



TRÊN ĐƯỜNG
TRỞ VỀ, THẦN
LẠI BỊ QUÂN
HUNG NỔ BẮT
ĐƯỢC.

NHƯNG NHỎ
CÓ HỒNG PHÚC
CỦA BỆ HẠ NÊN
THẦN LẠI THOÁT
ĐƯỢC!

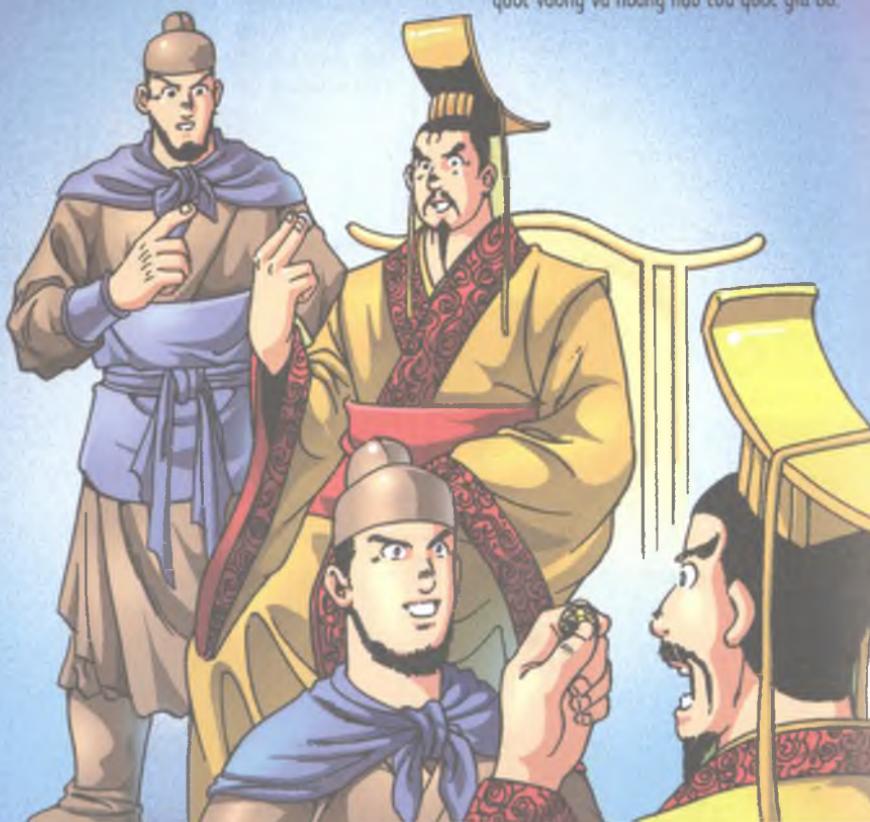
VIỆC NÀY KHÔNG
THỂ TRÁCH KHANH
ĐƯỢC. KHANH Ở
TÂY VỰC LÂU NHƯ
THÊ, HÃY KẾ CHO
TRẦM NGHE VỀ
NƠI ĐÓ!

NHƯNG
TRƯỜNG KHIÊN
KHÔNG THỂ
HOÀN THÀNH
SỨ MỆNH MÀ
BỆ HẠ GIAO
PHÓ, THẬT
ĐÁNG HỐ
THẸN...

Thời đó, do bị các dân tộc bên ngoài như Hung Nô cát dứt đường giao thông, văn hóa Tây Vực không thể truyền bá vào Trung Hoa. Vì thế, việc đi sứ của Trương Khiên và những điều tai nghe mắt thấy của ông có ý nghĩa và giá trị to lớn.



Trương Khiên dâng lên Hán Vũ Đế những bảo vật hiếm có mà ông mang từ Tây Vực về. Trong đó có đồng tiền vàng của một tiểu quốc đã bị nước Đại Nguyệt Chi tiêu diệt, trên mặt có khắc chân dung của quốc vương và hoàng hậu của quốc gia đó.



MUỐN MỞ
THÔNG CON
ĐƯỜNG GIỮA
TÂY VỰC VỚI
NUỐC TA.

CẨN
PHẢI
DÁNH BẠI
HÙNG NỔ.



Từ đó về sau, những cuộc chiến tranh giữa
Triệu Hán và Hung Nô ngày càng quyết liệt hơn.
Trương Khiên cũng gia nhập hàng ngũ chiến đấu.

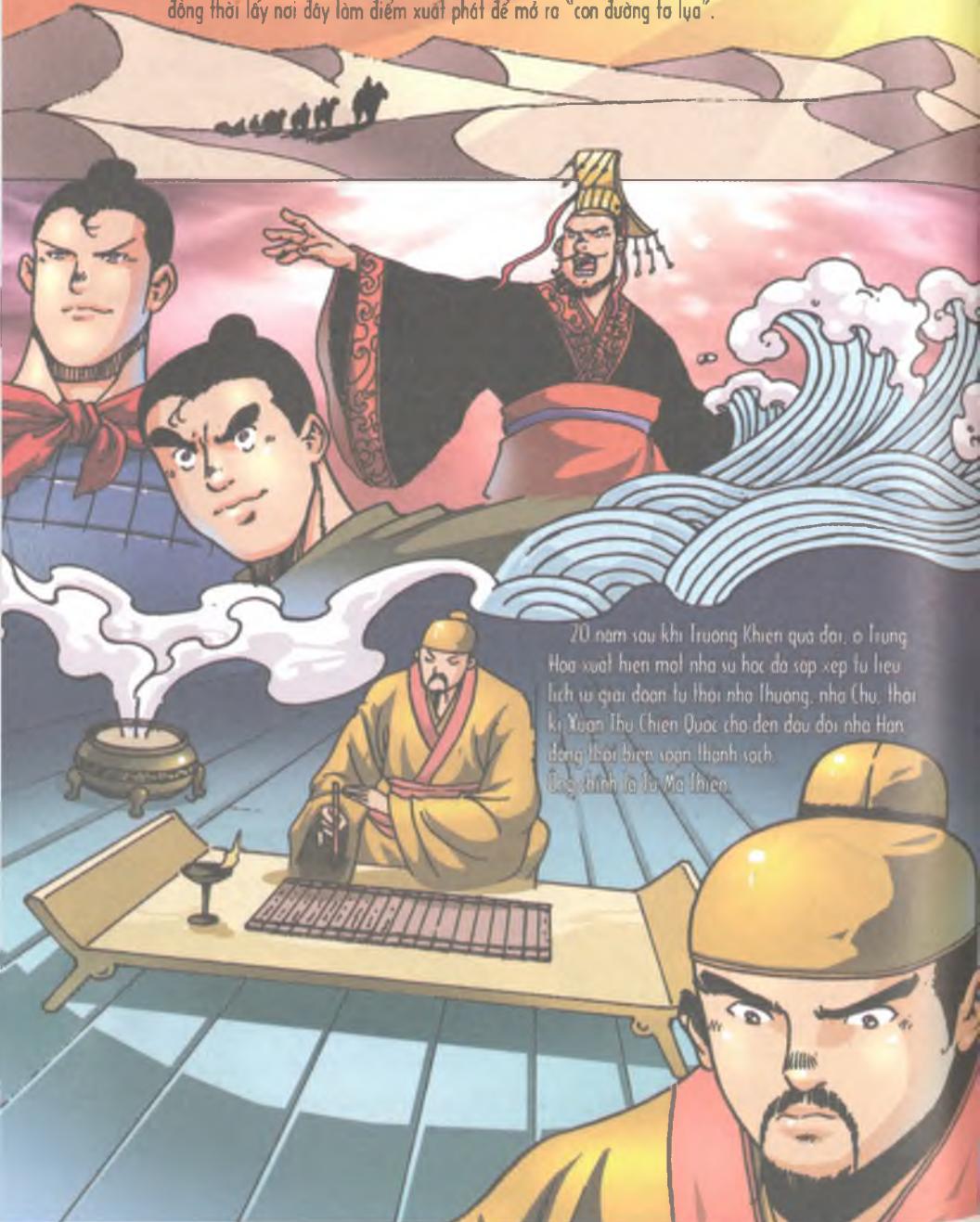


Mấy năm sau để liên minh với nước Ô Tôn cùng
chinh phạt Hung Nô, Trương Khiên rời một lần nữa
lâm sứ già nhiều lòn sang Tây Vực.



Trong mấy năm sau đó, thế lực của Hung Nô suy yếu nhiều,
con đường giao lưu văn hóa giữa phương Đông với phương Tây
cuối cùng cũng được mở ra.

Hán Vũ Đế thiết lập căn cứ địa để giao thương với Tây Vực tại Bôn Hoàng*, đồng thời lấy nơi đây làm điểm xuất phát để mở ra "con đường tơ lụa".



20 năm sau khi Trương Khiên qua đời, ở Trung Hoa xuất hiện một nhà sư học đã sáp xếp tu liêu lịch sử giải đoán tu thời nhà Hwang, nhà Chu, thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc cho đến đầu đời nhà Han, đồng thời biến tuan thành sách.
Ông chính là Tu Ma Khiên.

*Một trong bốn quận của Hà Tây do Hán Vũ Đế thiết lập, là cánh cửa quan trọng tới Tây Vực, thời đó có quân đội cầm chốt lâu dài tại đây.



SỰ HƯNG VONG
CỦA MỘT QUỐC
GIA TỰA NHƯ MỘT
GIẤC MƠ. HÁN VŨ
ĐỀ TUY ĐÃ ĐÁNH
CHIỀM ĐƯỢC NHIỀU
VÙNG VÀ QUỐC GIA
TRỎ THÀNH ĐẠI
ĐỀ QUỐC.

THÊ NHUNG
NHỮNG CUỘC
VIÊN CHINH LIÊN
MIỀN KHIẾN
TRONG NƯỚC
THIỀU THÔN
VẬT CHẤT, CUỘC
SỐNG CỦA TRĂM
HỌ NGÀY CÀNG
KHỔ CỤC.

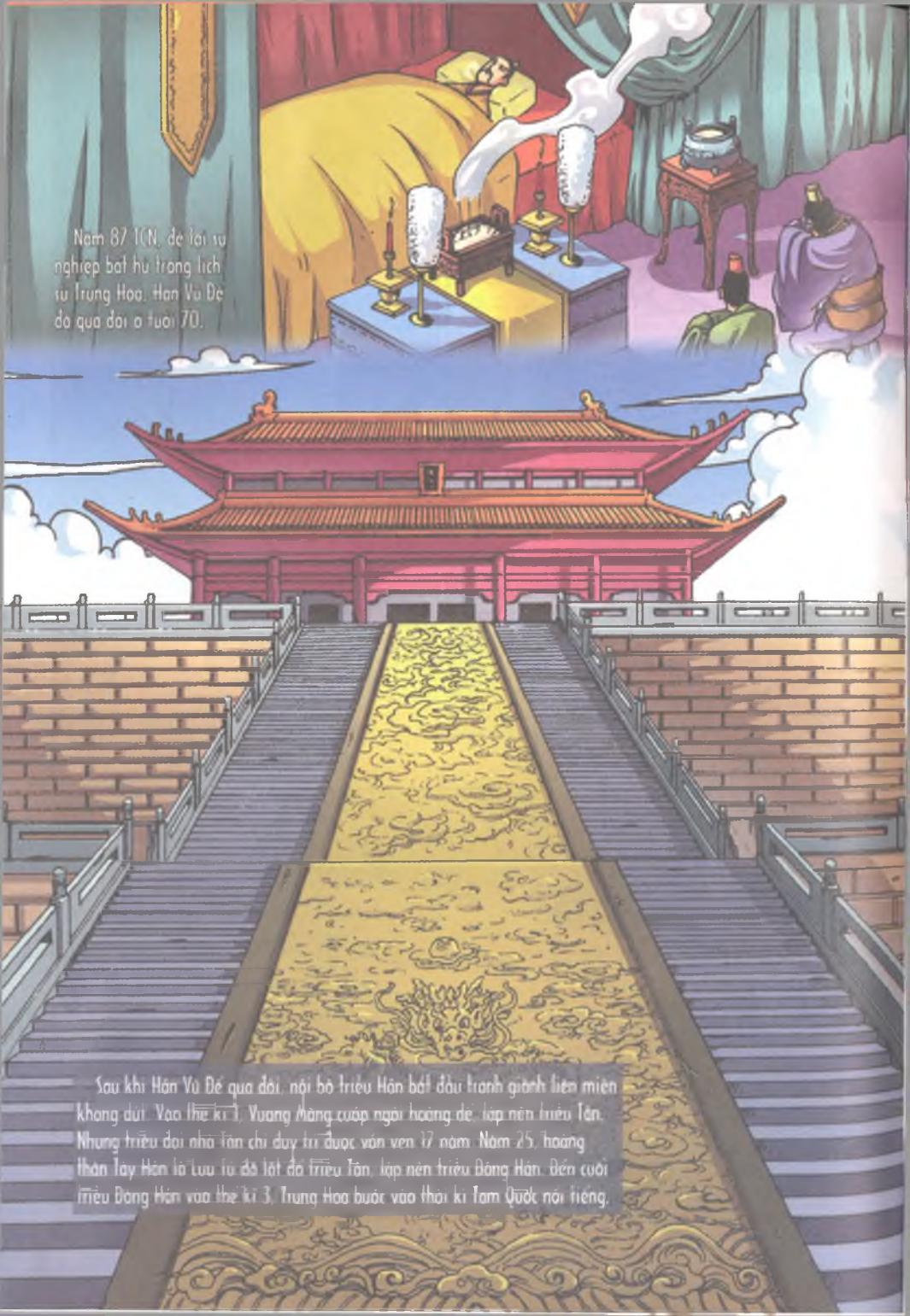
Đưa vào thực tế để viết,
Tu Ma Thiên đã biến soạn bộ
“Sử ký”.



Năm 90 TCN, “Sử ký”, một trong những
bộ sách về lịch sử xuất sắc nhất thế giới,
đã ra đời!



Năm 87 TCN, để lời sự nghiệp bất hủ trong lịch sử Trung Hoa, Hán Vũ Đế đã qua đời ở tuổi 70.



Sau khi Hán Vũ Đế qua đời, nội bộ triều Hán bắt đầu tranh giành liên miên không dứt. Vào thế kỷ 1, Vương Mãng usurp ngôi hoàng đế, lập nên triều Tân. Nhưng triều đại nho tan chỉ duy trì được vỏn vẹn 17 năm. Năm 25, hoàng thân Tây Hán là Lưu Tú đã lật đổ triều Tân, lập nên triều Đông Hán. Đến cuối triều Đông Hán vào thế kỷ 3, Trung Hoa bước vào thời kì Tam Quốc nổi tiếng.

Triệu Hán

Sau khi triều Tần diệt vong, trải qua bốn năm chiến tranh, Lưu Bang đã tiêu diệt được Hạng Vũ, thành lập triều đại nhà Hán vào năm 202 TCN, đóng đô ở Trường An, trong lịch sử gọi là Tây Hán. Mấy vị hoàng đế đầu tiên của triều đại Tây Hán dãy mạnh chính sách ổn định cuộc sống của nhân dân, khôi phục và phát triển kinh tế.

Đến thời của Hán Vũ Đế, thế lực quốc gia trở nên hùng mạnh, triều Hán quyết đánh Hung Nô - mối đe dọa lớn nhất của mình ở phương Bắc. Trải qua nhiều cuộc tấn công, nhà Hán đã đẩy lui được quân Hung Nô rời vùng sa mạc lớn ở phía Bắc. Sau khi Hán Vũ Đế qua đời, nhà chính trị Hoắc Quang làm nhiếp chính, khoảng thời gian từ Hoắc Quang đến Hán Tuyên Đế thống trị là thời kì Trung Hưng của triều đại Tây Hán. Từ sau thời Tuyên Đế, Tây Hán dần suy thoái, nguyên nhân chủ yếu là do nội bộ triều đình lục đục và sự chuyển quyền của ngoại thích (họ hàng bên mẹ, bèn vợ của hoàng đế).

Ngoại thích Vương Mãng soán ngôi nhà Hán

Lưu Bang, tay du thủ du thực

Rất nhiều vị hoàng đế khai quốc của Trung Hoa thời còn trẻ hoặc khi sự nghiệp chưa phát triển đều có tài hoa phi thường và mưu lược dài lâu, nhưng Lưu Bang - người sáng lập ra triều Tây Hán, lại khác hẳn.

Ông xuất thân trong gia đình nông dân, thưở nhỏ chỉ là một thiếu niên bình thường. Ông không thích học hành, chán ghét công việc lao động nhà nông, hằng ngày la cà quán xá, không có nghề nghiệp ổn định, thường bị cha là mảng là "đỗ du thủ du thực". Khoảng 30 tuổi, ông đảm nhiệm chức vụ thấp nhất trong bộ máy hành chính của triều Tần là định trưởng, phụ trách quản lý trại an và các công việc dân sự liên quan của địa phương, đôi khi còn giúp triều đình đưa thư, giục nộp thuế, nhưng vẫn không phải là quan sứ chính thức. Tuy nhiên, do quan hệ công việc nên ông quen biết một số quan chức địa phương, có người còn là trọng thần của ông sau này.

Đương nhiên, Lưu Bang cũng có ưu điểm là đối đãi với người khác rất thành khẩn, khoan dung, hòa nhã, gần gũi, đó cũng là yếu tố giúp ông thành công sau này.

vào năm 8, thành lập triều Tân. Cuộc cải cách mà ông thúc đẩy bị thất bại dẫn đến thiên hạ đại loạn. Kết quả là Lưu Tú nổi lên và lập lại triều Hán, sử sách gọi là Đông Hán.

Thời kì Đông Hán, triều Hán tiếp tục sử dụng binh lực với quân Hung Nô. Đậu Cố và Đậu Hiển lần lượt ba lần đánh bại quân Hung Nô, tiêu trừ hoàn toàn mối uy hiếp của Hung Nô, giúp triều Hán kiểm soát chắc chắn vùng Tây Vực.

Triều Đông Hán từ thời Linh Đế bắt đầu suy tàn, nội bộ triều đình lục đục còn nghiêm trọng hơn triều Tây Hán. Hơn nữa, các thế lực cường hào địa phương trở nên lớn mạnh, họ tự lập trang viên, tự vũ trang, hình thành các thế lực cát cứ địa phương.

Cuối triều Đông Hán, quân hùng rộ lên, các thế lực cát cứ địa phương như Đổng Trác, Viên Thiệu, Tôn Kiên, Tào Tháo, Lưu Biểu, Lưu Bị cùng hỗn chiến với nhau cho tới khi hình thành cục diện thiên hạ chia ba là Ngụy, Thục, Ngô. Lịch sử chuyển sang thời kì Tam Quốc.

Lưu Bang bị buộc phải khởi nghĩa

Lưu Bang khởi nghĩa phản đối triều Tần tàn bạo, thực ra là bất đắc dĩ chứ không phải là mưu đồ từ trước.

Có lần, Lưu Bang áp giải một toán dân phu của huyện Phong tới núi Ly Sơn để xây dựng lăng mộ cho Tần Thủy Hoàng. Trên đường đi nhiều người trốn mất, theo luật pháp thời đó, Lưu Bang sẽ phải chịu xử phạt nghiêm khắc. Lưu Bang thầm nghĩ, nếu tiếp tục đưa toán dân phu tới nơi thì sẽ bị triều đình xử phạt, chi bằng đem thả những người còn lại giữa đường, còn mình cũng trốn đi là xong. Thế là ông bèn thả những người còn lại, nhưng có vài người lại tình nguyện theo ông. Về sau, đội ngũ lang bạt của ông dần dần lớn mạnh, sau đó Lưu Bang được người dân ở quê hương tiến cử là huyện lệnh. Từ đó, ông tiếp tục chiêu mộ được hai ba ngàn người. Cuối cùng Lưu Bang có một đội quân khá hùng hậu.

Trần Thắng, Ngô Quang dụng cờ khởi nghĩa

Thời gian đầu, sở dĩ Lưu Bang cũng dựng cờ khởi nghĩa chống lại triều Tần là vì khi đó đã có cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng - Ngô Quang nổ ra. Khi đó tình thế nước sôi lửa bỏng, ông chỉ tít đằng xa phụ họa, hô ứng mà thôi.

Cuộc khởi nghĩa Trần Thắng - Ngô Quang diễn ra như sau: Năm 209 TCN, 900 nông dân nghèo khổ bị huy động di lính ở Ngư Dương, trong đó có hai người là Trần Thắng và Ngô Quang. Tháng 7, khi đi tới hướng Đại Trạch, huyện Kỳ, trời mưa to không ngớt, làm lỡ hành trình của họ. Theo pháp luật thời đó, nếu họ không tới nơi đúng kì hạn thì sẽ bị xử tội chết. Do bị bức ép, Trần Thắng và Ngô Quang khuấy động những người dân phu di cùng, giết chết hai viên quan áp giải.

Đội ngũ của họ lớn mạnh thần tốc, nhanh chóng có 600-700 cỗ xe, hàng ngàn kị binh, vài vạn bộ binh. Tuy cuối cùng cuộc khởi nghĩa bị đàn áp nhưng nó đã giáng một đòn mạnh vào triều Tần, từ đó các cuộc khởi nghĩa chống Tần thi nhau nổ ra.



Trận Cự Lộc

Tháng 10, năm 207 TCN, quân Tần bao vây quân Triệu ở Cự Lộc. Sở Hoài Vương cử Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Hạng Vũ là thứ tướng dẫn quân đi giải vây. Tống Nghĩa dẫn quân đến An Dương thì dừng lại 46 ngày án binh bất động. Hạng Vũ để xuất dẫn quân thần tốc băng qua sông, hai quân Triệu - Sở nội ứng ngoại hợp, đánh tan quân Tần nhân lúc họ sơ hở để giải vây ở Cự Lộc. Tống Nghĩa tham sống sợ chết, không đồng ý chiến thuật của Hạng Vũ, ra lệnh toàn quân không được xuất kích. Hạng Vũ trong cơn nóng giận đã giết chết Tống Nghĩa, tự mình dẫn dắt đại quân. Vốn khâm phục sự anh dũng, thiện chiến của Hạng Vũ, các tướng lĩnh đều đồng ý đi theo Hạng Vũ. Hạng Vũ báo cáo tình hình cho Sở Hoài Vương, Hoài Vương phong Hạng Vũ làm tướng quân dẫn quân tiến về phía Bắc. Khi dẫn quân vượt sông, Hạng Vũ đã làm đám thuyền, đập vỡ nồi cơm, để tỏ rõ quyết tâm liều chết với quân Tần.

Lúc quân Tần bao vây Cự Lộc, quân cứu viện do các nước chư hầu cử đến không dám ra đánh. Hạng Vũ dẫn quân vào tới Cự Lộc, thần tốc tiến đánh quân Tần. Trong khi giao chiến, các tướng chư hầu đứng trên thành lũy đều rùng mình vì nhìn thấy quân Sở giết giặc vô cùng dũng mãnh, tiếng reo hò như sấm dậy. Trải qua cuộc huyết chiến ác liệt, Hạng Vũ đã dẫn quân phá tan 20 vạn quân Tần, bắt sống tướng Vương Ly, chém đầu tướng Tô Giác, tướng còn lại của quân Tần là Chương Hàm dẫn tàn quân bại trận chạy về Cúc Nguyên.

Sau khi cuộc chiến kết thúc, Hạng Vũ triệu kiến tướng lĩnh các nước chư hầu đến. Khi họ tiến vào cửa doanh trại, ai nấy đều quỳ gối xuống mà đi, không dám ngẩng mặt lên nhìn. Từ đó, uy phong của Hạng Vũ làm chấn động các chư hầu, ông trở thành thượng tướng quân trên các chư hầu, thống lĩnh toàn quân.

Hán sơ tam kiệt

"Hán sơ tam kiệt" là chỉ ba nhân tài chính trị, quân sự kiệt xuất và công thần đã phò tá Hán Cao Tổ Lưu Bang giành được thiên hạ và xây dựng giang sơn nhà Hán. Họ lần lượt là Tiêu Hà, Trương Lương và Hán Tin. Trong đó Tiêu Hà được gọi là người đứng đầu trong tam kiệt nhà Hán.

Công trạng của Tiêu Hà gồm: Sau khi Lưu Bang tiến vào Quan Trung, ông kịp thời thu thập các thư tịch, tài liệu văn bản luật lệnh tại dinh quan trong cung nhà Tần, từ đó giúp cho Lưu Bang nắm bắt được địa hình sông núi, các cửa ải hiểm yếu và số lượng nhân khẩu, giúp Lưu Bang đưa ra những quyết sách sáng suốt trong các cuộc tranh bá sau này; Khuyên Lưu Bang tiếp nhận xưng hiệu Hán Vương, bồi dưỡng sức dân, chiêu dụ nhân tài, chuẩn bị thời cơ giành lấy thiên hạ; Giới thiệu Hán Tin là đại tướng quân Hán; Canh giữ Quan Trung trong cuộc chiến tranh Sở - Hán, bảo đảm cung cấp kịp thời lương thảo, quân nhu cho hai đội quân lớn của Lưu Bang và Hán Tin.

Tiêu Hà đuổi theo Hán Tin dưới tràng

Hán Tin là trợ thủ đắc lực giúp Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ, bình định thiên hạ, về sau còn được bái tướng phong vương. Thế nhưng, ban đầu ông không phải là người tràn đầy ánh hào quang.

Hán Tin đã đầu quân cho Lưu Bang từ rất sớm, nhưng mãi mà không được trọng dụng. Cho tới trước khi Hạng Vũ phân phong Lưu Bang làm chư hầu, bị ép vào đất Hán Trung, ông vẫn chỉ là một viên quan nhỏ phụ trách trung thu thuế đất. Tuy nhiên, thời đó ông quen biết Tiêu Hà – người được Lưu Bang trọng dụng. Tiêu Hà rất coi trọng ông.

Mãi mà không được trọng dụng, trong lòng Hán Tin rất bất mãn và đã bỏ đi. Tiêu Hà rất lo lắng, cả ngày lẫn đêm đuổi theo Hán Tin, mấy ngày sau thì đưa được Hán Tin về, trình trọng giới thiệu với Lưu Bang, đồng thời nói rằng muôn giàn được thiên hạ thì phải dựa vào sự phò tá của Hán Tin, còn nói người bình thường cũng không giữ được Hán Tin. Lưu Bang thấy Tiêu Hà, người mà mình trọng dụng, lại đuổi theo Hán Tin cả ngày lẫn đêm và đưa về, rồi lại sùng bái ông ta như vậy thì cho rằng Hán Tin chắc chắn có tài năng phi phàm, không lâu sau liền tôn Hán Tin làm đại tướng.

Công trạng của Trương Lương gồm: Giúp Lưu Bang thoát hiểm trong bữa tiệc tại Hồng Môn; Xin thêm đất Hán Trung cho Lưu Bang; Trong cuộc chiến tranh Hán - Sở, hầu như mỗi trận đánh đều hiển sách lực hay cho Lưu Bang.

Công trạng của Hán Tin gồm: Đặt ra phương châm chiến lược cho Lưu Bang là giành lấy thiên hạ; Xây dựng nền tảng củng cố hậu phương cho Lưu Bang; Xoay chuyển tình thế bị động trong cuộc tranh bá cho quân Hán; Trong trận Cái Hạ, chỉ huy quân Hán đánh bại quân Sở, ép Hạng Vũ tự vẫn ở Ô Giang, từ đó giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc chiến tranh Hán - Sở.

Sau khi thành lập triều Hán, Trương Lương sống cuộc đời ẩn dật, về già ngao du thiên hạ. Tiêu Hà tuy bị tống giam vì tội ăn hối lộ, nhưng cuối cùng vẫn được sống cho đến lúc tuổi cao sức yếu. Kết cục của Hán Tin là thê thảm nhất, vì kiêu ngạo do có công lớn, cuối cùng bị khép tội mưu phản và bị xử tử.

Làm sạn đao bên vách núi

Sạn đao là con đường treo do người ta đục lỗ vào đá rồi gác gỗ lên, thường được làm bên vách núi dựng đứng bên dòng sông chảy xiết. Phương pháp xây dựng về cơ bản là: Trước tiên người ta đục các lỗ, tra các thân cây to vào, sau đó trải các ván gỗ lên, làm lan can, cuối cùng lấy một ít cát sỏi nhỏ phủ lên mặt đường.

Việc xây dựng sạn đao bắt đầu từ thời Tần Chiêu Tương Vương (hơn 2.300 năm trước). Sau thời nhà Đường, khi biến đao xuất hiện (con đường bằng đất đá do gọt dốc, xé đá trên vách núi dốc) thì sạn đao bắt đầu ít dần. Đến triều Thanh, sạn đao đã gần như hoàn toàn bị thay thế bằng biến đao.

Hiện tại ở Trung Quốc còn lưu giữ khá nhiều sạn đao cổ, trong đó nổi tiếng nhất là sạn đao Bao Tà, sạn đao Kim Ngưu, sạn đao Đại Ninh Hà và sạn đao Tam Môn Hiệp.



Nguyên nhân Hạng Vũ thất bại

Hạng Vũ khởi binh năm hơn 20 tuổi, vài năm sau diệt Tần, xưng là Tây Sở Bá Vương. Nhưng chỉ vài năm sau, khi 31 tuổi, ông lại tự vẫn ở Ô Giang. Cuộc đời ông có thể gọi là long trời lở đất, gặp ghenh sóng gió. Về nguyên nhân thất bại của ông, trong lịch sử có rất nhiều quan điểm, sau đây là một vài ý:

1. Nhân từ không đúng lúc: Trong giây phút then chốt lại do dự thiếu quyết đoán, không ra tay nỗi, chẳng hạn như trong "buổi tiệc Hồng Môn" đã để Lưu Bang đi.

2. Hung hăn tàn bạo: Ông thường xuyên phóng hỏa tàn sát người dân trong thành, còn chôn sống nhiều binh sĩ. Như vậy tất nhiên sẽ làm mất lòng dân.

3. Hỗn đụng vô muối: Hạng Vũ chiến đấu dũng cảm, có trí tuệ trong một số trận đánh nhưng thiếu vắng mục tiêu lâu dài. Khi triều Tần bị lật đổ, ông còn không biết nên đi tiếp

núi thế nào.

4. Không biết dùng người: Hạng Vũ từng có một số người tài bên cạnh, nhưng ông hay ganh ghét, nghi kị nhân tài, quên công bắt lỗi, dẫn đến nhân tài ngày càng ít, chẳng hạn như Hàn Tin, Trần Bình ban đầu đều quân cho ông, sau lại chuyển sang đầu quân cho Lưu Bang.

5. Sát hại Sở Hoài Vương: Sở Hoài Vương là người đứng đầu (trên danh nghĩa) của các thế lực chống Tần. Việc Hạng Vũ sát hại Sở Hoài Vương đã tạo điều tiếng không hay.

6. Phân phong không đồng đều: Sau khi diệt Sở, ông phân định lại 18 chư hầu, vì đan xen rất nhiều tư lợi nên phân phong không công bằng, dẫn tới bối phía đều là đối địch.

Đương nhiên, còn có một số nguyên nhân, chẳng hạn như thời đó mọi người khát vọng thống nhất, nhưng ông lại phân phong chư hầu nên tất nhiên bị thất bại.

Tây Hán hình thành dân tộc Hán

Tây Hán là cột mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của dân tộc Trung Hoa. Cốt lõi của các dân tộc Trung Hoa – dân tộc Hán đã xuất hiện vào thời kì này.

Từ sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, văn hóa của 6 nước cũ bắt đầu hòa trộn vào nhau. Đến thời Tây Hán, các phương diện như ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa giáo dục, phong tục tập quán dần dần thống nhất, tạo thành văn hóa Hán. Từ đó, Trung Hoa liền xuất hiện dân tộc Hán thống nhất.

Dân tộc Hán và các dân tộc thiểu số xung quanh đều là thành viên của quốc gia đa dân tộc Trung Hoa, nhưng do trình độ văn minh của dân tộc Hán khá cao, vì thế luôn ở vị trí chủ đạo trong các dân tộc anh em. Về sau, cho dù các triều đại không ngừng thay thế, nhưng dân tộc Hán vẫn chiếm vị trí dân tộc chủ thể từ đầu đến cuối.

Việc chăm lo đời sống nhân dân thời kì đầu nhà Hán

Do ảnh hưởng của chính sách hà khắc dưới triều Tần, lại trải qua thời chiến loạn trong thời gian dài, trong những buổi đầu thành lập nhà Tây Hán, đất nước vô cùng nghèo khó, khắp chốn hoang vu tiêu điều. Nhân dân phần lớn đều lang bạt, những hộ dân còn lại chưa tới ba phần mười so với trước chiến tranh. Hoàng đế ra hoàng cung không tìm nổi bốn con ngựa cùng màu lông để kéo xe, có quan đại thần dành phải đi xe bò kéo.

Tầng lớp thống trị ý thức được muốn cai trị đất nước yên ổn trong thời gian dài thì phải đem lại cho nhân dân một cuộc sống tốt đẹp, nhanh chóng khôi phục sản xuất. Vì thế Hán Cao Tổ đã đề xuất chính sách thực hiện chăm lo đời sống nhân dân, các biện pháp chủ yếu gồm: Cho các binh sĩ giải ngũ, về làm công việc sản xuất; Cho những người chạy nạn dưới thời chiến quay về quê hương, khôi phục ruộng đất nhà cửa vốn có; Phóng thích một số nô lệ trở về làm dân thường; Giảm nhẹ thuế.

Mấy đời hoàng đế sau Hán Cao Tổ đều tiếp tục thực hiện chính sách chăm lo đời sống nhân dân, hiệu quả thấy rõ rệt, nổi trội nhất là thời Văn Đế và Cảnh Đế, đến thời Vũ Đế thì đế quốc đã trở nên hùng mạnh.

Sức sản xuất dưới thời nhà Hán

Nhìn từ ngành nông nghiệp và ngành thủ công nghiệp như chế tạo đồ sắt, dệt vải, chế tạo đồ gốm của nhà Tây Hán thì sức sản xuất thời đó cao hơn các triều đại trước, các nông cụ bằng sắt được ứng dụng khá rộng. Trong nông nghiệp, người ta dùng trâu bò kéo cày, Kỹ thuật canh tác đã vượt qua giai đoạn “hóa canh thủy đậu” (một kiểu trồng lúa cũ: đốt cỏ tạp, dẫn nước vào, trồng lúa nước, cuốc cỏ tạp, dẫn nước vào cho cỏ chết để lúa lớn), bước sang giai đoạn cày sâu bừa kĩ là chính.

Cây nòng nghiệp thời Tây Hán

Căn cứ vào tiêu bản sản phẩm nông nghiệp và các loại lương thực vẽ trên đồ gốm được khai quật trong các lăng mộ triều Hán, các nhà sử học, khảo cổ học suy luận rằng tại khu vực trung hạ lưu của sông Hoàng Hà vào thời nhà Hán, người ta chủ yếu trồng đại mạch, tiểu mạch, tiếp đến là cao lương và kê. Ở lưu vực sông Trường Giang và khu vực phía Nam thì lại trồng lúa nước là chủ yếu.



Hán Cao Tổ bị bao vây trên núi Bạch Đằng

Khi Lưu Bang thành lập triều Hán cũng là lúc quân Hung Nô ở phương Bắc vô cùng hùng mạnh, thường xuyên quấy nhiễu các quận biên cương phía Bắc của triều Hán. Mùa thu năm 200 TCN, Hung Nô tấn công vùng Thái Nguyên, Hán Cao Tổ Lưu Bang dẫn hơn 300.000 quân đi nghênh chiến. Quân Hung Nô giả vờ rút lui, rồi hằng ngày dùng hàng trăm hàng ngàn binh sĩ già yếu để nhử quân Hán. Do mới lên ngôi hoàng đế chưa lâu, Lưu Bang rất hăng hái, nhưng lại không hiểu rõ thực lực của Hung Nô, vì muốn giành thắng lợi nhanh chóng nên đã đích thân dẫn một đội quân nhỏ truy đuổi đến tận thành Bình trên núi Bạch Đằng. Thời gian đó đang là mùa đông, trời giá buốt, những binh sĩ mà Lưu Bang dẫn theo đều không quen với thời tiết, nhiều người bị té ngã ngón tay, sứt chiên đầu gối. Ngay ngày hôm sau, bốn bề núi Bạch Đằng đột nhiên xuất hiện hơn 400.000 quân Hung Nô. Lưu Bang bị bao vây liên 7 ngày đêm. Cuối cùng ông đành dùng kế sách của đại thần Trần Bình là hối lộ cho hoàng hậu Yên Thị của thiền vu Mặc Đốn, nhờ vậy mới mở được vòng vây.

Chính sách hòa thân của nhà Tây Hán

Hòa thân là hôn nhân vì mục đích chính trị giữa các dân tộc, hai bên thông qua việc gả công chúa (đôi khi là con gái của quan lại trong triều đình) để chung sống hòa thuận. Chính sách hòa thân của triều Tây Hán với Hung Nô là ví dụ điển hình. Thời gian đầu mới thành lập, do triều Hán không đủ lực chống lại đế quốc Hung Nô hùng mạnh ở phương Bắc, Lưu Bang đành gả con gái của hoàng thất hoặc mĩ nữ trong dân gian cho thiền vu Hung Nô, đồng thời hàng năm cống nạp nhiều châu báu cho Hung Nô. Hai bên giao ước là huynh đệ, đồng thời mở mang chợ ở cửa ải để nhân dân trao đổi buôn bán. Dưới thời Hán Huệ Đế, Lã Hậu, Hán Văn Đế, Hán Cảnh Đế và những năm đầu thời Hán Vũ Đế đều áp dụng chính sách hòa thân. Chính sách này đã hòa hoãn được sự xung đột về quân sự ở mức độ nhất định, có lợi cho việc an sinh xã hội của triều Hán, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nhà Hán thời kì đầu, tăng cường giao lưu văn hóa kinh tế giữa hai dân tộc Hán - Hung.

Thời kỳ cai trị của Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế

Trong thời gian cai trị, Hán Văn Đế Lưu Hằng và con trai của ông là Hán Cảnh Đế Lưu Khải đều duy trì chính sách “an sinh xã hội”, giảm tô thuế, giảm nhẹ hình phạt, làm cho triều đại Tây Hán ngày một thái bình, sản xuất xã hội được hồi phục và phát triển, diện tích đất đai được khai khẩn không ngừng mở rộng, lương thực trong kho chất cao như núi, nhân khẩu liên tục tăng lên, dẫn đến việc xuất hiện tiền đồng trong kho ở chốn kinh kì chất cao như núi, dây xâu tiền còn bị mục nát.

Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế đã xây dựng một xã hội mới phồn vinh, trong lịch sử gọi thời kì cai trị của họ là “Văn Cảnh chi trị”.



Hán Vũ Đế

Hán Vũ Đế (năm 156 TCN – năm 87 TCN), tên là Lưu Triệt, con trai của Hán Cảnh Đế. Thời gian tại vị từ năm 141 TCN đến năm 87 TCN.

Sau khi lên ngôi, ông ban bố “Thời Ân Lệnh”, đồng thời đặt pháp lệnh nghiêm cấm chư hầu tham gia chính sự. Về sau ông lại áp dụng một loạt các biện pháp tăng cường quyền lực của hoàng đế, duy trì chế độ thống trị phong kiến.

Ông cử Vệ Thanh đi đánh Hung Nô, thu phục đất Hà Nam (nay là vùng Hà Sáo, Nội Mông), rồi đưa hơn 100.000 người tới đó định cư.

Ông lại cử Hoắc Khứ Bệnh liên tiếp đem quân đi gây tổn thất nặng nề cho quân Hung Nô. Trải qua mấy lần bị quân Hán tấn công, quân Hung Nô bị đồn về phía sa mạc phía Bắc xói xới. Từ đó trở đi họ không còn quấy nhiễu nhà Hán nữa.

Để phát động tấn công với Hung Nô, Hán Vũ Đế còn cử Trương Khiên đi sứ sang Tây Vực, đặt mối quan hệ giữa nhà Hán với các dân tộc ở Tây Vực.

Hán Vũ Đế tập trung nhân lực trị thủy sông Hoàng Hà, khiến con sông này không còn gây

hỏa trong mấy chục năm trời. Do được Hán Vũ Đế coi trọng, công việc thủy lợi của các vùng cũng đều tương đối phát triển.

Về lĩnh vực tư tưởng văn hóa, Vũ Đế chủ trương độc tôn Nho giáo. Các hoàng đế Trung Hoa có niên hiệu chính là bắt đầu từ thời ông. Ông còn lập Thái Học Viện, lập chế độ bác sĩ đệ tử (học trò của tiến sĩ), lệnh cho các châu quận tiến cử những người dỗ mậu tài, hiếu liêm, bồi dưỡng và để bạt hàng loạt Nho sinh đảm nhiệm quan sứ các cấp. Các quan đại thần mà ông thực sự trọng dụng và tin cậy phần lớn là những người thành thực về Nho giáo và am hiểu sâu về hình pháp. Đồng thời, vi ảo tưởng về chuyện trường sinh bất tử nên ông tôn sùng phuơng sĩ (người tự xưng có thể gặp tiên luyện dan để được trường sinh bất tử), mê tín vào quý thần.

Nói tóm lại, Hán Vũ Đế là một nhà chính trị phong kiến tài giỏi thao lược. Trong thời gian ông trị vì, quốc gia được củng cố, Trung Hoa bắt đầu nổi tiếng thế giới với danh nghĩa là quốc gia giàu mạnh.

Bãi truất Bách gia, độc tôn Nho thuật

"Bãi truất Bách gia, độc tôn Nho thuật" là chính sách cai trị về mặt tư tưởng của Hán Vũ Đế.

Trong thời gian ông trị vì, kinh tế xã hội được khôi phục và rất phát triển. Song song với việc đó, giai cấp địa chủ cũng dần lớn mạnh, nông dân bị áp bức và bóc lột ngày càng nhiều, mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp địa chủ rất gay gắt. Vì thế, việc tăng cường chế độ tập quyền trung ương về chính trị và kinh tế đã trở thành nhu cầu bức thiết của tầng lớp thống trị phong kiến. Trước tình hình đó, tư tưởng già cỗi thanh tịnh vô vi của Đạo giáo đã không còn thỏa mãn nhu cầu của nền chính trị xã hội thời bấy giờ, hơn nữa lại càng đụng chạm tới Hán Vũ Đế - người vốn ham lập công lớn. Nhưng tư tưởng đại nhất thống của Nho giáo, tư tưởng nhân nghĩa và quan niệm luân lí vua tối hiển nhiên phù hợp với tình hình xã hội và nhu cầu chính trị mà Hán Vũ Đế phải đổi mới thời đó. Vậy là về lĩnh vực tư tưởng, cuối cùng Nho giáo đã thay thế vị trí của Đạo giáo.

Đổng Trọng Thư

Đổng Trọng Thư (năm 179 TCN – năm 104 TCN) là nhà tư tưởng và nhà chính trị thời Tây Hán. Chủ trương "Bãi truất Bách gia, độc tôn Nho thuật" mà ông đề xuất với Hán Vũ Đế chính là cấm đoán các trường phái học thuật khác, chỉ cho phép Nho giáo tồn tại, lấy đó để thống nhất tư tưởng, nghiêm cấm mọi người bàn luận riêng tư về quốc gia đại sự.

Đổng Trọng Thư cho rằng, ông trời có thể chi phối số phận con người và vận mệnh của quốc gia. Ông cho rằng bốn mùa tương ứng với tứ chi của con người, nếu người và hoàng đế làm việc xấu thì trời sẽ dùng thiên tai để trừng phạt, chẳng hạn như động đất, lũ lụt, hạn hán, nạn châu chấu... Hoàng đế phải yêu quý và bảo vệ nhân dân của mình, làm cho nhân dân được sống hạnh phúc.

Đổng Trọng Thư cho rằng con người có ba loại: người thương đẳng thì tốt rồi, không cần giáo dục; Người trung đẳng thì cần giáo dục, không thì sẽ thành người xấu; Người hạ đẳng thì dù có giáo dục cũng không trở thành người tốt, cho nên phải dùng pháp luật để trừng phạt họ, nghiêm cấm họ làm việc xấu. Trong khi xét xử vụ án, ông chủ trương phải xem xét động cơ của kẻ phạm tội, động cơ tốt thì cho dù phạm tội lớn cũng có thể tha thứ, giảm nhẹ hình phạt. Còn nếu động cơ xấu thì phải xử phạt nghiêm khắc.

Trương Khiên di sứ Tây Vực

Trương Khiên là người Thành Cố, Hán Trung, là nhà ngoại giao thời Tây Hán.

Để đánh bại quân Hung Nô, Hán Vũ Đế định liên minh với người Đại Nguyệt Chi ở phía Tây để tấn công người Hung Nô, vì thế Trương Khiên đã nhận nhiệm vụ di sứ. Khi xuất phát từ Lũng Tây di qua địa phận của người Hung Nô, Trương Khiên bị bắt, sau đó ông tìm cơ hội trốn thoát, di tiếp về phía Tây tới được Đại Uyển, cuối cùng là nước Đại-Nguyệt Chi. Nhưng nước Đại Nguyệt Chi không còn muốn báo thù Hung Nô nữa. Trên đường quay về, Trương Khiên lại bị quân Hung Nô bắt một lần nữa.

Sau hơn một năm bị giam lỏng, (năm 126

TCN), nhân cơ hội nổi loạn ở đất Hung Nô, Trương Khiên lại trốn thoát, sau đó quay về triều Hán. Trương Khiên báo cáo với Hán Vũ Đế về tình hình ở Tây Vực. Vũ Đế ban cho ông chức Thái Trung đại phu. Sau này Trương Khiên theo đại tướng Vệ Thanh chinh phạt Hung Nô, lập công và được phong là Bác Vọng Hầu.

Về sau, Trương Khiên tiếp tục di sứ sang Tây Vực, tham gia tấn công Hung Nô, thúc đẩy sự phát triển của "con đường tơ lụa" giữa phương Đông với phương Tây, ngoài ra còn mang về Trung Nguyên rất nhiều thú của Tây Vực. Các loại cây như nho, cỏ linh lăng, lựu, lanh... đều do Trương Khiên đem từ Tây Vực về Trung Hoa.

* Gạt bỏ tất cả các trường phái học thuật khác.



Cuộc chiến tranh giữa nhà Hán với Hung Nô

Bắt đầu từ thời Xuân Thu, Hung Nô đã luôn là mối hiểm họa lớn của các chư hầu Trung Nguyên. Dưới triều Tần, có một thời gian, người Hung Nô bị đại tướng Mông Điềm đánh bại và bỏ chạy về Mạc Bắc, trong hơn 10 năm không dám xâm lược xuồng phía Nam. Nhưng sau khi triều Tần diệt vong, Hung Nô lại nhẫn cơ hội Hán - Sở tương tranh để quay lại. Thời kì đầu dựng nước, triều Tây Hán đa phần lấy chính sách hòa thân để hòa hoãn với họ. Đến thời Hán Vũ Đế, tình trạng đó hoàn toàn thay đổi.

Thời đó, triều Hán hùng mạnh, Hán Vũ Đế đã chọn Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh là các tướng chỉ huy, phát động cuộc tấn công quy mô lớn với quân Hung Nô. Mỗi lần ra trận, đội quân tham chiến ít thì vài chục ngàn người, nhiều thì vài trăm ngàn người. Hán Vũ Đế có thể huy động lực lượng khá nhanh và bảo đảm công tác hậu cần hiệu quả. Các tướng lĩnh tài giỏi như Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, đặc biệt là Hoắc Khứ Bệnh có thể lấy ít thắng nhiều, lập nên kỉ tích,

sáng tạo chiến thuật tác chiến đường dài và tấn công bên sườn, khiến cho quân Hung Nô trở tay không kịp.

Cuộc chiến phản kích lại Hung Nô bắt đầu vào năm 129 TCN, tổng cộng trải qua ba bốn chục năm, trong đó có ba trận đánh nổi tiếng nhất lần lượt là: Trận Hà Nam, Mạc Nam vào năm 127 TCN; Trận Hà Tây vào năm 121 TCN; Trận Mạc Bắc vào năm 119 TCN. Đặc biệt là sau trận đánh cuối cùng, quân Hung Nô "không còn triều đình ở Mạc Nam", cuối cùng dân tộc Hung Nô chia rẽ, một bộ phận thì đầu hàng, bộ phận khác thì tháo chạy, triều Hán giành được thắng lợi hoàn toàn.



Tư Mã Thiên và bộ "Sử ký"

Tư Mã Thiên (năm 145 TCN – năm 90 TCN) tên tự là Tử Trường, người huyện Hán Thành, tỉnh Thiểm Tây, là nhà sử học vĩ đại của Trung Hoa. Cha ông là quan thái sử của triều Tây Hán. Sau khi cha mất, ông kế nghiệp cha và trở thành quan thái sử của Hán Vũ Đế. Các sách sử nổi tiếng của ông không che dày diều xấu xa, luôn nói thẳng sự thật. Vì dám bình luân về công và tội của Hán Vũ Đế nên ông đã chọc giận hoàng đế và bị xử phạt bằng cung hình (thiếc). Bản thảo đầu tiên của bộ "Sử ký" mà ông viết ban đầu cũng bị đốt. Sau khi ra ngục, ông phải chịu nỗi đau to lớn về thể xác và tinh thần. Nhưng Tư Mã Thiên đã lấy lại tinh thần để vươn lên, ông lại bò ra mười mấy năm để viết lại bộ sách sử học đồ sộ này.

Bộ "Sử ký" ghi chép lịch sử của hơn 3.000 năm từ thời Hiến Viên Hoàng Đế trong truyền thuyết đến thời Hán Vũ Đế. Nó đã mở đầu cho thủ pháp kí sự sử học, bao gồm "Bản kí": 12 quyển; "Biểu": 10 quyển; "Thư": 8 quyển; "Thể

gia": 30 quyển và "Liệt truyện": 70 quyển, tổng cộng là 130 quyển. Phần lớn "Bản kí" đều là những ghi chép về công trạng của các bậc đế vương. "Biểu" là biên niên sử các sự kiện lớn của các thời kì lịch sử. "Thư" là phần nói về các phương diện như thiên văn, lịch, thủy lợi, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật..., tương tự như lịch sử chuyên ngành của người đời sau. "Thể gia" chủ yếu là ghi chép lịch sử về các quý tộc, vương hầu. "Liệt truyện" chủ yếu là truyện kí về các nhân vật ở những giai cấp khác nhau, một phần ít ỏi của liệt truyện ghi chép về lịch sử thống trị của các quân trưởng dân tộc thiểu số trong nước. Các tư liệu không cùng thể loại đó bổ sung lẫn nhau, tạo thành hệ thống sách sử hoàn chỉnh, ghi chép một cách tương đối toàn diện về lịch sử cổ đại của Trung Hoa.

"Sử ký" có nội dung phong phú, kết cấu nghiêm ngặt, miêu tả sinh động, được tôn vinh là tuyệt tác thiên cổ, Tư Mã Thiên cũng được gọi là "Thánh sử".

NIÊN BIỂU SỰ KIỆN LỊCH SỬ

NĂM (TCN)	ẤN ĐỘ	TRUNG HOA	CÁC KHU VỰC KHÁC
3000		Lưu vực sông Hoàng Hà xuất hiện nền văn minh nông nghiệp.	Thời kì thành bang của lưu vực Lưỡng Hà.
2500	Văn minh Ấn Độ xuất hiện.	Thời kì Hiên Viên Hoàng Đế theo truyền thuyết.	Ai Cập bước vào thời kì Cổ vương quốc; Vua Khufu xây dựng đại kim tự tháp ở Ai Cập.
2200		Thời đại Ngũ Đế theo truyền thuyết.	
2000	Nền văn minh sông Ấn hưng thịnh.	Thời nhà Hạ theo truyền thuyết.	Nền văn minh Aegean xuất hiện; Hammurabi thống nhất vùng Lưỡng Hà.
1700		Triều đại nhà Thương xuất hiện.	
1500	Người Aryan bắt đầu xâm nhập Ấn Độ và định cư.		
1300		Thời kì cực thịnh của triều Thương, chữ giáp cốt thịnh hành.	Đế quốc Assyria xuất hiện.
1000	Người Aryan xây dựng quốc gia tại lưu vực sông Hằng, bắt đầu sử dụng đồ sắt.	Nhà Chu diệt nhà Thương, bắt đầu thực hiện chế độ phong kiến.	Vương quốc Israel thống nhất (vua Solomon) xuất hiện.
800	Bà La Môn giáo, chế độ đẳng cấp xuất hiện.	Thời kì Trung Hưng của Chu Tuyên Vương.	
770		Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp, sử sách gọi là Đông Chu. Thời kì Xuân Thu bắt đầu.	Thời kì cực thịnh của đế quốc Assyria.
630		Thời kì Xuân Thu Ngũ Bá.	Đế quốc Tân Babylon xuất hiện.
600	Bắc Ấn Độ bước vào thời đại liệt quốc.	Bắt đầu sử dụng đồ sắt rộng rãi.	Vương quốc Judah bị đế quốc Tân Babylon tiêu diệt.
551		Khổng Tử ra đời.	Đế quốc Ba Tư xuất hiện dưới sự thống trị của vua Darius I.



NĂM (TCN)	ẤN ĐỘ	TRUNG HOA	CÁC KHU VỰC KHÁC
530	Vương quốc Magadha trở nên hùng mạnh.		
500		Ngô - Việt tranh bá.	La Mã thực hiện chế độ cộng hòa.
480	Nghe nói vào thời gian này, Phật tổ Siddhartha Gautama (Thích-ca Mâu-ni) ra đời.	Khổng Tử căn cứ vào lịch sử nước Lỗ viết sách sử "Xuân Thu".	Cuộc chiến tranh Ba Tư – Hy Lạp.
453	Siddhartha Gautama xuất gia.	Ba nước Hàn, Triệu, Ngụy nắm giữ chính quyền nước Tần.	Hy Lạp thành lập liên minh Delos.
403	Jaina giáo xuất hiện; Thích-ca Mâu-ni viên tịch.	Thời kì Chiến Quốc bắt đầu.	Sparta tấn công Athen.
372	Triều đại Nanda của Magadha thống nhất Bắc Ấn Độ.	Mạnh Tử ra đời.	
350		Triều Tần đóng đô ở Hàm Dương.	Alexandros Đại đế lên ngôi.
327	Alexandros Đại đế xâm lược Ấn Độ.		
317	Chandragupta thành lập triều đại Maurya.		Alexandros Đại đế qua đời.
300	Vương quốc Seleucus xâm lược Ấn Độ.		
268	Asoka trở thành quốc vương đời thứ 3 của triều đại Maurya.		
260	Hoàng đế Asoka chinh phục vương quốc Kalinga, thống nhất phần lớn Ấn Độ.	Trận Trường Bình, Tần phá quân Triệu.	
246	Hoàng đế Asoka ra sức thúc đẩy Phật giáo.	Vua Tần Doanh Chính lên ngôi.	
221		Nhà Tần thống nhất Trung Hoa; Doanh Chính xưng là Hoàng đế (Thủy Hoàng đế).	
202		Lưu Bang thành lập triều Tây Hán.	
139		Trương Khiên đi sứ nước Đại Nguyệt Chi.	Cuộc cải cách của anh em nhà Gracchus ở La Mã.
Năm 25		Lưu Tú thành lập triều Đông Hán.	Văn minh Maya dần bước vào thời kì hoàng kim.



Original Copyright © Hunan Science and Technology Press in China
Vietnam Translation Copyright© KIMDONG Publishing House, 2016
Kimdong Publishing House published this book by transferring the copyright of Chinese
version under license from Hunan Science and Technology Press All rights reserved.
This edition is available for sales in Vietnam Only.

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Hunan Science
and Technology Press và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2016
Bản quyền tiếng Việt thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2016

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Án Độ và Trung Hoa cổ đại : Truyện tranh / Zhang Wu Shun
ch.b. ; Thanh Uyên dịch. - H. : Kim Đồng, 2016. - 176tr. : tranh màu ;
21cm. - (Lược sử thế giới bằng tranh)

ISBN 9786042076135

1. Lịch sử cổ đại 2. Trung Quốc 3. Án Độ 4. Truyện tranh
5. Truyện lịch sử
931 - dc23

KDF0695p-CIP

Lược sử thế giới bằng tranh
ÁN ĐỘ VÀ TRUNG HOA CỔ ĐẠI

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐÔNG

55 Quang Trung – Hà Nội. ĐT: 04 3943 4730 – 04 3942 8632. FAX: 04 3822 9085
Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> – Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐÔNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm – TP. Đà Nẵng. ĐT: 0511 3812 333 – 0511 3812 335. FAX: 0511 3812 334
Email: cnkimdongt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐÔNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

248 Công Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 08 3925 1001 – 08 3925 0987. FAX: 08 3925 1012
Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chủ trách nhiệm xuất bản – Giám đốc: PHẠM QUANG VINH

Chủ trách nhiệm bản thảo – Phó Giám đốc: VŨ THỊ QUÝNH LIÊN

Biên tập: TRẦN NHẬT MỸ

Trình bày bìa: NGUYỄN QUÝNH KHUYÊN

Trình bày: NGUYỄN MẠNH LINH

Sửa bài: BÙI HOÀI THU

In và gia công 2.000 bản – Khổ 14,5 cm x 20,5 cm – Tại Công ty CP In và Văn Hóa Phẩm

Địa chỉ: 83 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 340-2016/CXBIPH/66-17/KĐ cấp ngày 01/02/2016

Quyết định xuất bản số: 322/QĐKĐ kí ngày 20/6/2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2016